

BACH KHOA

G I A I P H Ầ M



*Sống với ý thức hệ *
Khủng hoảng giáo dục
y khoa tại Pháp * Kỷ
niệm 500 năm sinh Nicolas Copernic
* 10 năm trời 2 vụ tai tiếng tại
giới quý tộc Anh * Phật giáo kết
tập kinh điển * Truyện và Thơ
của Nguyễn Ngân Sơn, Tần Hoa
Thụy Khái, Mang Viên Long.*



MỤC LỤC TỪ SỐ 385 ĐẾN 391

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

1.100đ.

2.100đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 500đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 195đ
— Ai-lao	: 40đ.	— Pháp	: 220đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 55đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu	: 245đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 120đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 270đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIẾU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

B Á C H K H O A

O :

TRẦN NGỌC NINH <i>sống với ý thức hệ</i>	05
LÊ XUÂN KHOA <i>Phật giáo kết tập kinh điển (II)</i>	19
TRẦN VĂN TÍCH <i>khủng hoảng giáo dục Y-khoa tại Pháp</i>	25
VÕ QUANG YẾN <i>kỷ niệm 500 năm sinh nhật Nicolas Copernic</i>	33
TỪ MINH từ <i>Profumo</i> tới <i>Lord Lambton</i> , 10 năm trời 2 vụ <i>tai tiếng.</i>	39
MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH <i>lá thư nước ngoài</i>	49
NGUYỄN NGÂN SƠN <i>nước cạn, hoa lau</i> (truyện ngắn)	55
THỤY KHÁI <i>thêm một lần đi</i> (thơ)	66
MANG VIÊN LONG <i>những dãy hành lang buồn bã</i> (thơ)	67
TẦN HOA <i>con nai nhỏ trên đoạn đường gian nan</i> (truyện ngắn)	71

SINH HOẠT

TỪ MINH <i>thời sự thế giới</i>	77
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	81
TRÀNG THIÊN — THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	85
MỤC LỤC THEO BỘ MÔN TỪ 385-386 (E, F) ĐẾN 394 (O)	
<i>Họa sĩ VĂN-THANH trình bày bìa</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
Giá : 120\$ Công sở : 240\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 15\$ mỗi số

Sách nhận được trước 1-7-1973

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Thoại Ngọc Hầu và những cuộc khai phá miền Hậu Giang của Nguyễn văn Hầu do Hương Sen xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 430 trang, sưu khảo công phu gồm 2 phần chính. Phần 1 : Dòng đời, bối cảnh lịch sử và những cuộc khai hoang gồm 16 chương ; Phần 2 : Phả hệ, bản đồ, hình ảnh và các văn liệu liên quan, đều là những tài liệu rất quý giá. Bản đặc biệt.

— Việt nam Văn minh sử lược khảo tập thượng : Từ nguồn gốc đến thế-kỷ thứ X, của ông Lê văn Siêu do Trung Tâm Học Liệu Bộ Giáo-Dục xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 512 trang. Sau chương : Nguồn gốc dân tộc là Quyển I : Văn minh Văn Lang từ khởi thủy đến cuối đời Hùng vương, và Quyển II : Văn-minh Lạc-Việt từ nhà Thục đến thế-kỷ thứ X. Sau cùng là Tổng luận với 62 vấn đề

đã trình bày trong sách. Sách biên khảo công phu với phụ bản 18 hình vẽ, hình chụp, bản đồ v.v... cùng các bản tra cứu : các đề mục, các tài liệu viện dẫn, những đặc danh tôn giáo và huyền thoại, những đặc danh Sử Địa. Bản đặc biệt. Giá 1500đ.

— Nguyên tắc quản trị : Phân tích các chức vụ quản trị. Nguyên tác Principles of Management : An Analysis of Managerial Functions của Harold Koontz và Cyril O' Donnell. Bản dịch của Trần Lương Ngọc và Cung Thúc Tiến, Hiện Đại xuất bản và gửi tặng. Sách dày 710 trang trình bày và giải thích cặn kẽ tất cả các hoạt động quản trị. Các nguyên tắc lý thuyết được minh chứng bằng những thí dụ cụ thể. Giá 800đ.

— Khuôn mặt Quảng Ngãi 1764 - 1916 của Phạm Trung Việt do Nhà in Nam Quang xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 200 trang, biên khảo về danh thần (Tả quân Lê Văn Duyệt, Thái sư Trương Đăng Quế) và chí sĩ cách mạng (Trương Công Định, Lê Trung Đình, Nguyễn Sự) tiêu biểu của miền Ấn-Trà và nhiều hình ảnh. Giá 400đ.

CÁO LỖI

Bách Khoa số trước, đến phút chót, đã bỏ 11 trang đầu mà không kịp bổ túc bài — vì ngày ra đã quá trễ — mà cũng không kịp báo trước cùng bạn đọc, xin quý bạn vui lòng thứ lỗi cho.

Ngoài ra vì giá giấy báo quá cao nên bắt buộc Bách-Khoa, bắt đầu từ số này, phải tăng lên mỗi số 120đ. như các giai phẩm bạn. Xin quý bạn thông cảm tình trạng vật giá gia tăng hiện tại mà chấp nhận cho giá mới trên đây đề tở báo của quý bạn tồn tại được trong giai đoạn khó khăn này.

Sống với ý-thức-hệ

Trong hai mươi lăm năm giảng dạy tại các Đại-học Hanoi, Saigon, Vạn-Hạnh và ở cả một vài Đại-học Âu Mỹ nữa, tôi đã thấy được một phần nào những sự khắc-khoải, của tuổi trẻ tri-thức khi mới bước chân vào cuộc sống thực. Chúng ta phải hiểu thế nào, phải nghĩ thế nào, phải làm thế nào, phải theo ai, để đi về đâu, và tại sao lại phải như thế? Đó là những câu hỏi mà những người có ý thức nhất về cuộc nhân-sinh trong thế giới hiện-đại đã tự hỏi và đi tìm để có một giải đáp. Nhưng một phần lớn cũng không tìm thấy được gì cả. Và họ đành nhắm mắt đưa chân. Có người lại nhận sự thất bại ngay từ trước khi khởi sự và nói rằng cái gì cũng là do định-mệnh cả. Có người thì nghĩ rằng phải làm bất cứ một cái gì, làm để thay đổi, làm để phá đi, làm để lật đổ, không cần biết rằng sau khi ấy thì thế nào; họ nói rằng muốn thế nào thì thế, muốn ra sao thì ra, vì họ không có chủ-đích, họ cũng không hiểu gì về những thực-tế của đời sống cả. Và sau cùng lại có những người, lấy cái lí-trí của mình ra mà đo lường cái thế-giới hiện-đại, rồi tuyên bố rằng thế-giới phi-lí, thế-giới buồn nôn, thế-giới làm ta ưu lự, và ta muốn làm gì thì cứ làm, quên sinh hay vào đạo, trác táng hay gia nhập một đảng cách-mạng, tùy ý: họ cũng không ngại rằng sự phi lí đã là cái thường-tại, hôm qua, hôm nay và mãi mãi thì không phải vì sự dẫn-thân của họ mà

nó trở thành hữu-lí!

Những cái khắc-khoải của tuổi trẻ Việt-Nam cũng như của tuổi trẻ ở khắp nơi trên thế-giới vẫn chưa được giải đáp.

Thế-hệ của chúng tôi, những người trên dưới 50 tuổi, là thế-hệ của những người đã mơ ước và tranh đấu để lấy lại độc lập cho tổ quốc. Phần lớn các sinh-viên ở đây, chưa bao giờ phải sống cuộc đời của những người mất nước, nên không hiểu được ở trong da thịt như chúng tôi, cái khổ-đau và nhục nhằn của kiếp thuộc-dân. Cũng không có mấy ai biết đến sự thiếu mặc, sự đói ăn, đã làm cho những người ở ngay chung quanh mình chết gục la-liệt trên đường phố, cống rãnh, mỗi ngày, mỗi sáng, và chính mình cũng bị khổ trong thân-xác và chán nản, sợ hãi trong tâm-trí. Đối với những người ở lớp tuổi của chúng tôi,—nhiều người nay đã chết, trên chiến-trường trong hay lao tù,—trong suốt thời-kì tuổi trẻ của chúng tôi, chỉ có một tiếng là có nghĩa lí: *Độc-lập*, và không có một ý-thức-hệ nào được cho là ưu thắng ngoài *Tình người*.





Thế-giới hiện-tại của loài người là một thế-giới ngự trị bởi sự hỗn-loạn và bởi các hệ-thống tư-tưởng. Các hệ-thống tư-tưởng được đặt ra là để giảng giải toàn bộ cuộc sống của loài người trên một nguyên-lý tối hậu với mục-đích là hướng dẫn con người đến một đời sống « hợp-lí » hơn trên thế-giới. Như Kant nói, một hệ-thống là một tập-đại-thành của sự hiểu biết, sắp đặt theo những nguyên-tắc. Nhưng sự hỗn-loạn vẫn có, vẫn còn, và vẫn ngày một tăng lên, bất kể các xây-dựng trí-tuệ mà ta gọi là hệ-thống tư-tưởng hay ý-thức-hệ của thời-đại.

Cái tình-trạng ấy, loài người đã trải qua nhiều lần trong lịch-sử, nhưng chỉ ở một vài khu-vực giới-hạn mà thôi. Miền Bắc Ấn-độ trong thời Đức Phật, nước Trung-Hoa trong thời Chiến-quốc, bán-đảo Grèce giữa hai trận chiến-tranh Me-des và Peloponesi, Âu-châu sau Cách-mệnh Pháp và các trận chiến của Napoléon, là những giai-đoạn điển-hình, trong đó những sự rối-loạn của xã-hội đã là khung cảnh cho sự nảy-nở của những hệ

tư-tưởng lớn lao nhất của nhân-loại : Đó là thời của 62 triết-thuyết, 6 vị tôn sư và 6 đại-môn-phái của nền tư-tưởng cổ-điển Ấn ; thời của Lão-tử, Khổng-tử, Mặc-tử, Hàn-Phi-tử và Bách-gia Chư-tử ở Trung Hoa ; thời của Protagoras, Socrate, Platon, Démocrite và các triết-gia Hi-lạp ; thời của Kant, Hegel, Fichte, Marx ở Đức. Đó cũng là thời của chính chúng ta, những người thuộc thế-hệ của hai cuộc Thế-chiến và sống trong sự đe-doạ của một Thế-chiến thứ ba, sẽ tiêu diệt tất cả các mầm sống và các xây dựng trên trái đất : thời của Husserl, thời của Jaspers, Heidegger, Sartre, thời của Jakobson, Piaget và Lévi-Strauss. Các nhà tư-tưởng của những thời này đã dựng lên những hệ-thống triết-học vĩ đại, cao cả và bao trùm ; nhưng, với những hệ-thống ấy, loài người vẫn tiếp tục sống trong sợ-hãi, đau-khò và vô-minh, dường như không có đường thoát.

Các hệ-thống tư-tưởng trong thời đại của chính chúng ta nhiều hơn bao giờ hết. Các hệ thống cũ và mới xung đột nhau trên bình-diện tư-tưởng thuần-túy cũng như trên những chiến-tuyến thực, bằng những vũ-khí tâm-lí và bằng sức áp-đảo của súng đạn. Đây là các tôn-giáo với nguyện vọng chi phối cả nhân-loại trong cuộc sống hiện-tại và cuộc sống vị-lai, ở cõi này hay ở một cõi khác. Đó là các ý-thức-hệ, đang lan tràn theo những làn sóng cách-mệnh, với ý-đồ biến đổi lịch-sử và tái tạo con người trên thế-gian. Nọ là những

triết-lí-hệ, muốn giảng giải vũ-trụ và con người trên căn-bản của một cái tia sáng của lí-trí.

Những tôn-giáo, ý-thức-hệ và triết-lí-hệ đời nay không còn bị khép chặt ở một khu-vực hạn-chế nữa. Tất cả đã phát triển và bành trướng ra khắp mặt địa-cầu, vì kĩ-thuật đã làm cho sự luân-lưu của người và tư-tưởng càng ngày càng nhanh chóng, và các biên-giới quốc gia thì đã bị đập đổ bởi những thế-lực quốc-tế hùng mạnh.

Sống trong sự giao-động không ngừng về tư-tưởng ấy, chúng ta có

cách nào để vượt lên trên và tạo ra sự an-lạc cho ta và cho mọi người hay không? Đó là câu hỏi đặt ra cho tất cả chúng ta ngày hôm nay.

Trả lời được câu hỏi đó, thì ngày mai sẽ còn và sẽ có cho loài người trên trái đất. Lẩn tránh, khất lẩn, từ chối hay tê liệt trước khi vào cuộc, tức là tiếp tay cho sợ-hãi, uất-hận, đau-khổ và chán-nản vẫn cứ bao trùm toàn thể cõi sống của chúng ta, không ngừng, không giảm, cho đến lúc tận thế ở một lúc nào đó, có thể là ngay trong đêm nay.

CÁC HỆ-THỐNG TƯ-TƯỞNG CỔ-ÁN DƯỚI NHÃN-QUAN CỦA ĐỨC PHẬT NHƯ-LAI

Ấn-độ là một tiểu-lục-địa ở miền Nam Á-châu, ở đó vết-tích của loài người bắt đầu có vào khoảng cuối thời cựu-thạch. Sông Indus, trong cả hai chục thiên-niên-kỉ, là ranh giới phân chia hai dòng văn-hóa và kĩ-nghệ, một ở phương Tây và một ở phương Đông, mà thái-cồ-học gọi là Truyền-thống lưỡng-diện và Truyền-thống quả chặt-khí cụ chặt.

Sự trồng-trọt và chăn-nuôi, phát xuất ra từ thượng-lưu sông Mekong-Menam và từ vùng bán-nguyệt phi-nhiều ở Tây-bộ châu Á, đã lan rộng đến Ấn-độ vào khoảng giữa thiên-niên-kỉ thứ - VI và thiên-niên-kỉ thứ - III. Một nền văn-minh đặc thù và sáng lạn đã được dựng lên ở lưu-vực sông Indus bởi các thổ-dân hỗn-chủng ở đây. Vượt qua giai-đoạn làng-mạc, những

người này đã lập nên những thành-thị lớn-lao với vòng thành, đường phố, cầu-cống, kho chứa và thương-điểm. Họ có chữ viết, mà cho đến nay ta vẫn chưa đọc được. Nền văn-minh này được gọi trong tiền-sử-học bởi tên của hai cái tỉnh-thành tiêu-biểu là Harappâ và Mohenjo-daro.

Đột nhiên, vào khoảng năm -1500, có những đoàn người, tuy chưa có chữ viết, nhưng biết chế tạo đồ sắt, biết đóng xe và thắng ngựa để kéo những chiếc xe hai bánh mà họ dùng làm chiến-xa, đã từ miền Nam nước Nga, vượt qua rặng núi Caucaz đập lên các nước của Tây-bộ châu Á mà tràn ngập vào miền Bắc-Ấn. Toàn thể nền văn-minh Harappa Mohenjo-daro đã sụp đổ dưới bánh xe

và gót ngựa của những người xâm-lăng (1) mà lịch sử gọi là Arian tức là «kẻ chiến-thắng» Ấn-Âu, vì họ nói một ngôn-ngữ được coi là thủy-tổ của hầu hết các ngôn-ngữ hiện-đại của Ấn-độ và Âu-Châu.

Từ dọc sông Indus, làm sông Arian lan rộng ra đến bờ sông Gange (Hằng hà) rồi đi về phía Nam để chiếm cứ toàn cõi Ấn-độ. Các bài ca của bộ Rg-Veda, sáng tạo trong thời gian ấy kể lại các giai-đoạn của cuộc trường chinh này. Các thổ dân bị giết gục trên các nẻo đường; những người còn lại bị đim xuống hàng nô-lệ truyền-đời, trong cái xã hội phân chia thế-cấp của dân Arian; chỉ còn lại một số người bất-khuất, đã trốn vào chân núi Himalaya hay lên những cao-nguyên khô-héo của miền Nam để sống cuộc sống tự do của những đàn người man-rợ cho đến ngày nay.

Nền văn-minh mới mà người Arian đã dựng lên ở Ấn-độ bắt đầu thành hình với sự chép lại các bài thánh-ca của họ, vào khoảng năm -1200. Đó là bộ kinh *Veda* (2) được nối tiếp bởi các sách *Brahmana* (-1000) và *Upanishad* (-700). Các kinh-sách này không những là tôn-giáo, mà còn là căn-bản lý-thuyết của chính-quyền và nền-móng thiêng-hềng của tổ chức xã hội, trong toàn thể đất Ấn.

Nhưng, mặc dầu có một sự nhất-thống trong tư-tưởng lãnh-đạo như thế, Ấn-độ quá lớn-rộng để cho phép một sự nhất-thống trong thực-tế chính-trị và xã-hội. Sự phân chia đất-đai thành những tiểu-quốc với

sự giàu-nghèo khác nhau và những chế-độ tạp-biệt là một nguyên-nhân tạo ra chiến-tranh. Sự hiếu-chiến và tham-tàn của giới lãnh-đạo trong mỗi nước, di truyền và nuôi dưỡng bởi dòng máu Arian, là một nguyên-nhân nữa của chiến-tranh. Nền văn-minh Veda suy sụp dần dần từ đầu thế-kỉ - 10, cho tới khoảng giữa thế-kỉ - 7, với sự xuất-hiện của rất nhiều tư-tưởng mới.

Đức Phật và Đạo Phật ra đời vào lúc này, ở lưu-vực của sông Gange.

Tình trạng xã-hội Cổ-Ấn.

Nước Ấn-độ của thế-kỉ thứ-7, trong thời Đức Phật Thích-ca, tất nhiên không giống nước Việt-nam ngày nay và cũng không giống bất cứ một nơi nào trong thế-giới hiện-đại. Sự di-chuyển trong thời đó còn khó khăn. Khi Đức Phật còn là Thái-tử Siddhartha, thì Ngài có xe có ngựa, nhưng khi đã thành Phật thì Ngài đi chân, trên

(1) Những sự kiện này được viết theo ý kiến của phần lớn các nhà thái-cổ-học, như Sir J. H. Marshall, Sir C.L. Woolley, S. Piggott, E.J.H. Mackay.

Tuy nhiên, cũng có những lý-thuyết khác về sự tiêu diệt của nền văn minh Harappa: vì lụt (theo Sahni), vì một lý-do không rõ (A. Ghosh) ..

Một vài học giả Ấn-độ như R.C. Majumdar lại chủ trương rằng dân Arian phát xuất từ Ấn-độ chứ không phải từ Đông-Âu

(2) Niên biểu - 1200 cho Kinh Veda là theo M. Müller, C.L. Woolley... Theo Haug thì là - 2400, và theo Bâl Gangâdhar Tilak thì là - 4000.

những con đường đất nhỏ, trong các rừng cây hay bên những cánh đồng, từ nước này sang nước khác. Chiến tranh xảy ra gần như liên tục giữa các tiểu-vương-quốc trong vùng. Lúc đó, chưa có nước Ấn-độ, và cái tên Ấn-độ, India, cũng chưa có, chỉ có một mớ tên như là Anga, Magadha, Videha, Kasi, Vetsa, Kosala... và những biên giới luôn luôn thay đổi. Trong mỗi nước nhỏ đó, trộm cướp ở khắp nơi; trong rừng thì có những kẻ giết người nổi tiếng về sự tàn bạo như Angulimāla; ở làng thì có cướp làng, ở ấp thì có cướp ấp, ở đường thì có cướp đường, ở tỉnh thì có cướp tỉnh, không đâu là thực có an-ninh. Đức Phật giảng dạy thì không có trường sở. Ngài dừng lại ở đâu thì trường ở đó: trong vườn bông, bên lề đường, ở sườn đồi, giữa một cánh rừng thưa, hay trong một cái nhà bỏ hoang. Xã-hội Ấn-độ chia ra nhiều thế-cấp. Có bốn thế-cấp lớn trong thời Đức Phật, là thầy tu, tướng tá, nông-dân và thợ-thuyền, với một đám người không thế-cấp. Các thế-cấp (mà tôi vừa gọi bằng những tiếng của đời nay cho dễ hiểu), không phải là giai-cấp mà cũng không phải là nghề nghiệp, mà trước hết là những nhóm phân biệt theo một ý-thức-hệ tôn-giáo, bắt buộc rằng những người khác nhau về thế-cấp không được chung đụng với nhau, và một người sinh ra ở thế-cấp này không bao giờ được đổi sang một thế-cấp khác.

Nước Ấn-độ đã thay đổi nhiều và

không còn như thế nữa. Không có nơi nào trên thế-gian giống như thế cả.

Nhưng nhìn theo một khía-cạnh khác và vượt qua những cái bề ngoài mà kĩ-thuật và các hệ-thống văn-hóa đã tạo ra, thì thế-giới ngày nay cũng không khác Ấn-độ trong thời Đức Phật là bao nhiêu.

Vào khoảng thời-gian ấy, trung-tâm quyền-lực của tiểu-lục-địa Ấn đang di chuyển. Trước kia ở thượng-lưu sông Gange, trong một vùng được gọi là *Medhyadesa* hay *Trung-quốc* của đạo Bà-la-môn, trung-tâm của thế-lực đã được đem xuống miền Đông-Nam, và dừng lại ở hai nước Kosala và Magadha trong khoảng gần hai thế-kỉ.

Thời-đại ấy là một thời-đại loạn-lạc và xáo-trộn. Chiến-tranh này chưa ngừng thì chiến-tranh kia đã nổ, dường như không tàn, không ngớt. Những kẻ gây ra chiến-tranh bao giờ cũng nêu ra những lí-do có tính-cách chính-nghĩa,

và tăng thêm uy-vũ và thế-lực cho mình. Câu « cá lớn nuốt cá bé » là lời của Kautilia, một tướng quốc Ấn-độ ở thế-kỉ thứ 4, đề nói về tình trạng thường xuyên của nước ông. Nước lớn thôn tính nước nhỏ, các đế-quốc đe dọa và xâm chiếm các tiểu bang, bản-đồ chính-trị luôn luôn biến động vì những cuộc chinh phạt hay phục thù của nước này và nước nọ.

Loạn lạc không ngừng đã làm đảo lộn các giá trị trong xã-hội và tạo ra những sự thay bức đòi ngôi liên-tục và trọng-đại. Ngày hôm nay, đang là vương-hầu, ngày hôm sau có thể đã thành ra một tên nô lệ vong quốc. Một cơ nghiệp lớn lao có thể bị tiêu hủy trong một cái chớp mắt sau một cuộc hành quân trong vùng. Đó là đối với những kẻ cao sang, có địa vị, có tài sản, có thể thiếp và người hầu hạ ở trong xã-hội. Còn đối với đám lê-dân thì từ lúc cất tiếng khóc đầu tiên cho đến khi hai tay buông xuôi, chỉ có những đau khổ và lo sợ vô cùng tận: chui rúc để có nơi ăn chốn ở, cạo nôi cho đỡ đói lòng, còng lưng để làm việc, và luôn luôn sẵn sàng để chịu đựng những hình phạt tàn nhẫn mà người trên có thể ban cho bất cứ lúc nào. Kinh Kutadanta tả cái kiếp người dân một cách rõ ràng như một lời luận tội. Các người công nhân bị « *túm cổ lôi kéo* », nghĩa là họ bị bắt đi dân công một cách cưỡng bách, bằng võ lực và những cách thức hung dữ tàn bạo. Họ bị « *đánh đập bằng roi gậy* »: đó là sự hành hạ thể-xác và sự lăng nhục tinh-thần, như đối với các súc vật. Nhưng ghê sợ hơn nữa, là sự đe dọa liên-tục: họ « *bị dọa nạt bởi hình-phạt* », họ « *bị dọa nạt bởi sợ hãi* ». Sự đe-dọa, sự sợ-hãi là cái chất liệu dệt nên đời sống của lũ dân đen, cho nên, như lời Kinh nói « *họ làm việc trong than khóc với nước mắt tràn đầy mặt mày* ».

Tình trạng tinh-thần của Ấn độ vào thế-ki thứ 7

Cái không-khí chung là không-khí của sự bất an, của sự mất lòng tin, của sự chán-nản vô-vọng. Những người mất rễ trong xã-hội càng ngày càng nhiều. Và nhiều hơn nữa là những người tự mình muốn dứt bỏ với cuộc sống vô-nghĩa và cái xã-hội phi-lí ở chung quanh. Họ thoát li bằng cách phục sức, bằng cách ăn uống, bằng phép nằm, bằng phép ngồi, bằng những hành - động nghịch-qui. Những hình ảnh được ghi lại trong Kinh *Kassapa Sihanada* (Ca-diếp Sư-tử hống) không khác gì hình ảnh của một buổi chiều thứ bảy ở Piccadilly Circus, Luân-đôn, hay ở Time Square và Greenwich Village, Nữu-Uớc ngày nay:

Họ mặc vải gai thô, hoặc mặc vải gai và với nhiều thứ vải khác ... mặc vải phần-tảo-y hay mặc vỏ cây tititaka, mặc da con sơn-dương đen, hoặc vải bện bằng những miếng của da con sơn dương đen, mặc áo may bằng cỏ cát-tường, mặc áo làm bằng vỏ cây, mặc áo làm bằng những mảnh gỗ nhỏ, mặc áo kết bằng tóc bện hay bằng lông đuôi ngựa,...

Họ chủ trương chỉ ăn lúa non hoặc chỉ ăn lúa tẻ, chỉ ăn gạo lức, chỉ ăn muối mè, chỉ ăn hạt cải, chỉ ăn rễ cây, chỉ ăn cỏ, chỉ ăn phân bò,...

Đó là những « *mốt* » hay những phong-trào của những người thanh niên đã bị tha hóa trong tâm-hồn bởi sự thối-nát của xã-hội.

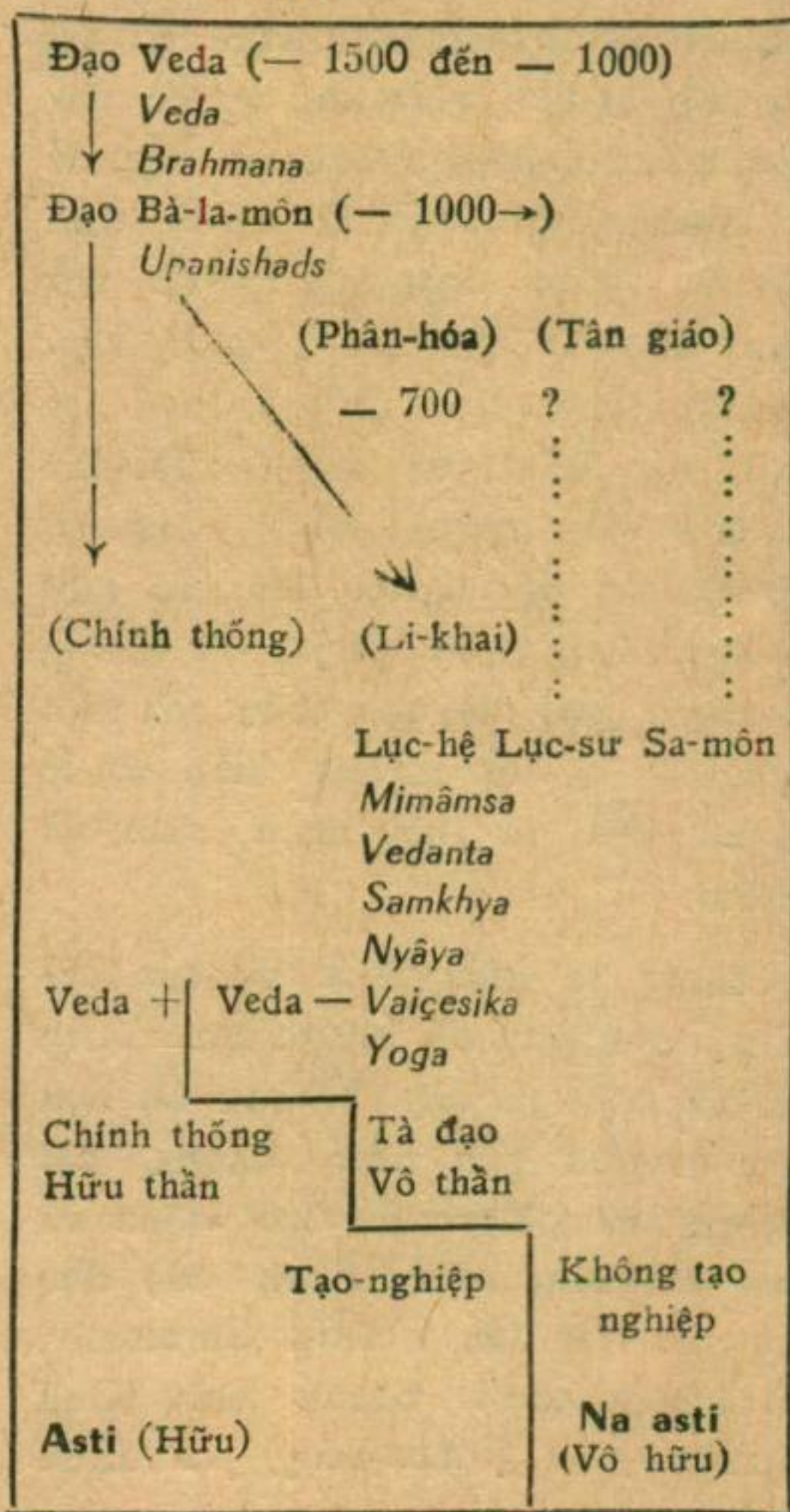
Tư-tưởng tôn-giáo chính-thống

hoàn toàn xa cách với quần chúng đau-khổ và không có một chút hiệu-lực nào trước tình thế loạn lạc đương thời. Đạo Bà-la-môn là đạo của kẻ chiến thắng. Giáo lí Bà-la-môn là nền móng tinh-thần của sự kì-thị trong xã-hội Ấn-độ. Các bài thánh-ca trong kinh *Veda* đã nói cái quyền thống trị của người chủ, và sự nô-lệ-hóa những kẻ bại trận. Vào khoảng năm — 1000, các Sách *Brahmana* (Tế-nghi-thư) dựng lên cả cái hệ-thống thể-cấp của xã-hội Ấn, và khẳng định cái uy-quyền tuyệt đối có tính-cách di-truyền của cấp tu-sĩ Brahman. Các việc tế-lễ càng ngày càng nhiều và càng phiền toái.

Một số tu-sĩ Balamôn cũng đã bắt đầu thấy sự trống-rỗng của tôn-giáo mà họ đang phụng-sự. Họ không dám rời bỏ các thánh-kinh *Veda* mà họ cho là thiên-khải, được truyền xuống cõi trần bởi chính Đức Phạm-thiên. Nhưng họ bắt đầu suy tư về phương-pháp để đạt tới được sự hiểu-biết cái thực-thể tối-hậu của vũ trụ. Đó là khởi-diểm của sáu dòng triết-lí cổ-diễn được gọi là *darṣana*

(hệ) trong lịch-sử triết-học Ấn-độ.
Sáu darçana là :

Vào thời của Đức Phật, có lẽ mới chỉ có bốn trong sáu dòng dharma này thôi. Nhưng sau đó, thì cả sáu dòng và nhiều dòng khác nữa (như *Veda-vâda*, *Srstivâda*, *Brahmavâda*, *Mêheçvara*...) đã phát triển và nêu



lên nhiều vấn-đề đề thảo luận với Phật-giáo.

Những người bỏ hẳn đạo Bà-la-môn cũng có nhiều. Một số tu-sĩ li khai. Nhưng phần lớn là những người không thuộc về giới Bà-la-môn. Các nhà khảo-cứu Tây-phương cho rằng nhiều người trong bọn này thuộc về những thế-cấp bị trị, hậu duệ của những thổ-dân của nền văn-hóa Harappa-Mohenjo-daro đã nầy nỏ ở vùng sông Indus trước khi bị giống Arian, chinh phục. Điều này chỉ là một giả thuyết. Một số môn-sư của các phái mới xuất thân từ giới nô-lệ thực. Như Purāna Kassapa, «người dòng Rùa», là một nô-lệ trốn chủ, lại bị cướp lột hết quần áo; hoặc như Gosāla Makkaliputta «con anh xâm đê ở chuồng bò», cũng là nô-lệ trốn chủ vì sợ bị phạt; cả hai đã trở thành tôn sư của hai hệ-phái lớn. Nhưng trong cái tình thế loạn lạc của nước Ấn-độ từ thế-kỉ - IX đến thế-kỉ - VII người nô-lệ cũng có thể chỉ là một người dân của một nước mới bị chinh phục, mà không bắt buộc phải là con cháu của một người đã bị đim xuống kiếp nô lệ truyền đời từ hai ngàn năm về trước.

Chúng ta biết rất ít về các hệ-thống tư-tưởng đã được tạo dựng lên bởi triết-gia này. Những tài liệu trực truyền gần như không có. Nhưng trong Kinh của đạo Jaina và nhất là trong nhiều Kinh của đạo Phật, có nói đến những Shramana, là những tu-sĩ không nhà. Kinh *Brahma jāla* (Phạm-vông) và Kinh

Samanna-Phala (Samôn-quả) phân tích những hệ-thống tư-tưởng này theo lời dạy của Đức Phật và giảng giải về nguyên-nguyên của các hệ.

Trong thực-tế của lịch-sử thì có thể có tới dư trăm hệ-phái cùng đua nở trong khoảng thời-gian này ở Ấn-độ. Một cuốn sách (1) nói rằng có 96 vị không thuộc hệ-thống Bà-la-môn-giáo.

Chủ-trương của các thuyết này là gì?

Tất cả đều là những hệ-thống tư-tưởng theo cái nghĩa đầy-đủ của danh-từ này: mỗi hệ-thống được xây dựng trên một nguyên-lí căn-bản bất-khả-biện-luận và hệ-thống nào cũng có tham vọng là giảng giải toàn thể vũ-trụ vật-chất và tâm-linh theo quan-điểm nhất-nguyên.

Truyền-thống Bà-la-môn chia các hệ này ra làm hai nhóm về bản-thể-luận, là hữu (*asti*) và vô-hữu (*na-asti*). Những người chủ trương «hữu», gọi là các *āstika*, là những người cho rằng ở khởi-thủy và trong bản-thể của mọi vật, có một cái gì tự-sinh tự-tại, thường hằng, bất-diệt: một cái siêu-việt mà không một ai có thể nhận-thức hoặc ý-thức được. Tùy theo hệ-phái, người ta gọi cái đó *Prajāpati*, (Chúa Thần), *Hiranyagarbha* (Hoàng-noãn: quả trứng vàng), *Skambha* (Tạo-hóa), *Prana* (Sinh-khí), *Brahmanaspati* (Phạm-thiên-chúa), *Brahman* (Phạm-thiên), *Ātman* (Đại-ngã)..., và cũng

(1) Ngũ-phần-luật.

tùy theo hệ-phái, cái sở-kiến về cái Toàn-thực bất-khả-giác ấy cũng sẽ thay đổi. Cũng như ngày nay. Trời, Thiên, Jehovah, Elohim, Thiên-Chúa, Allah, Tạo-hóa trong các tôn-giáo. Đó là những tên được người ta đặt ra để gọi Cái, hay Đấng không do cái gì sinh ra cả và sinh ra tất cả mọi cái ở trong vũ-trụ.

Còn đối với những người chủ trương vô-hữu, gọi là các *nāstika*, thì không có cái gì gọi là siêu việt cả. Cũng như nhóm trên, nhóm này phân ra thành nhiều hệ phái, Phái thì cho là chẳng có cái gì hết và chẳng có cái gì sinh ra cái gì hết. Phái thì cho là có hay không có, ta cũng không biết và cũng chẳng biết để làm gì. Phái thì cho rằng ở đâu hết là vật-chất và tất cả đều do vật-chất mà có: đời sống và ý thức cũng bắt nguồn ở vật-chất. Phái thì cho tất cả đều là ngẫu nhiên mà thành, do sự bất-ngờ của những đụng chạm và phối-hợp, và định-mệnh vô-tri đã tạo ra tất cả.

Cái biên-giới phân biệt nhóm *āstika* và nhóm *nāstika* là một biên-giới di-động, tùy theo lập-trường để phán xử là lập-trường gì. Khi thì *āstika* và *nāstika* được coi là «hữu-thần» và «vô-thần»; khi thì lại được coi là «chính-

thống» và «tà-đạo»; khi thì có nghĩa là «theo Thánh-kinh (Veda)» hoặc «không theo Thánh-Kinh»; khi thì bị coi là «công nhận có sự tạo-nghiệp» hoặc «không nhận có sự tạo-nghiệp»... Đây là những thứ nhãn-hiệu mà những người tự cho là có độc quyền nắm giữ chân-lí đã đặt ra để phân biệt đen trắng theo đường lối tuyên truyền muôn thừa.

Có một điều thực là lạ-lùng, là mặc dầu ở ngay trước mắt tất cả mọi người và dẹt vào ngay trong đời sống hàng ngày của hết thảy mọi giới, là những sự đau khổ vô vàn của kiếp người. Mặc dầu một số tôn-sư của các hệ phái cũng đã biết những đau-khổ của bản-thân mình và của thế-cấp mình, mà không ai thấy gì cả, không ai động lòng cả, và không ai nói hay làm được một cái gì để biến đổi cái tình trạng ấy cả. Các hệ-thống tư-tưởng cổ-truyền cũng như tân-lập đã bước qua cái thân-phận con người để đi tìm những cái gọi là uyên-nguyên của vũ-trụ hoặc nguyên-lí của bản ngã.

TRẦN NGỌC NINH

Kỳ tới: Đức Phật trước các hệ thống đương-thời.

Một bộ truyện chiến tranh rất đáng được đọc:

- MÙA HÈ ĐỎ LỬA
- DỰA LƯNG NƠI CHẾT

của PHAN-NHẬT-NAM

Đã phát hành toàn quốc.

Sách do An Tiêm xuất bản trong tháng 6 và 7-73

- * THỰC HIỆN TOÀN MÃN Sadhana
của Tagore, Nguyễn ngọc Thơ dịch
- * KẼ LẠ Ở THIÊN ĐƯỜNG của Simone Weil
Phùng Thăng dịch, tác phẩm của một nữ sĩ thần bí.
- * TẶNG VẬT của Tagore
Đỗ Khánh Hoan dịch
- * TÔI VÀ EM truyện dài của Hoàng Ngọc Tuấn
- * TÌNH KHẦU thơ Nguyễn Đức Sơn
- * DU SĨ CA thơ Nguyễn Đức Sơn
- * HIỆN CHƯƠNG GIÁO DỤC
sách của Kim Định
- * THIÊN LUẬN III của Suzuki
Tuệ Sỹ dịch

Sách đang in :

- * TỔ NHƯ THI trích dịch
thơ Nguyễn Du, Quách Tấn dịch
- * HUYỀN NGHĨA KINH LĂNG GIÀ
của Suzuki, Tuệ Sỹ dịch
- * SỰ HỦY DIỆT CỦA MỘT TRÀO LƯU
TU TƯỞNG
sách của Tuệ Sỹ
- * CÁT BỤI MỆT MỎI
truyện của Nguyễn Đức Sơn (tái bản)
- * MƯA NGUỒN, LÁ HOA CỒN thơ Bùi Giáng
(chỉ in duy nhất 500 bản trên toàn giấy tốt,
đóng bìa vải, 400 trang, giá 1.600\$).
- * VĂN HỌC THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI
Bửu Ý dịch

Phật giáo kết tập kinh điển

Đại hội lần thứ ba

Đại Hội kỳ thứ ba được triệu tập tại Pataliputra (Hoa Thị Thành) dưới triều vua Priyadasi Asoka (A-đục-vương), 18 năm sau khi Phật nhập diệt (Kinh Dipavamsa). Xét cho kỹ, dường như đây không phải là một Đại Hội bao gồm đầy đủ thành phần và khuynh hướng khác nhau mà chỉ là một hội nghị của phe thượng tọa (Sthavira) dưới quyền thống lãnh của Moggaliputta Tissa (Mục-Kiều-Liên Tử-Đế-Tu), nhằm mục đích thanh lọc hàng ngũ tăng chúng và bảo vệ giáo pháp nguyên thủy của đức Phật, nhưng với một tinh thần có vẻ rộng rãi hơn khi trước.

Theo kinh Mahāvamsa, Moggaliputta Tissa vốn là dòng bà-la-môn và đã lâu thông kinh điển Vê-da từ trước năm 16 tuổi. Ông được trưởng lão Siggava thuyết giảng Phật giáo và chỉ ít lâu sau là chứng quả A-la-hán. Nhờ sự giáo hóa của Ông mà vua A-đục càng quyết tâm theo đạo Phật và cho hai người con xuất gia là hoàng tử Mahendra và công chúa Sanghamitra. Hai người này sau được cử đi Lanka (Lăng-già, tức Tích Lan) để truyền bá Phật pháp.

Vì có cảm tình với Phật giáo, vua Asoka đã xây cất rất nhiều chùa chiền và bảo tháp, cung cấp đầy đủ phương tiện cho các chư tăng. Có

nhiều người ngoại đạo đã lợi dụng cơ hội tốt đẹp ấy, xin xuất gia đầu Phật nhưng vẫn giữ tín ngưỡng cũ gây nên tình trạng phân hóa trong tư tưởng và giới luật nhà Phật. Tình trạng ấy khiến cho Tissa buồn bực rút về tịnh xá trên núi Ahoganga ẩn dật trong bảy năm liền. Các tỳ kheo chính thống khác cũng không chịu làm lễ chay Uposatha (1) cùng với những tỳ kheo ngụy tín trong suốt thời gian ấy khiến cho sinh hoạt chùa chiền mất hẳn ý vị của đạo pháp.

Vua A-đục rất lo ngại cho tiền đồ Phật giáo, bèn hạ lệnh bắt buộc tăng chúng phải hành lễ trở lại. Một quan chức thi hành nhiệm vụ này vì quá hăng say đã cho chém đầu tất cả những tỳ kheo nào không chịu tuân lệnh trên. Khi hay tin ấy, Asoka rất hối hận và muốn bày tỏ lòng sám hối. Ông hỏi ý kiến các tăng chúng xác định xem ông có tội hay không. Vấn đề không thể giải quyết được vì các ý kiến đưa ra rất trái ngược. Sau cùng, thế theo quyết nghị chung, nhà vua cho sứ giả lên núi Ahoganga mời trưởng lão Tissa tới triều kiến.

Sau nhiều lần cầu thỉnh, Tissa mới chịu xuống núi, và đi thuyền tới Pataliputra. Asoka ra tận bờ sông nghinh tiếp. Khi thuyền cập bến,

(1) Uposatha (Pali) hay Upavasatha (Sanskrit) là lễ chay, được cử hành mỗi tháng sáu ngày.

nhà vua thân hành lội xuống nước tới đầu gối và giơ tay mặt ra đón vị trưởng lão để tỏ lòng cung kính. Về tới triều đình, Tissa thi hành một phép thần thông để thuyết phục Asoka về quyền lực của mình và sau đó trả lời cho nhà vua biết rằng ông không phạm tội vì việc sát hại các tỳ kheo không phải là một hành động do chủ ý. Sau đó Tissa còn giảng luận Phật pháp cho Asoka thêm bảy ngày nữa.

Ít lâu sau, do đề nghị của Tissa, nhà vua cho triệu tập tại kinh đô tất cả tăng chúng trong giáo hội. Ông vời các tỳ kheo thuộc đủ mọi khuynh hướng tới trình bày giáo pháp của Phật, trước sự dự kiến của trưởng lão Tissa. Trong công cuộc khảo sát này, có tới sáu mươi ngàn tỳ kheo ngoại đạo bị khai trừ khỏi giáo-hội. Số tỳ kheo được chính thức thừa nhận là những người thuộc thành phần chính thống hoặc theo quan điểm Phân biệt thuyết (Vibhajjavàda) tức là quan điểm dung hòa giữa hai phái Thượng Tọa và Đại chúng. Sau cuộc thanh lọc, nhà vua ban chiếu cho các tăng đồ cử hành lễ chay đề sám hối và tẩy trừ các ảnh hưởng của Ma vương.

Vâng lệnh vua, trưởng lão Tissa tuyển lựa một ngàn tỳ kheo họp thành Đại hội kết tập kinh điển lần thứ ba. Hội nghị kéo dài trong chín tháng thì hoàn tất được cả ba tạng Kinh, Luật và Luận. Tương truyền Luận tạng là bộ Thuyết sự (Kathà-

vathu) do chính Tissa trước tác đề phi bác tất cả các quan điểm đối lập và ngoại đạo.

Điều đáng chú ý là Đại Hội kết tập kỳ ba này chỉ thấy lưu truyền trong Nam phương Phật giáo (truyền thống Pali) còn Bắc phương Phật giáo (truyền thống sanskrit) không thấy xác nhận. Jean Filliozat ghi nhận rằng theo kinh điển sanskrit, trưởng lão Upagupta (Ưu Ba Cức Đa, tức Cạn Hộ) (1) đã giữ một vai trò gần tương tự như trưởng lão Tissa của truyền thống pali, nhưng không thấy nói đến việc triệu tập Đại hội kỳ ba (2). Trong bút ký của hai vị thiền sư Pháp Hiền và Huyền Trang cũng thấy ghi chép những nơi kết tập kỳ thứ nhất và thứ hai mà không thấy ghi nơi kết tập kỳ ba.

Đại hội lần thứ tư

Đại Hội kỳ thứ tư được triệu tập dưới triều vua Kaniska (Ca-Nhị-Sắc-Ca), vốn dòng dõi bộ tộc Tukhaca (Nhục Chi) tức là miền tiếp giáp Afghanistan (A-phú-hân) và Bactria ngày nay. Tổ tiên Kaniska chinh phục các nước lân bang lập nên vương triều Kusana (Quý Xương Hầu) và đến đời Kaniska (đời thứ ba)

(1) Upagupta là người thuộc đẳng cấp tiện dân (Sùdra), xuất gia năm 17 tuổi, ba năm sau chứng được quả A-la-hán, và đã từng tranh thắng được Ma-vương (Màra). Ông đứng hàng thứ tư trong 28 Tổ Thiền Ấn-độ, viên tịch vào năm 335 trước T.C.

(2) L'Inde classique, vol. II, 2230.

thì đã thống trị cả một vùng Đông bộ Trung Á và Tây Bắc Ấn Độ.

Người ta không được biết rõ niên đại của Kaniska nhưng có thể ấn định trong khoảng từ cuối thế kỷ I đến giữa thế kỷ II sau T.C. Cũng không rõ Kaniska theo Phật giáo từ bao giờ và trong trường hợp nào (1) nhưng có thể tin chắc là Kaniska đã có công lao rất lớn trong công cuộc phát triển đạo Phật không thua kém gì công lao của vua Asoka ngày trước.

Thời gian triệu tập Đại hội kỳ thứ tư được phỏng định vào khoảng 100 năm sau T.C. Địa điểm nhóm họp, theo Huyền Trang là Kasmira (Ca-thấp-di-la, tức Ca hemire ngày nay). Đại Hội này không được Nam phương Phật giáo thừa nhận và cũng không được nhắc đến trong các kinh sử ở Tích Lan. Có thể giải thích rằng mặc dầu quan điểm của Hữu Bộ — (Sarvastivada) thuộc Thượng Tọa Bộ là chủ yếu trong công cuộc kết tập kinh điển, Đại Hội vẫn cố gắng dung hòa và chấp nhận các quan điểm khác biệt. Theo các kinh sách Tây tạng, một trong những kết quả của Đại Hội là giải quyết được mọi sự bất đồng trong giáo hội. Tất cả mười tám bộ phái (2) đều được thừa nhận là chính truyền giáo lý của Phật. Kern cũng nhận

định rằng: « Công việc có ý nghĩa nhất của Đại Hội là chấm dứt được một giai đoạn tranh biện giữa các bộ phái, nhưng không ngăn chặn được sự phát hiện những khuynh hướng mới ». (3)

Theo Huyền Trang, vua Kaniska ham đọc kinh Phật và hằng ngày đều có thỉnh một vị cao tăng vào cung để giảng pháp, nhưng vua rất hoang mang ngờ vực gì nhận thấy giáo nghĩa không giống nhau. Szu

(1) Có truyền thuyết cho rằng Kaniska được một vị Bồ-tát thỉnh linh xuất hiện và giác ngộ ông theo đạo Phật (Eitel: Sanskrit-Chinese Dictionary).

(5) Mười tám bộ phái thuộc cả Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ, gồm có:

A. *Thượng Tọa Bộ* (Sthaviradāh), còn gọi là *Tuyết Sơn Bộ* (Haimavatāh): (1) Nhất thiết hữu bộ (Sarvastivādāh); (2) Độc tử bộ (Vatsīputriyāh); (3) Pháp thượng bộ (Dharmottariyāh); (4) Hiền vũ bộ (Bhadrāyāmyāh); (5) Chính lượng bộ (Sammatīyāh); (6) Mật lâm sơn bộ (Sannagarikāh); Hóa địa bộ (Mahisāsakāh); (8) Pháp tạng bộ (Dharmaguptāh); (9) Âm quang bộ (Kāsyāpiyāh); (10) Kinh lượng bộ (Sautrāntrikāh).

B. *Đại chúng bộ* (Māhāsāṅghikāh): (1) Nhất thuyết bộ (Ekavyāvarkāh); (2) Xuất thế bộ (Lokottaravādinah); (3) Kê dân bộ (Kaukkutikāh); (4) Đa văn bộ (Bahusrutāyāh); (5) Thuyết giả bộ (Prajñāptivādinah); (6) Chẽ đa sơn bộ (Jetavanīyāh); (7) Tây Sơn trụ bộ (Aparasailāh); (8) Bắc Sơn trụ bộ (Uttarasailāh).

(6) Xem « 2500 Years of Buddhism » (The Publications Division, Government of India, 1956). p. 48-49.

cùng hỏi đến Parsvá (Hiếp tôn giả) (1), được rõ về tình trạng phân phái trong Phật-giáo, Kaniska bèn nảy sinh ý định triệu tập Đại hội gần đủ mọi khuynh hướng để thống nhất giáo nghĩa các bộ phái.

Nghe lệnh triệu tập, con số tăng đồ và cư sĩ các nơi kéo về Kasmira quá đông, nên vua phải ra sắc lệnh chỉ tuyển bạt những tài khéo học rộng tài cao và tinh thông tam tạng. Cuối cùng số người tham dự tổng cộng là 500 người. Dưới quyền chủ tọa của Vasumitra (Ba-tu-mật-đa hay Thế hữu) (2), hội nghị chú thích và luận nghĩa (upadesá) ba tạng kinh điển, mỗi bộ soạn thành 100.000 s'loka, (3) tổng cộng là 300.000 s'loka tức là 600.000 dòng chữ. Tất cả các bản kinh đều được khắc trên bản đồng 12 năm mới hoàn thành. Sau đó, Kaniska cho xây cất một bảo tháp lớn để tàng trữ, cất cử người hộ vệ để ngăn ngừa sự thất lạc hoặc trà trộn học thuyết ngoại đạo. Ai muốn học hỏi và nghiên cứu chỉ được xem ở trong tháp, cấm không được đem ra bên ngoài. Tuy nhiên về sau hai pho kinh tạng (Sútra-pitaka) và Luật tạng quảng giải (Vinaya-vibhàsa) cũng bị thất truyền, chỉ còn lại bộ Abhidharma mahavibhàsa-s'astra (A-tì-đạt-ma Đại-tì-bà-sa-luận hay A-tì-đạt-ma quảng luận), được sư Huyền Trang dịch ra Hán văn vào khoảng năm 656-659, gồm 200 quyển. Nội dung của bộ luận này là tổng hợp giáo nghĩa dị đồng của các bộ phái để hoàn thành giáo nghĩa của Hữu bộ.

Đáng tiếc là Huyền Trang cũng như

các tài liệu Bắc tông khác đã không ghi rõ văn tự nào đã được dùng để chép kinh trong kỳ Đại hội thứ tư, nhưng cũng có nhiều bằng chứng khiến cho người ta có thể tin chắc rằng Đại hội này đã mở đầu cho giai đoạn dùng văn tự

(1) Parsva vốn là dòng bà-la-môn, sinh tại Gandhara. Khi trước có tên là Nan sinh (ra đời một cách khó khăn). Năm 24 tuổi, xuất gia đầu Phật, phát lời nguyện rằng không bao giờ nằm nghiêng, tức là thế nằm của Phật khi nhập diệt Niết Bàn, nếu chưa đạt được sáu phép thần thông (abhijñā) và tám nẻo đường giải thoát (pāramitā). Do đó, có tên là Hiếp tôn giả (Hiếp : bên sườn, bên hông). Eitel, trong Sanskrit-Chinese Dictionary, giải thích nằm nghiêng tức là nghi ngại, mới chỉ đúng một phần. Còn Soothill trong A Dictionary of Chinese Buddhist Terms cho biết rằng Parsva vốn theo phái thờ sùng sườn (?) (Worship of the Ribs), thì không biết là căn cứ vào đâu.

(2) Vasumitra sinh tại Bắc Ấn, vốn có tật hay uống rượu say và phá phách, sau được Mikkaka (Di-già-ca), tổ thứ 6 trong Nhị thập bát tổ, giáo hóa và thâu nhận làm đệ tử. Ông theo phái Nhất thiết hữu bộ, chủ tọa Đại hội kết tập kỳ thứ tư, và là tác giả bộ Chúng-sự-phân A-tì-đạt-ma luận (Abhidharma — prakarana-pāda śāstra). Ông là tổ thứ 7 trong 28 tổ, viên tịch vào khoảng 150 trước T.C., có lẽ ngay sau kỳ Đại hội thứ tư. Jean Filliozat trong l'Inde Classique (vol II, 2226) Có nhắc đến việc Vasumitra lúc đầu cũng bị đối xử như Ananda trước kia tức là không được chấp thuận tham dự Đại hội vì chưa chứng được quả A-la-hán.

(3) Sloka (Thủ-lư-ca hay Thất lộ ca một hình thức thơ cổ điển Sanskrit. Mỗi sloka gồm 2 dòng, mỗi dòng ngắt làm 2 đoạn, mỗi đoạn có 8 âm, tức là tổng cộng 32 âm hợp thành một sloka.

sanskrit trong lịch sử biên soạn kinh điển nhà Phật. (1)

Paramārtha (Ba-la-mạt-đà), một dịch giả ở thế kỷ thứ VI, (2) lại cho biết rằng Kātyāyana (Ca-chiên-diên-tử), (3) tác giả bộ luận Jñāna-pras-thāna, có triệu tập tại Kasmīra, một hội nghị gồm 500 ti kheo phái Tiểu thừa và 500 ti kheo phái Đại thừa, với sự tham dự của Asvaghosa (Mã Minh), (4) hợp soạn được bộ Mahāvibhāsa (Đại ti-bà-sa) làm căn bản cho giáo lý Hữu bộ, vì thế phái này sau còn gọi là Vaibhāsika (Ti-bà-sa-luận-sư), Paramārtha cũng nhắc đến việc khắc kinh để khỏi bị đưa ra ngoài miền Kasmīra, nhưng ông không hề nhắc đến vua Kaniska. Ngày nay các học giả thường căn cứ vào thuyết của Huyền Trang có lẽ vì tài liệu phong phú và có tính chất xác thực hơn. Và lại, Phật giáo đại thừa (Mahāyāna) chỉ thật sự thành hình sau Đại hội thứ tư nên thành phần tham dự đại hội, nếu có, cũng chưa thể kể là tương đương với thành phần của Phật giáo nguyên thủy hay Tiểu thừa (Hinayāna).

Ta có thể mượn lời nhận định của Jean Filliozat để kết luận về Đại hội kết tập lần thứ tư: «Đại hội này (hay những cuộc hội họp của các vị đại sư mà sau đó được coi như một đại hội) có vẻ chính là công trình của phái Sarvāstivādin-Vaibhāsika (Hữu bộ ti-bà-sa luận sư) chứ không phải là một cộng đồng bao gồm các bậc đại sư thuộc mọi môn phái nguyên thủy và đại thừa. Thành phần đại thừa chỉ có thể hiện

diện với tư cách đối lập... Dẫu sao, Vasumitra cũng không phải là một nhà sư đại thừa. Việc ông chủ tọa một hội nghị có các nhà sư đại thừa và tính cách công đồng của đại hội (l'oecuménisme du concile) chỉ là những điểm truyền thuyết có tính cách phụ thuộc...

«Dẫu cho vai trò đích thực của Kaniska tại đại hội là thế nào đi nữa (thật sự thì bộ Vibhāsa được soạn sau đời ông), thời đại của ông cũng biểu thị một tình trạng cạnh tranh ráo riết giữa các bộ phái Phật giáo. Tình trạng ấy là động cơ khiến cho công việc trước tác nảy nở mạnh mẽ, nhờ đó mà Hữu bộ vùng Kasmīr đã cố gắng quy định được học thuyết của mình, và cũng do đó lịch sử đã nhắc nhở đến triều đại Kaniska với tên tuổi của một số lớn nhân vật mà

(1) Xem thêm « 2500 years of Buddhism », sách đã dẫn, tr. 49.

(2) Paramārtha hay Gunarata (Câu-lan-nan-đà). hay Chân đế tam-tạng, sinh tại Ujjain, miền Tây Ấn. Ông sang Trung Hoa vào khoảng 547, gặp lúc xứ này đang có loạn nên định quay về. Gặp cơn bão lớn, thuyền ông dạt vào Quảng Đông, ông bèn ở lại và dịch được 50 bản kinh.

(3) Kātyāyana hay Katyay aniputra (Ca-chiên-diên-tử), tác giả bộ luận Jñānapras-thāna, là người sống dưới thời Kaniska. Không nên lầm với một trong Thập đại đệ tử của đức Phật, có tên giống nhau.

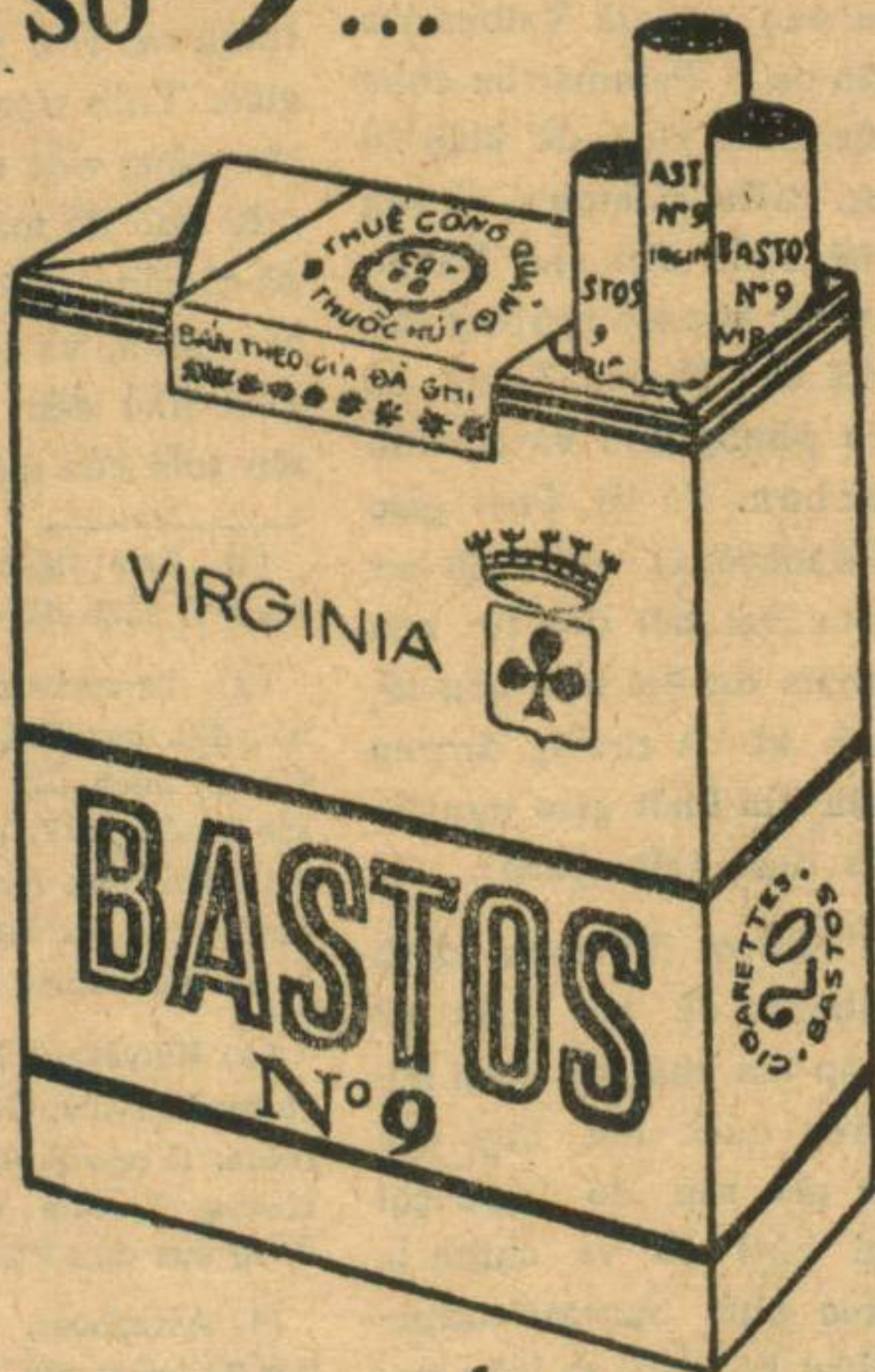
(4) Asvaghosa, người ở Benaras, là vị thứ 22 trong nhị thập bát tổ. Ông là tác giả của nhiều bộ luận Đại thừa, nổi danh nhất là hai bộ Buddha-carita-kāvya-sūtra (Phật sở hành tán kinh) và Mahāyāna-sraddhotpāda-Sāstra (Đại thừa khởi tín luận).

đứng đầu là bốn "vùng mặt trời" (1) Nagarjuna (Long Thọ), Aryadeva (Thánh Thiên), Asvaghosa (Mã Minh) và Kumàratàta (Cưu-Ma-La-Đa), mặc dầu không phải tất cả những tác giả này đều xuất phát từ vương triều Kaniska.

LÊ XUÂN KHOA

(1) Tứ nhật (Catvārah Sūryāh) là danh xưng gán cho bốn vị đại sư sau đây : Asvaghosa (Mã Minh) soi rạng phương Đông ; Nagarjuna (Long Thọ), phương Tây ; Aryadeva (Thánh Thiên) phương Nam ; và Kumàralàta (Cưu-ma-la-đa), phương Bắc.

số 9...



... LÃ THUỐC THƠM
CỦA BẠN

Khủng-hoảng giáo-dục Y-khoa tại Pháp

Trong bầu không-khí nhiễm bệnh tập-thể hiện nay của giáo-dục, giảng huấn Y-khoa đang qua một cơn khủng-hoảng ở hầu khắp mọi quốc-gia. Ở Anh, trong những năm gần đây, vì số sinh-viên gia-tăng gấp đôi, nên tình trạng thất-nghiệp đã trở nên trầm-trọng. Một cơ-sở kinh-doanh cần bốn kỹ-sư thì có đến tám trăm thí-sinh xin ứng-tuyển. Năm vừa rồi, các Bộ trong Chính-phủ phải bãi-bỏ kỳ thi tuyển thường-niên thứ ba trong năm, vì không còn chỗ cho quý quan Nghè, Cống tân-khoa. Một ủy-ban — ủy-ban Todd — sau một thời gian làm việc, đã đúc-kết nhận-xét và đề-nghị của mình liên hệ đến giáo-dục y-khoa thành hẳn một cuốn lam thư đề đệ-trình chính-quyền và quốc-hội. Ở Hoa-kỳ, một khóa hội-thảo đông đảo được triệu-tập vào khoảng tháng 4. 1969 tại Hoa-thịnh-đốn đề riêng bàn về giáo-dục y-khoa. Các cố vấn Bạch-cung thẳng-thắn nhận-định rằng họ muốn thấy số sinh-viên giảm thiểu « ít nhất là trong một vài địa hạt ». Và đề làm nản lòng những sinh-viên theo học các chuyên-khoa lâu năm, chính-phủ bớt 15% tổng-số các học-bổng về nghiên cứu. Nhưng nhìn chung, bài toán y-học có vẻ khó giải và nhức óc ở quê-hương Pasteur hơn ở các quốc-gia khác, trong hai thập-niên chúng ta đang sống.

Tình-trạng bất-an thực ra không phải chỉ hạn-chế ở các Đại-học Y-

khoa, mà là một căn bệnh chung của nền giáo-dục Pháp hiện-đại. Dẫu vậy, triệu chứng bất thường lại nhắm vào bộ-phận y-khoa mà biểu-hiện ra ngoài một cách có vẻ rầm-rộ nhất.

Niên-khoá 1972-73, toàn quốc Pháp có khoảng 700.000 sinh-viên. Một số không nhỏ mang tâm-trạng khắc-khoải, dè dặt trước ngưỡng cửa văn-chương và có phần thiên về những bộ môn tương-đối dễ mưu-sinh lúc tốt-nghiệp như y-khoa, kinh-tế.

Tân Tổng-Trưởng Quốc-Gia Giao-Dục Pháp, Joseph Fontanet, cho rằng sự phân-phối sinh-viên trong các lĩnh-vực không đồng-đều và hợp-lý : quá đông theo nghiệp văn-chương, trong khi con số sinh-viên theo đuổi các ngành kỹ-nghệ, khoa-học còn thiếu-thốn. Tình-trạng khủng hoảng càng nặng nề hơn vì có đến 40% cô cậu Tú bỏ học sau năm thứ nhất ở Đại-học. Chỉ có một phần ba số sinh-viên ghi tên lúc đăng-trình là lĩnh được văn-bằng cử-nhân, mà trong số này thì cũng chỉ có một phần ba là học-hành thông-suốt, không ở lại lớp năm nào. Môi-trường Đại-học, với những kết-quả thấp kém như thế, dĩ nhiên không thể hoạt-động một cách hoàn-chỉnh.

Nhưng không biết làm sao hơn. Vì đây chỉ là giá phải trả cho dân-chủ : trước kia, mức học-vấn chung cho đại-chúng là văn-bằng tiểu-học, nay, cùng với sự tiến-bộ, trình-độ Tú-tài là trình-độ kẻ như phổ-thông.

Một vài dữ-kiện

Pháp hiện có 33 Khoa và Trường Y-học (1), mà lớn tuổi nhất là Y-khoa Đại-học-đường Montpellier, thành lập đã hơn 750 năm (1220). Y-khoa Ba-lê chỉ đứng vào hàng thứ ba (1253), sau Toulouse (1229). Với một dân-số độ 50 triệu, Y-sĩ-đoàn Pháp, tính đến ngày 1-1-1972, có 71.365 bác-sĩ ghi danh. Như vậy, cứ mỗi một trăm ngàn dân thì Pháp có 139 y-sĩ. Về khía cạnh này, Pháp được kể như đứng vào hàng cao-thủ trong y lâm. Nhưng còn phải thua vài nước khác : Nga-xô với 259 (năm 1968), Hoa-kỳ với 163 (1969), tuy rằng Pháp đứng trên nhiều nước châu Âu : Thụy-điển 111 năm 1967, Hòa-Lan 117 năm 1966. Trong khối thị-trường chung Âu-châu — mà Pháp là một thành-viên —, Pháp chiếm một thế đứng tương-đối khiêm-nhường. Trong số khoảng 350.000 y-sĩ của toàn khối Âu-châu thập quốc, nước Ý có vinh-dự tính được 168 y-sĩ cho 100.000 dân (1), Tây-Đức và Bỉ đồng-hạng với tỷ-số 154, trong khi tại Y-pha nho, Na-uy, Đông-Đức, mật-độ y-sĩ dưới 85. Để so-sánh cho vui, chúng tôi ghi nhận tỷ-số do nhật-báo Chính-Luận công-bố ngày 21-5-73 : tại Việt-Nam, chúng ta có 1 y-sĩ cho 15.000 dân, nghĩa là, tính theo quy-ước quốc-tế, mật-độ y-sĩ của ta chưa đạt được 7 y-sĩ cho một trăm ngàn dân ! Trong mười năm nữa, cũng theo cùng một nguồn tin, ta hy-vọng đạt mức 20 y-sĩ cho mỗi một trăm ngàn dân, trong khi giới nghiên-cứu nhân-khẩu

-học Pháp dự -trù cho kế -hoạch ngũ-niên thứ sáu (1971-1975) một tổng số phải đạt được là 72.841 cho năm 1978 tức là 136 y-sĩ cho một trăm ngàn dân Pháp, (Như vậy, tỷ-lệ gia-tăng y-sĩ được ước-định là thấp hơn tỷ-lệ gia-tăng dân-số). Năm 1980, tỷ-lệ ấy sẽ là 195, để vượt lên 200 năm 1985 ; và vào khoảng 220 năm 1990. Cũng vẫn đề so-sánh, người viết xin ghi thêm về mật-độ y-giới ở 15 quốc-gia châu Phi nói tiếng Pháp và Mã-đảo : họ có tất cả 1.700 y-sĩ, với tỷ số tổng-quát là 5 y-sĩ cho một trăm ngàn dân (Vây là miền Nam tự-do cũng còn hơn quê-hương Tổng-Thống Bokassa, thật là may-mắn và... hãnh-diện !)

Năm 1969, hệ-thống Y-tế Pháp chi-tiêu 39 tỷ quan, tức 774 quan cho mỗi đầu người dân, tương-ứng với 6,2% tổng sản lượng quốc-gia. Số giường bệnh trên toàn quốc là 524.519 giường vào ngày 1-1-1968 (65,7% trong các bệnh-viện công, 34,3% trong các bệnh-viện tư). Nhân-số phục-vụ trong các cơ-sở điều-trị, gồm mọi loại : hành-chánh tiếp-liệu, y-tá, quản-lý, chuyên-viên y, nha, dược v.v. năm 1968, là 435.500 người (70,8% trong lĩnh-vực công và 29,2% trong lĩnh-vực tư). Số giường dự-trù cho năm 1975 là từ 550.000 đến 580.000, như

(1) Theo tài-liệu của OMS, tháng 11-1972 (Répartition des Ecoles de Médecine dans le monde)

(2) Tỷ-số 168 này là kể cả nha-sĩ, vì người nha-sĩ Ý bắt buộc phải là y-sĩ, không như ở nhiều quốc-gia khác, kể cả Việt-Nam.

vậy tỷ-lệ là 10,5 đến 10,9 giường cho mỗi một nghìn dân. Nếu so-sánh với hiện tình y-khoa trên thế-giới, thì phân-xuất vừa kể bị xem như là thấp hơn ở Thụy-điền và Gia-nã-đại, tương-đương với Hòa-lan và Cộng-hòa liên-bang Đức, nhưng cao hơn Hoa-kỳ năm 1967.

Theo các quy-định của chính-quyền, tính đến đầu năm 1972, mỗi năm các trường y-khoa Pháp phải cố-gắng thu-nhận trên dưới 10.000 sinh-viên vào năm thứ nhất, trong khi ở Hoa-kỳ, tài-liệu cuối cùng mà người viết có cho biết là vào niên-khoá 1969-1970, 10.382 sinh-viên được thu-nhận vào năm thứ nhất. Ở vài quốc-gia khác, các con số được ghi-nhận như sau :

Thụy-điền (7,9 triệu dân năm 1967) : 801 sinh-viên Y.K.

Hoà-Lan (12,6 triệu dân năm 1967) : 1599 sinh-viên Y.K.

Tây-Đức (57,7 triệu dân năm 1967) : 3780 sinh-viên Y.K.

P. Roger hy-vọng là cuối kế-hoạch ngũ niên thứ sáu (1975), nước Pháp mỗi năm sẽ đào-tạo được khoảng từ 6000 đến 7000 y-sĩ.

Về lực-lượng y-tá, thì theo thống-kê của Liên-hiệp-quốc (Santé du Monde, OMS, 12-1972), Pháp hiện có 130.000 người, nghĩa là cứ mỗi 380 dân, Pháp có một y-tá. Dưới khía cạnh này, Gia-nã-đại đứng hàng đầu thế-giới với một y-tá cho 170 dân ; Népal đứng hạng bát, với tỷ-số 1/80.000. Hoa-kỳ có một triệu y-tá, đứng hàng thứ ba trên thế-giới, sau

Gia-nã-đại và Đan-mạch. Ngoài ba nước này, Pháp còn thua Nga-xô, ở đây mỗi năm có 50.000 y-tá được đào-tạo. Như vậy, Pháp được xếp hạng năm, trước Nhật-bản, Áo-quốc v.v...

Lý-do khủng-hoảng

Vì tình-trạng khủng-khoảng giáo-dục Đại-học là một tình-trạng chung, nên trước hết, có những lý-do liên-quan đến tất-cả các lĩnh-vực Đại-học.

Sự gia-tăng sĩ-số sinh-viên là nguyên-nhân gây bệnh rõ-rệt nhất. Trong vòng hai mươi năm trở lại đây, giới giáo-dục quan-niệm rằng học-vấn không bao giờ là dư thừa cả : đầy gần như là một tín-điều, một giáo-lý. Trước hết, là vì lý-tưởng dân-chủ : ai cũng có quyền học-hỏi, trong phạm-vi khả-năng của mình. Thứ nữa là vì quyền-lợi của quốc-gia : một xã-hội càng tiến-bộ bao nhiêu càng tiêu thụ nhiều chất xám bấy nhiêu. Nhưng thực-tế chưa hẳn đã đẹp như vậy. Quốc-gia càng có nhiều sinh viên, đại học càng sung-mãn, thì gánh nặng càng oằn lên vai của xã-hội, sự đe-dọa càng cấp-bách đối với cộng-đồng. Tương-lai thanh-niên trở nên mờ-mịt hơn, và sự việc dân-chủ-hóa giáo-dục, nếu bình tâm quan-niệm, có thể tạo viễn-ảnh một hố sâu không đáy. Giới thống-kê, dựa vào những dữ-kiện ở Hoa-kỳ, ước-tính rằng cứ mười lăm thanh-niên Pháp thì có một thanh-niên có đủ thông-minh trên mức trung-bình, khả dĩ vượt qua được bậc Đại-học, trong những điều-kiện Đại-học thực-sự dân-chủ,

nghĩa là ai có sức là được học, cộng-đồng đối-xử với toàn dân hoàn-toàn ngang nhau, không phân-biệt con ông cháu cha, không có con vua bên cạnh con lão sãi chùa. Trong những điều-kiện lý-tưởng như vậy thì, với mỗi lớp tuổi — được đánh giá gồm lối 800.000 cá-nhân — quốc-gia Pháp sẽ có chừng 53.000 giáo-sư Đại-học, tốt-nghiệp bách-khoa hoặc đồ bằng thạc-sĩ ! Trong khi đó, nhu-cầu hằng năm chỉ lối một phần mười ! Và không có quốc-gia nào, chứ không riêng gì Pháp, đâu là quốc - gia kỹ - nghệ hay hậu kỹ - nghệ, lại có thể xài sang đến mức cung-dưỡng một quân-lực chỉ gồm tướng với đại-tá như vậy ! Trái lại, ở Pháp cũng như ở Mỹ, xã-hội đang cần những thanh-niên có học-lực khoảng 2,3 năm cao-đẳng, để rồi ngừng lại ở đấy, dần dần phục-vụ cộng-đồng, không đi xa hơn nữa.

Thành ra Đại-học bắt-buộc phải đóng bót cửa lại, và môi-trường Đại-học trở nên một thế-giới trong đó quy luật đấu-tranh để sinh-tồn theo kiểu Darwin là quy-luật phổ-thông, rất tàn-nhân ; thay vì, theo lý-thuyết dân-chủ, chỉ có sự lựa chọn rất tương-đối, dựa vào khả-năng và tài-cán.

Riêng đối với y-khoa thì lại có nhiều yếu-tố khác để cắt-nghĩa tình-trạng khủng-hoảng.

Trước hết, là hiện-tượng các tri-thức sinh-học và y-học gia-tăng quá nhanh-chóng. Trong khi thời-lượng đào-tạo y-sĩ vẫn được giữ nguyên

thì số lượng và vóc dáng các môn học cứ bành-trướng mãi, đưa đến tình-trạng chương-trình học càng ngày càng công-kềnh, khiến sinh-viên có thể bị hướng theo một bách-khoa chủ-nghĩa chỉ có bề mặt. Thành ra cân nhắc giữa lượng và phẩm các môn học trở nên một vấn-đề rất khó-khăn : nếu chỉ chú-trọng đến phẩm, thì sự lựa chọn rất tế-nhị, có thể buộc phải hy-sinh những tri-thức mới-mẻ để lưu giữ những bộ môn kinh-điển.

Một lý-do thứ hai là các điều-kiện hành-nghề y-sĩ đã thay-đổi. Bên cạnh những y-sĩ toàn-khoa hoạt-động lẻ-loi, con số các y-sĩ chuyên-khoa gia-tăng đều-đặn và y-thuật được hành-xử theo hình-thức nhóm, toán. Và lại, chính các điều-kiện của tác-vụ y-khoa cũng biến-thiên : y-sĩ không còn diện đối diện trực-tiếp với bệnh-nhân nữa, mà một yếu-tố thứ ba đã xuất-hiện : xã-hội. Chính xã hội tài-trợ phần lớn những y-phí, chính xã-hội lại cũng là nạn-nhân của các hậu-quả do bệnh-tật gây nên. Do chế-độ bảo-hiêm xã-hội tiến-bộ của Pháp, dầu muốn dầu không, y-sĩ cũng giữ một vai-trò quan-trọng trong cân cân chỉ-tiêu của quốc-gia. Thành ra y-sĩ không thể không đề tâm đến những hậu-quả về tài-chánh liên-hệ đến công việc kê đơn bốc thuốc hằng ngày. Và dầu rằng nước Pháp vẫn triệt-đề tôn-trọng nguyên-tắc tự-do viết toa, người thầy thuốc cứ phải cân nhắc khía cạnh kinh-tài trong lúc hành nghề.

Cuối cùng, vai trò và trách-nhiệm của y-sĩ trong cộng-đồng đã nói rộng rất nhiều. Săn sóc cho con bệnh chỉ còn là một khía cạnh hành nghề thường nhật. Y-khoa phòng-ngừa bệnh-trưởng kéo theo những công-tác khám sức khỏe định-kỳ, khám sức khỏe theo luật lao-động, để phát-giác các trường-hợp bệnh-lý ở người có vẻ khỏe-mạnh. Nhưng tầm tay của người thầy thuốc còn phải vươn xa hơn, và tập-thể đòi hỏi y-sĩ phải ra khỏi phòng khám bệnh hay nhà thương để tham-gia vào những chương-trình vệ-sinh nguyên-tử hay tiến-hành các biện-pháp chống ô-nhiễm môi-sinh, giảm-thiểu tiếng động. Đi xa hơn nữa, vai trò của y-sĩ trở thành tích-cực trong công-tác đấu-tranh chống các tệ-đoan xã-hội như nghiện rượu, nghiện thuốc lá, nghiện ma-túy hoặc cấp-cứu các trường-hợp tai-nạn lưu-thông. Thành ra, đã phải căng-đáng một vốn liếng lâm sàng càng ngày càng nặng, người thầy thuốc lại còn phải thường-xuyên chuẩn-bị nói rộng phạm-vi tri-thức trong những lĩnh-vực vừa-kề. Đây cũng là một lý-do rất quan-trọng khiến cái học làm thuốc gặp khó-khăn, lâm vào khủng-hoảng. Cho nên cải-tổ giáo-dục y-khoa trở nên cấp-thiết.

Động-cơ cải-tổ giáo-dục y-khoa

Lý-do tổng-quát đưa đến kế-hoạch cải-tổ giáo-dục y-khoa Pháp gần như hiển-nhiên : khi mà y-học tiến-bộ vượt bậc thì học-nghiệp và cử-nghiệp y-khoa không thể nào cứ dậm

chân một chỗ. Trái lại, để theo kịp trào lưu tiến-hóa của ngành y, giới hữu trách giáo-dục và y-tế Pháp đương-nhiên phải nghĩ đến vấn-đề sửa-đổi lẽ-lối, chương-trình giảng-huấn y-khoa.

Nhưng nếu có những lý-do được viện-dẫn bàn cãi công-khai thì cũng có những lý-do chỉ được hàm ý, hiểu ngầm.

Người ta nhấn mạnh khắp nơi rằng phải cải-tổ để hợp-thức-hóa sự xuất-hiện những môn học mới mẻ, những môn học mà vào thập-niên 50 chỉ mới tượng hình. Chẳng hạn sinh-học, di-truyền-học, miễn-nhiễm-học, bệnh-lý môi-sinh, điện-toán học y-khoa... Các bộ môn mới ấy không chỉ xuất-hiện như những bộ môn mới mẻ, riêng rẽ mà lại còn chi-phối sâu rộng các bộ môn học cũ. Để cho dễ hiểu, chúng tôi lấy ví-dụ chẳng hạn môn di-truyền-học. Những khái-niệm mới về di-truyền như truyền-tin, mật mã (transfert, code) được trình-bày không những chỉ trong bộ môn di-truyền-học mà còn lấn rộng qua vùng trời của các môn khác như bệnh-lý (ví-dụ quan-niệm và bệnh-tật bầm-sinh và di-truyền gần như đảo lộn), trị-liệu (như cơ-chế tác-dụng các trụ-sinh được quan-niệm chính-xác hơn rất nhiều : thay vì trình-bày một trụ-sinh nào đấy tác-dụng lên một vi-trùng nào đấy, y-giới hiện-đại đã đạt đến giai-đoạn khảo-sát cơ-chế tác-dụng của trụ-sinh trên sự truyền tin của vi-trùng, khiến vi-trùng không nhận được các mật-mã di-truyền, và vì vậy, không tăng sinh được v.v...),

Trong khoa bệnh-lý-học chẳng hạn, có nhiều, rất nhiều quan-niệm về cơ chế sinh bệnh mới được cắt-nghĩa và mô-tả; có nhiều thề-loại bệnh-tật mới được chứng-minh, ví-dụ các loại bệnh về diếu-tổ (enzymopathies). Trong khoa trị-liệu-học, bên cạnh những được-phẩm mới, xuất-hiện hàng hàng lớp lớp, còn có những chương hoàn-toàn lạ. Ví-dụ chương trị-liệu các bệnh do chính bản-thân y-sĩ gây-ra (pathologie iatrogène). Lại có những môn học tuy nội-dung không thay-đổi, nhưng được quan-niệm lại từng phần theo một xu-hướng khác: bộ môn nhi-khoa chẳng hạn nay thiên rất nặng về chiều-hướng nhi-khoa xã-hội (pédiatrie sociale). Môn lão-học chuyên trị bệnh cho người lớn tuổi càng ngày càng vững vàng và phát-triển, với tham vọng nâng tuổi thọ trung-bình của con người lên 85 tuổi, vào năm 1985. Bên cạnh là những phương-pháp chẩn-đoán càng ngày càng cải-tiến, càng mới-mẻ, đòi hỏi người sinh-viên y-khoa phải có những vốn liếng trí-thức vững chãi trong các bộ môn điện-tử, sinh-học, cybernétique v.v... Và lại, với óc phân tích vốn là cá-tính đặc-thù của Y-học khoa-học, ngành Y càng ngày càng bị chặt vụn thành những chuyên-khoa, chuyên-khoa con, chuyên-khoa cháu, chuyên-khoa m ni... (spécialités, sous-spécialités, sur-spécialités, minispécialités...)

Trên một bình-diện còn rộng lớn hơn, song song với những cải-tiến, người ta đề ra những sáng-kiến, và vì vậy, có những bộ môn biến thành

hắn một giáo-kỳ (cycle d'enseignement), chẳng hạn sự thiết-lập một giáo kỳ mới là giáo-kỳ sinh-học nhân-văn (cycle de biologie humaine), kéo theo sự khai-sinh chứng-chỉ dự-bị nhân-sinh-học CPBH (Certificat Préparatoire aux Études de Biologie Humaine).

Một lý-do khác cũng cắt-nghĩa tính-cách cấp-thiết của công-tác cải-tiến chương-trình giáo-dục y-khoa: Pháp là một thành-viên của khối Thị-trường Chung, thoát tiên chỉ có sáu nước, nay lên đến mười quốc-gia. Trong cơ-cấu liên-quốc này, các chính-quyền liên-hệ đã đặt vấn-đề cho người thầy thuốc tự-do hành nghề ở tất-cả các quốc-gia hội-viên, song song với sự thành-lập một tổ-chức nghiệp-vụ cộng-đồng mệnh-danh là Thị-trường Chung Y-Khoa (Marché Commun Médical). Để thích-nghi, đương-nhiên người y-sĩ Pháp phải được hấp-thụ một nền giáo-dục chuyên-môn có tính-cách vượt rả ngoài biên-cương quốc-gia: vấn-đề san-bằng những cách-biệt về trình-độ y-thuật, về chương-trình huấn-luyện, về phương-thức hành nghề giữa các y-sĩ lục-quốc — nay thành thập quốc — cũng là một lý-do thúc đẩy mạnh-mẽ chủ-trương cải-tô.

Nhưng cũng có những lý-do không được chính thức nêu ra mà một lý do quan trọng là xu hướng hạn chế sĩ số sinh viên ghi danh vào các trường Đại-học Y-khoa Pháp. Dĩ nhiên không có văn kiện nào nêu đích danh sự việc này, nhưng giới nghiên cứu nhận rõ là qua

đường hướng tổ chức và nhất là điều-hành hệ-thống giảng-huấn y-khoa Pháp hiện nay, chính quyền muốn giảm thiểu số sinh viên nhập học những năm đầu Y khoa. Có hai lý do khả dĩ cắt nghĩa được chủ trương này của các Bộ Giáo-dục và Y-tế Pháp (Bộ Giáo-Dục chủ xướng, kiểm soát học chế và đồng thời, dự trù ngân sách điều hành thường niên). Lý do thứ nhất là một lý do liên hệ đến phương tiện vật chất, rất dễ quan niệm và thông cảm. Điện hình như tổng số giường bệnh toàn quốc chỉ cho phép tiếp nhận một số sinh viên y khoa nhất định nào đấy thôi, theo một tỉ lệ chính xác : trước kia là mười giường cho một sinh viên, nay là ba giường rưỡi cho mỗi sinh viên. Lý do thứ hai của sự lựa chọn là một lý do thuộc về phẩm chất. Y giới Pháp chấp nhận rằng tất cả các học sinh tốt nghiệp bậc Trung-học đều có thể lên Đại học, nhưng do nơi sự kiện học vấn y khoa vừa tốn kém, vừa khó khăn, vừa dài ngày, nên người sinh viên y khoa phải thông minh ít nhất là trên mức tương đối ("plus que relative-ment"). Quan niệm như vậy thì hẳn nhiên phải đặt vấn đề tuyển trạch, và từ đấy, hạn chế.

Triệu-chứng khủng-hoảng

Đối-tượng trực-tiếp của cơn khủng-hoảng là sinh-viên, nên tự-nhiên giới trẻ đâm bất-mãn. Và họ phản-ứng.

Âm-ĩ từ rất lâu, nhưng bùng nổ ngày 24-11-1971, tại CHU (1) Pitié-Salpêtrière, làn sóng bãi-khóa và hoặc

tuyệt-thực của sinh-viên y-khoa các năm thứ nhất học-kỳ 1 (2) lan rộng nhanh chóng qua các CHU Cochin, St Antoine, Necker, Paris-Ouest, Broussais và Kremlin Bicêtre ở thủ-đô Pháp. Rồi cứ thế, cơn sốt phản-kháng trở nặng theo thời-gian và truyền dịch trong không-gian. Lý-do : chống-đối sự hạn-chế sinh-viên vào y-khoa.

Vào những ngày đầu niên-khóa 1972 — 1973, tình-trạng vẫn căng-thẳng, tuy đã có một vài tiến-bộ. Chẳng hạn trong khi ở Montpellier, sinh-viên năm thứ nhất đi « cua » một cách đều-đặn, thì các sinh-viên PCEM ở Clermont-Ferrand, bãi-khóa từ 2-12-72, vẫn tiếp-tục ở nhà, cho mãi đến 7-1-73 mới hội-hợp lại đề xét xem có nên tiếp-tục đến trường không.

Trong một bức thư ngỏ gửi lên Tổng trưởng Giáo-dục, Hiệp-hội Quốc gia sinh viên Pháp(UNEF) yêu cầu bãi bỏ *numerus clausus*, đòi hỏi cung cấp đầy đủ phương tiện bệnh viện cho sinh viên thực tập, tân lập các CHU đã dự trù, và trả thù lao đáng hoàng cho sinh viên thực tập bệnh viện kể từ năm thứ hai. Hiệp hội lưu ý rằng quốc gia, khi mở

(1) CHU : Centre Hospitalier et Universitaire.

(2) Do nghị-định ngày 23-7-70 và các văn kiện kế-tiếp theo cùng một tinh-thần, chính-phủ Pháp cải-tò học-chế y-khoa và chia học-trình thành ba học-kỳ (cycles) : học kỳ 1 (PCEM) học-kỳ 2 (DCEM) và học-kỳ 3 (TCEM). Thời lượng huấn-giảng PCEM là 2 năm, DCEM kéo dài 4 năm và TCEM, 1 năm. Năm thứ nhất học-kỳ 1 là PCEM I, năm thứ ba học-kỳ 2 là DCEM III v.v...

kỳ thi đề tuyển chọn sinh viên vào Đại học là đã vi phạm quyền học hỏi và gây hại cho tương lai hàng ngàn thanh niên. Đồng thời, khi hạn chế sĩ số sinh viên y khoa là chính phủ đã truất quyền được chữa trị của dân chúng, và hạ thấp địa vị y-khoa của quốc gia, khiến nước Pháp phải xếp vào hàng thứ 18 trên thế giới, xét về khía cạnh mật độ y sĩ.

Giữa tháng 12-72, đến lượt các sinh viên những lớp cao hơn: sinh viên bệnh viện (1) DCEM III thuộc UER (2) Broussais và Hôtel-Dieu không chịu tham-gia khám ngoại-chẩn. Lúc mới nhận sinh viên vào năm thứ nhất, khoa-trường Milliez đã được bảo đảm là sẽ có đủ chỗ và đủ thủ lao cho sinh viên bệnh viện, nhưng đến lúc y sinh đi nhà thương thì Chương trình Bảo hiểm Công Cộng tuyên bố không có tiền! Vậy là sau khi sinh viên lớp thấp phản đối vì không được thu-nhận lên các lớp cao, đến lượt các đàn anh của họ bất bình vì không được tập nghề thích đáng!

Phong trào bãi khóa, như một vết dầu loang, cứ lan tràn. Và bệnh dịch chống báng truyền-nhiễm qua cho cả nhân viên giảng-huấn. Giáo chức y khoa bất mãn vì cho rằng những cải-tổ lè-lối huấn-giảng y khoa không thích hợp, thiếu chuẩn

bị—mặc dầu Chính quyền và Quốc hội Pháp đã nghiên cứu mười lăm năm (?) (3) trước khi ban-hành các văn-kIỆN lập pháp và lập quy, mặc dầu không biết bao nhiêu ủy ban, tiểu ban, ủy hội, hội-ng nghị v.v.. đã được thành lập và triệu-tập —, vì cho rằng mình không được hỏi ý-kiến, và có khi, thực-tế hơn, vì quyền-lợi không được bảo-đảm!

Cơn khủng-hoảng giáo-dục y-khoa Pháp chắc còn kéo dài và lâu, vì cho đến nay, có vẻ như chưa có lương-y nào mát tay bốc được một thang thuốc thần để trị chứng bệnh đang chuyển thành hư-chứng! Nhưng dầu sao đây cũng chỉ là giá phải trả cho dân chủ và tiến-bộ, như đã nói trên kia. Mà xét cho cùng thì giá ấy cũng chẳng lấy gì làm đắt.

TRẦN VĂN TÍCH

07.06.73

(1) Theo học-chế mới, PCEM được giảng-dạy tại Trường, DCEM tiến hành tại Trường và nhất là tại bệnh-viện. Vì vậy sinh-viên DCEM được gọi là sinh-viên bệnh-viện (étudiants hospitaliers) vì họ bắt buộc phải thực-tập đều-đặn và đầy-đủ ở nhà thương.

(2) UER : Unité d'Enseignement et de Recherche.

(3) Người viết nhớ là có đọc ở một tài liệu rằng thời lượng dùng vào công tác nghiên-cứu kế-hoạch cải-tổ giáo-dục y-khoa ở Pháp là mười lăm năm, nhưng đến khi viết bài này, đã không tìm lại được tư liệu liên hệ, nên đành ghi dấu nghi-vấn.



Kỷ niệm 500 năm sinh Nicolas Copernic

Nhà thiên văn học Copernic nay được xem như là nhà bác học trứ danh đầu tiên của thời kỳ cận đại. Khám phá của ông về lý thuyết một hệ thống nhật tâm thật đã vang động cuộc phát triển tinh thần một cách sâu rộng rất hiếm thấy trong lịch sử, theo như lời ông René Maheu, Giám đốc Cơ quan Unesco trong bài diễn văn đọc hôm lễ kỷ niệm 500 năm sinh Copernic tại Paris. Nguyệt san của Unesco cũng cho ra một số đặc biệt về nhà thiên văn học độc đáo này. Chúng tôi đã lấy rất nhiều tài liệu trong số ấy để viết bài sau đây.

Tôn pháp, y khoa hay thiên văn học ?

Nicolas Copernic sinh ngày 19 tháng năm 1473 tại Torun, một thành phố ở miền bắc nước Ba-lan. Năm lên mười tuổi, mồ côi cha, ông được một ông cậu, Giám mục Lucas Watzenrode, đỡ đầu. Vừa là một đại thần trong Giáo hội, vừa là một nhà chính trị siêu quần ở triều Cracovie, ông cậu này đã dắt đường chỉ lối cho cậu bé Nicolas, khuyên nhủ về chuyện học hành để sửa soạn cuộc đời tăng lữ và chính trị sau này.

Năm mười tám tuổi, Copernic ghi tên vào Viện Đại học Jagellone ở Cracovie. Vào lúc ấy, Viện Đại học này đang ở vào thời kỳ phát đạt. Độc nhất ở Âu châu Viện có được hai ghế giáo sư thiên-văn học, lừng lẫy với trình độ đặc biệt rất cao của các môn khoa học toán pháp được giảng dạy. Chính ở đây mà Copernic đã thấu nhận những khái niệm đầu tiên về thiên văn học, từ môn hình học Euclide đến các lý thuyết của Aristote

và Ptolémée. Theo sách vở của ông còn để lại, người ta thấy ông rất quan tâm về môn hình học và phép lượng giác mặt cầu cũng như về ngành thiên văn lý thuyết.

Tuy khác nhau về chi tiết, hai lý thuyết của Aristote và Ptolémée về thiên văn học dựa lên hai nguyên lý giống nhau: thứ nhất là quả đất được xem như là trung tâm bất động của vũ trụ; thứ nhì là tất cả mọi thiên thể, từ các ngôi sao đến các hành tinh, kể cả mặt trời, cung trăng, đều di chuyển điều hòa trên các quỹ đạo tròn quanh quả đất. Copernic đã sớm thấy những mâu thuẫn, phản lý trong hai nguyên lý này. Dựa lên một đẳng các phân giải toán học và cuộc tổng hợp hình học, một đẳng những nhận xét chính xác trên trời, ông dần dần tạo ra một hệ thống lấy mặt trời làm trung tâm.

Copernic chỉ học bốn năm ở Cracovie. Ông cậu Giám mục muốn bỏ ông làm thầy tu hầu Giáo chủ tại Warmie ở Frambork. Chuyện không

thành, ông cho Copernic qua học tiếp ở Viện Đại học Bologne. Ý định của ông cậu là bắt Copernic học cho đạt được cấp Tiến sĩ tôn pháp để tiện bề thăng tiến trên đường tăng lữ. Từ hai mươi hai đến hai mươi bảy tuổi, Copernic luôn luôn học bên Ý mặc dầu ông cậu đã thành công trong thời gian ấy bởi ông làm thầy tu hầu Giáo chủ. Ở Bologne, vừa học tôn pháp, Copernic vừa trau dồi hoàn hảo kiến thức về thiên văn học. Chính ở đây mà ông đã thực hiện những quan sát thiên văn đầu tiên mà kết quả là những dẫn chứng giúp ông bác bỏ lý thuyết của Ptolémée về cách di chuyển của cung trăng. Từ phê bình, phủ quyết những hệ thống xưa, không mấy lúc ông chuyển qua một cuộc khảo cứu tích cực nhằm đường xây dựng một hệ thống mới, hợp với sự thật hơn.

Năm 1500 là năm đại xá ngũ thập niên, Copernic đến Rome để làm việc ở Vatican. Đồng thời ông giảng dạy về môn thiên văn học. Một năm sau, ông phải trở về lại Ba-lan để chính thức nhậm chức ở Warmie. Sau đó, Tăng hội lại cho ông xuất ngoại, lần này để học y khoa ở Viện Đại học Padoue. Copernic lại qua Ý. Cũng vào thời ấy, ngày 31 tháng 5 năm 1503, ông được thăng nhiệm chức Tiến sĩ tôn pháp. Sau hai năm cặm cùi học hành về y khoa cũng như về vạn vật học, ông trở về lại Warmie làm bác sĩ và thư ký cho ông cậu Giám mục. Chức vụ này cho phép ông đi lại rất nhiều và mặc sức xur dụng y khoa. Người ta lại xin ông khám

nghiệm rất đông và bệnh nhân ông chữa thật đủ loại, đủ thứ. Sau này, ông còn lo nhiều về vấn đề vệ sinh và chuyên chú về dịch bệnh học.

Chính trị, kinh tế hay thái dương hệ ?

Mười năm theo dõi, ông cậu còn buộc ông phải giải quyết nhiều vấn đề chính trị. Trong những năm này, ông chú trọng về môn kinh tế học mà hồi ở bên Ý ông đã có vài khái niệm nhân nhận xét sự phát triển thương mại và kỹ nghệ ở nước này. Tuy vậy, công tác chính của ông vẫn còn nằm trong lãnh vực thiên văn học. Chắc chắn quả đất không thể là trung tâm vũ trụ, ông bắt đầu biên soạn những luận đề căn bản cho một nền thiên văn học mới.

Những cuốn sách đầu tiên không được in ra, nay chỉ còn lưu lại vài bản viết tay. Năm 1509, người ta lại dự kiến một thể diện khác của nhân cách Copernic : ông dịch từ tiếng Hy-lạp ra La ngữ những thư từ của Theophylacio Simoccata, một nhà văn By-dăng ở thế kỷ thứ sáu.

Năm 1512, Giám mục Watzenrode chết. Từ bây giờ Copernic, gần khoảng tứ tuần, bỏ tâm vào công tác khoa học lớn lao ngoài những chức vụ khá nặng nề về mặt hành chính cũng như về phía kinh tế, chính trị. Trong những năm 1516-1519, ở lâu đài Olsztyn nay trở thành Viện Bảo tàng, ông đã tự tay chế biến một bộ mẫu quan sát tài tình. Nhưng cũng vào khoảng ấy, giới đoàn Teuton bắt đầu đánh phá và năm 1520 ông

phải tổ chức tự vệ ở lâu đài Olsztyn. Khi hòa bình trở lại, ông còn phải chống chọi với giới đoàn ấy trên phương diện kinh tế. Thật vậy, giới đoàn Teuton đúc phát bạc giả và phá hủy chế độ tiền tệ. Ngày nay trong lãnh vực kinh tế học, người ta đang còn bàn về định luật Gresham-Copernic.

Sau đó, rời Olsztyn về Frombork, Copernic có nhiều thì giờ hơn để lo cho thiên văn học và bắt đầu viết cuốn sách sau này sẽ đánh dấu cho cuộc cách mạng khoa học : *De revolutionibus orbium coelestium*. Cách mạng vì sách đã trình bày nhiều nguyên lý mới lạ về vũ trụ học : quả đất hết còn là trung tâm của vũ trụ, những chuyền đông hằng ngày, hằng năm của quả đất được tính toán rõ ràng và thái dương hệ được thiết lập chính xác. Sách tuy hoàn thành vào khoảng 1530 mà mãi đến 1543 mới được in ra vì Copernic rất khó tính, cứ muốn sửa chữa lại mãi. Và việc in cuốn sách này cũng là một sự tích đáng kể.

Hồi ấy có một nhà toán học ở Wittenberg, giáo sư Georg Joachim Rheticus, nghe tiếng Copernic, kiểm cách lại thăm. Chính ông ta và Tiedemen Giese, Giám mục ở Chelmo, đã thành công khuyên nhủ được Copernic cho in sách. Riêng về Rheticus, ông đã viết bài giới thiệu và một năm trước khi sách được in ra, ông còn cho in một bản trích thuộc về phép lượng giác hình cầu. Cũng nên biết là sách in ở Nuremberg, một bản chỉ đến tay Copernic ngày 24 tháng 5 năm 1543 là ngày ông mất, sau một

cơn bệnh khá dài.

Hệ thống nhật tâm, cách mạng văn hóa

Thiết lập một hệ thống lấy mặt trời làm trung tâm, Copernic không những đã cho quả đất chạy quanh mà còn cho cử động cả tinh thần cuộc khảo cứu về thiên văn học. Kết quả của cuộc thúc đẩy bạo dạn này là kiến thức của ta về vũ trụ càng ngày càng dồi dào vô kể.

Ngày nay người ta còn đặt câu hỏi Copernic là con người thế nào để đạt được một thành tích khoa học vô cùng quan trọng thế kia. Người ta biết Copernic cần cù ham học. Không ngại đường xá xa xôi, đạo giáo cách trở, ông thường kiểm cách gấp gờ anh tài mọi nước để trao bày ý kiến. Khi làm việc, ông thi hành một cách có phương pháp cuộc kiểm tra các sự kiện cũng như cuộc suy luận những kết cấu. Với những đức tính cần yếu của nhà bác học sẵn có ấy, ông lại được may mắn du học nhiều lần, mặc sức mở rộng tai mắt, óc não. Sau này, với địa vị ở Frombork, tuy bận bịu khá nhiều với đủ thứ trách nhiệm, ông cũng khỏi lo lắng về mặt vật chất và còn thì giờ để suy tư, tưởng niệm.

Lúc ông còn là sinh viên, cuộc khám phá ra châu Mỹ chứng tỏ sức hiểu biết cổ truyền đang còn thiếu sót. Copernic đã học hết tất cả các sách vở bàn về thiên văn học từ trước mà chưa thấy hài lòng. Ngoài Aristotle và Ptolémée, Copernic cũng đã có đọc đến Aristarque de Samos. Ba thế

kỷ trước d.l., ông này đã từng đề nghị một hệ thống nhật tâm tương tự như hệ thống của Copernic, nhưng vào lúc ấy chẳng ai chú ý đến lý thuyết này. Trong bản thảo cuốn sách *De revolutionibus*, Copernic đã bàn rất dài dòng về Aristarque nhưng khi cho in thì lại cắt đi, như sợ dư luận có thành kiến mà chống đối lý thuyết của ông.

Sau này người ta lại tìm ra lý thuyết về cử động cung trăng trong sách Copernic giống hệt lý thuyết của một nhà thiên văn học ở Damas, Ibn ash-Shatri, ở thế kỷ thứ mười bốn. Còn lý thuyết về sao Thủy tinh thì cũng đã có một nhà bác học ở Maragha, Nasir al Din al Tusi trình bày từ thế kỷ thứ mười ba. Người ta chưa biết rõ làm sao Copernic đã thông hiểu các lý thuyết của những nhà thiên học văn Hồi giáo ấy nhưng cũng thấy rõ ảnh hưởng của các vị này trên công tác của ông.

Lẽ tất nhiên những khám phá này chẳng rút đi phần nào tính cách đặc sắc của sách Copernic. Mục đích của ông như tưởng là đạt cho được một mẫu vũ trụ giản dị nhất, nhất trí với môn thiên văn lý thuyết. Copernic đã thấy những khuyết điểm trong hệ thống địa tâm của Ptolémée, như khoảng xa giữa các hành tinh và quả đất không biết rõ, nên cách sắp đặt các thiên thể ấy chỉ là một quy ước độc đoán. Đây ta mới thấy hệ thống nhật tâm là một ý kiến tài tình và đây là lần đầu tiên thái dương hệ được vẽ ra rõ ràng, minh bạch.

Mẫu hệ thống nhật tâm của Copernic khéo léo đến nỗi sau này các nhà bác học mặc sức dựa lên mà tìm tòi, tính toán. Johannes Kepler đã tìm ra trong hệ thống này một liên quan thâm mỹ, điều hòa, có thể

trình bày thành phương trình toán học. Galileo Galilée hướng kính lên trời và những điều ông thấy đã làm ông vô cùng ngạc nhiên vui sướng. Theo ông, vũ trụ đơn thuần nếu quả đất chỉ là một hành tinh chạy quanh mặt trời đứng đứng. Nhưng muốn cứu thân mình, ông buộc lòng phải thề bỏ học thuyết. Rủi ro hơn là Giordano Bruno, vì mở rộng hệ thống Copernic ra toàn vũ trụ, vì tin tưởng có nhiều thái dương hệ khác, có những hành tinh khác có người ở mà phải bị thiêu thân.

Ở địa vị Copernic, vào lúc hệ thống Aristote, lời dạy của Thánh kinh được Giáo hội xem như là học thuyết chính thức, sự thật vô biên thì dám nghĩ, dám viết như Copernic là một thái độ, cử chỉ vô cùng can đảm. Cũng may cho ông, thời ông là thời của nhà cổ điển Erasme de Rotterdam, nhà cải cách Martin Luther, thời của các nghệ sĩ Leonard de Vinci, Michel-Ange, thời của nhà chiêm tinh kiêm thầy thuốc Paracelse, nhà chính trị lý thuyết Machiavel... Đúng vào thời kỳ Cải cách và Phục hưng, giới trí thức riu rít tìm kiếm mới lạ, khao khát học hỏi, phân tích thiên nhiên. Tuy bước tiến chậm chạp vì Đại học đang còn thấm nhuần triết lý Aristote, tư tưởng Copernic được cho là một trong những luồng triết lý lớn nhất của thời kỳ Phục hưng. Dù học thuyết của ông còn nằm trong lãnh vực tôn giáo (Mặt trời, chúa tể của tạo hóa, là biểu tượng của đấng Tối cao) ai cũng thấy ở đây một biểu thị rõ ràng của một nền văn hóa tân thời đang chớm nở. Và cuộc cách mạng gây ra đã giải phóng nhân loại ra khỏi mười tám thế kỷ đô hộ của tư tưởng Aristote.

VÔ-QUANG-YẾN

Đã phát hành

DỊCH CÁT

tập truyện của NGUYỄN VĂN XUÂN

Với ngòi bút sắc bén, thấu đáo của tác giả chúng ta thấy nổi bật bức tranh xã hội của những năm vừa qua và còn lưu lại đến không biết bao giờ: chiến tranh, đói khổ, hận thù . . .

Một tác phẩm được kể là có giá trị khi phản ánh được thực trạng xã hội mà người viết mô tả. MƯU SINH chính là cuộc sống thực của tác giả lúc thiếu thời. Bằng những hình ảnh trung thực, không chút ngụy tạo, tác giả đã ghi lại tất cả những bất công trong xã hội Nga thời bấy giờ.

Một tác phẩm được coi là giá trị khi ảnh hưởng của nó làm đảo lộn xã hội. MƯU SINH, tác phẩm của Maxime Gorki ra đời, xã hội Nga đã thay đổi hẳn.

Đọc Gorki rồi mới thấy bất cứ ở nơi nào trên trái đất này : nghèo đói, cướp bóc, bạo tàn đều giống nhau. Muốn rõ hơn bạn nên đọc :

MƯU SINH

của MAXIME GORKI

Trương Đình Cử dịch

TRÍ ĐĂNG xuất bản

Sách An-Tiêm

Bách-Khoa đã nhận được những sách sau đây, do Nhà xuất bản An-Tiêm gửi tặng, xin giới thiệu cùng bạn đọc và trân trọng cảm ơn Thầy Thanh Tuệ cùng nhà xuất bản An-Tiêm :

— Tranh chẵn trâu, Di cảo của Trúc Thiên, gồm 10 bức của Đại Thừa và 10 bức của Thiền Tông có dẫn giải và Phụ lục «Thi tụng và Họa của các Thiền sư và Tranh Chẵn Trâu » do Tuệ Sĩ soạn tập. Bản đặc biệt. Giá 260đ.

— Áo Nghĩa Thư (Upanishads), Shri Aurobindo bình giải, Thạch Trung Giả dịch, dày 310 trang gồm 3 phần : Thiên Đế Áo Nghĩa Thư, Nghi Vấn Áo Nghĩa Thư, Mundaka Upanishad. Bản dịch công phu. Giá 400đ.

— Sống Thiền, nguyên tác The Method of Zen của E. Herrigel, bản dịch của Trí Hải, dày 160 trang, Giá 150đ.

— Nẻo về của Ý truyện dài của Nhất Hạnh, in lần thứ 3. Giá 400đ.

— Ngộ nhận nguyên tác Le Malentendu của Albert Camus, bản dịch của Bùi Giáng, phụ lục : trích dịch Sổ ghi « Carnets » của Camus, dày 160 trang. Giá 250đ.

— Sương Tỳ Hải, Tiểu luận và Tùy bút của A. Camus (Mùa Hè), A. Gide (Dưỡng chất trần gian), M. Heidegger (Con đường đi đến đã), Bản dịch của Bùi Giáng, dày 280 trang. Giá 350đ.

— Con đường ngã ba, Bước đi của tư tưởng của Bùi Giáng, dày 500 trang gồm 23 bài : Ngã ba, Bước đi phục hồi, Ngã ba niệm Phật, Ngã ba cây cối, Ngã ba chuồn chuồn, Kim

Cương nương tử vv... Giá 600đ

— Vọng tập thơ thứ 5 của Nguyễn Đức Sơn, dày trên 70 trang, gồm 60 bài thơ, tranh bìa của Ngọc Dũng. Bản đặc biệt. Giá 200đ.

— Mộng du trên đỉnh mùa xuân, tập thơ thứ 6 của Nguyễn Đức Sơn, dày 16 trang, gồm một bài thơ dài đã in trên tạp chí Mai số Xuân 1963. Giá 100đ.

— Những người không chịu chết, tác phẩm kịch thứ 4 của Vũ Khắc Khoan đã được trình diễn lần đầu tại sân khấu Viện Đại học Đà Lạt, ngày 25-12-1970, dày 184 trang. Bản đặc biệt.

— Chuyện hai người, tập truyện thứ 5 của Hoàng Ngọc Tuấn dày 170 trang, gồm 7 truyện ngắn và phụ lục : Nhật ký sau một tác phẩm. Giá 260đ.

— Nhà có hoa Mimososa vàng, tập truyện thứ 6 của Hoàng Ngọc Tuấn dày 162 trang, gồm 8 truyện ngắn, Giá 250đ.

— Kẻ lạ ở Thiên đường, nguyên tác của Simone Weil, Phùng Thăng dịch, « tác phẩm phản chiếu tình trạng tâm linh lúc gần cuối đời của người con gái kỳ dị nhất văn học Âu-châu », dày trên 280 trang. Giá 400đ.

— Một thời đề yêu và một thời đề chết, nguyên tác của Erich-Maria Remarque, bản dịch của Cô Liêu in lần thứ 4, dày 506 trang. Giá 650đ.

— Anh em nhà Karamazov, nguyên tác của F.M. Dostoievsky, bản dịch của Trương Đình Cử, gồm 2 tập. Tập I dày 754 trang, gồm 3 phần. chân dung tác giả do Nguyễn Trung vẽ. Tập II dày trên 700 trang, gồm 2 phần sau và Đoạn kết. Một tác phẩm nổi tiếng. Trọn bộ giá 1300đ.

Từ Profumo tới Lord Lambton, 10 năm trời, 2 vụ tai tiếng

Tháng 5-1963 một vụ tai tiếng (Scandale) đã xảy ra trong giới lãnh đạo và quý tộc Anh quốc. Tổng-trưởng Bộ Chiến-tranh John Profumo bị tố cáo là tiết lộ các bí mật quân sự cho Tùy-viên Quân-lực Nga qua trung-gian của một « cô bồ » có sắc đẹp này lửa. Vụ Profumo đã làm rung chuyển cả xã-hội Anh và đưa chính phủ Bảo-thủ của nước này tới chỗ sụp đổ.

Đúng mười năm trôi qua, lại vào tháng 5 năm nay, 1973, đến lượt Huân tước Lambton, Thứ-trưởng Quốc-phòng Anh, chỉ vì nết « chơi bời » đã giao du thân mật với một vài « chị em ta » mà bị nghi là tiết lộ bí mật quân sự cho một gián điệp của Trung-Cộng.

Nếu vụ Profumo làm dân chúng cũng như báo chí chỉ trích sôi nổi thì vụ Lambton đã không gặp những phản ứng tương tự. Ngược lại nhiều người, kể cả những người Anh lịch sự (Gentleman), cồ cồn mũ quả dưa, còn mỉm cười khoan dung vì họ cho rằng dù là nhà quý phái hay chính-trị-gia thì Lord Lambton cũng chỉ là một người trần tục, yếu đuối trước các ham muốn của xác thịt.

Thái độ của người dân Anh từ vụ Profumo tới vụ Lambton đã thay đổi hoàn toàn. Sự thay đổi này đã phản ánh cả một sự biến-cải hết sức sâu rộng của xã-hội Anh-quốc trong các vấn-đề chính-trị và xã-hội cũng như trong quan niệm tự-do của con người.

I. VỤ PROFUMO HAY QUAN NIỆM CHẶT HẸP VỀ TỰ DO :

John Profumo, một nhân vật thượng lưu, một chính khách tài ba mà giao du thân mật với một cô gái làm nghề người mẫu chụp ảnh khoa thân, thật ra không phải là chuyện tình hiếm có trong lịch sử chính-trị Anh quốc. Người ta thường nhắc tới cuộc tình duyên đam mê của Lord Curzon, Ngoại-trưởng Anh vào thời Đế-nhất Thế-chiến, với cô Elinor Glyn. Nhưng nếu cuộc tình duyên Curzon-Elinor chỉ là một thiên tiểu-thuyết ướt át thì cuộc phiêu-lưu tình

ái giữa John Profumo và Christine Keeler lại là một tấn bi-hài-kịch chính trị xã-hội của một nước Anh-cát lợi đang ở trong một giai-đoạn tiến-triển sâu rộng.

John Dennis Profumo sinh năm 1915 là con của Albert Profumo, một luật-sư giàu có nổi tiếng. Gia-đình Profumo từ vùng Sardaigne bên Ý tới lập nghiệp ở Anh. Ông tổ bốn đời của John Profumo là Antonio Profumo, một thương-gia giàu sụ được Quốc vương Sardaigne phong

làm Nam-tước vào năm 1843. Con của Antonio là Pietro cũng được tập tước và được cử làm Đặc-sứ của Sardaigne tại Hội-chợ Luân-đôn. Khi sang tới Anh thì cậu con trai của Pietro Profumo tên là Giuseppe Profumo quá ưa thích đời sống Anh quốc nên quyết định ở lại nước này. Để cho có vẻ Anh hơn, Giuseppe đổi tên là Joseph và cưới một cô gái Anh tên là Annie Mills. Năm 1885 Joseph Profumo trở thành công-dân Anh.

Giuseppe hay Joseph Profumo là ông nội của John Profumo. Joseph Profumo cũng như Albert Profumo (Cha của John) đều được triều-đình Ý cho phép mang danh-hiệu Nam-tước. Tuy là những nhà quý-phái Ý vừa được tập tước nhưng cả Joseph và Albert đều có cuộc sống của giai-cấp thượng-lưu trưởng giả Anh-quốc.

Albert Profumo nhờ tài ăn nói đã trở thành một luật-sư giàu-sụ. Vào cuối đời, ông được cử làm Cố-vấn Hoàng-triều Anh-quốc. Nhờ sự thành công của Albert mà gia-đình Profumo trở thành một thành-phần của giai cấp tiểu quý-phái Anh.

John Dennis Profumo sinh ra đời với đủ mọi yếu-tố để thành công. Sau khi theo học tại trường Trung học quý phái Harrow, John vào trường Đại-học Oxford. Tại trường này John cũng chỉ là một sinh viên bình thường. Cậu chỉ được mọi người chú ý tới vì những thành tích trong ngành thể-dục và thể-thao.

Lúc thiếu thời John thích nhất

ngành lái máy bay, khi đó là một ngành thể-thao được giới quý-tộc ưa chuộng nhất. Vì vậy mà John có rất nhiều bạn bè quen thuộc trong xã-hội thượng-lưu quý-phái Anh. Ông Albert, cha cậu, lại tung tiền ra để cho cậu giao-du với các chính-khách, các nhân vật có quyền thế trong xã-hội. Một trong những người bạn thân nhất của John Profumo là Huân tước Astor. Mong của John là làm chính-trị và tầm mắt của cậu luôn luôn hướng về điện Westminster, trụ-sở Quốc-hội Anh.

Năm 1940, khi vừa được 25 tuổi, thì John Profumo đắc cử Dân-biểu. Nhưng năm 1940 cũng là năm không quân Đức đang ồ ạt tấn công Anh. 6 tháng trước khi bước vào Quốc-hội, John đã nhập ngũ với cấp bậc thiếu úy. Trong suốt thời chiến tranh Profumo đã đi theo quân-đội phục-vụ trên khắp mặt trận. Khi nào rảnh việc thì ông lại đắp máy bay về thuyết-trình trước Quốc-hội về các diễn-tiến của cuộc chiến. Tại Âu-Châu, ông phục vụ dưới quyền Thống chế Alexander, một vị tướng lãnh ưu-tú nhất của Anh-quốc. Khi chiến tranh chấm dứt bên trời Âu thì Profumo lại được cử sang Viễn-Đông để phục vụ dưới quyền Thống-Tướng Mac Arthur, một vị Tướng Mỹ không những đánh bại quân đội Thiên-hoàng mà còn thành công trong việc cải biến một xã-hội Nhật quân-chủ phong-kiến thành một nền dân-chủ Coca-cola kiểu Mỹ.

Năm 1947, Profumo gia nhập đời

sống chính trị với danh-hiệu của một chuyên-viên quân-sự, sau 6 năm trời phục vụ trong quân đội mà ông đã từ cấp bậc Thiếu-úy lên tới cấp bậc Đại-tá. Từ đó con đường hoạn lộ của Profumo thật là thênh thang. Năm 1952, ông được cử làm Thứ-trưởng Giao thông và Hàng không Dân sự. Năm 1954 ông kết hôn với nữ tài-tử Valérie Hobson, cô đào chính của phim « Le roi et moi ».

Lập gia đình với Valérie Hobson, thanh thế của Profumo lại lên cao hơn nữa. Năm 1957, ông giữ chức Thứ-trưởng Bộ Thuộc-địa. Năm 1958, ông được cử làm Thứ-trưởng Ngoại-giao. Năm 1958, khi vừa 43 tuổi, ông được cử làm Quốc-vụ-khanh đặc-trách Ngoại-giao.

Năm 1960, ông được giữ chức Tổng-trưởng Chiến-tranh và trở nên một trong những nhân vật trọng yếu-nhất của Nội các. Vị tân Tổng-trưởng Chiến-tranh có nhiệm vụ cải tổ quân-đội Anh, bãi bỏ chế độ quân dịch và đồng thời thành lập một đạo quân nhà nghề gồm 165.000 người.

Mùa Hè năm 1961 vì Irak đe dọa chiếm tiêu vương quốc Koweit do Anh bảo hộ, chính-phủ Anh quyết-định gửi 6.000 quân tới Koiweit để bảo vệ các mỏ dầu hỏa vô giá của nước này. Trong tình-trạng căng thẳng đó, mọi con mắt đều đổ dồn vào John Profumo, người có nhiều trách nhiệm hơn ai hết trong vấn-đề hòa hay chiến ở Trung-Đông.

Để cho Profumo được nghỉ xả-hơi đôi chút, hầu tạm quên gánh nặng chính-quyền, Lord Astor, một

người bạn cố tri, đã mời vị Tổng-trưởng Chiến-tranh và phu-nhân về nghỉ cuối tuần tại lâu đài của giòng họ Astor tại Clivenden. Trong các quan khách được mời người ta nhận thấy có cả Tổng-Thống Hồi-quốc Ayub Khan.

Sau bữa dạ tiệc, Lord Astor thấy trời nóng quá bèn dẫn ông bà Profumo ra hồ tắm trong thửa đất mênh mông của lâu đài Clivenden. Khi tới hồ tắm, Lord Astor và quan khách hết sức sửng sốt vì ở giữa hồ một cô gái 19 tuổi, với cặp đùi dài và tắm thân nây nở, đang vùng vẫy « trong bộ y phục của bà Ê-và ». Đó là cô Christine Keeler, 19 tuổi, khách của Bác-sĩ Ward, người hàng xóm của Lord Astor.

Khi bác-sĩ Ward giới thiệu, cô Keeler đã được mọi người đặc biệt chú ý, vì trong lúc bà Profumo và Lady Astor đều mặc dạ phục, đeo đầy nữ trang, thì cô Christine Keeler trườn mình ra khỏi hồ tắm, quơ vội chiếc khăn lông cuộn vào người, không được trang sức gì khác hơn là các cái của trời cho.

Christine Keeler sinh năm 1942. Từ nhỏ đến lớn cô sống với mẹ và ông bố dựng trong một toa tàu phế thải tại Wraysbury. Ngay từ nhỏ cô đã chỉ thích mặc đồ tắm ngắn cũn cỡn. Cô không chịu đi học mà cả ngày chỉ mơ tưởng tới những cuộc phiêu-lưu tình-ái. Năm 1957 khi được 15 tuổi, Christine bỏ nhà lên thủ-đô Luân-đôn hành nghề làm mẫu chụp hình cho các tờ báo thích đăng hình khoả thân.

Chán nghề làm hình mẫu, Christine xin làm chiêu-dãi-viên tại một hộp đêm dành cho xã-hội thượng-lưu Anh là Murray's Cabaret Club. Tại đây Christine gặp Bác-sĩ Stephen Ward và theo về sống với ông ta.

Bác-sĩ Stephen Ward cũng là một nhân vật kỳ dị. Con của một vị Mục-sư, Stephen luôn luôn thèm khát gái đẹp. Năm 18 tuổi, Stephen đã tìm được một cô du khách người Pháp, đưa cô ta về nhốt trong hầm rượu để hành lạc đến nỗi 3 tuần sau cảnh sát mới tìm ra được. Vì là một chuyên-gia về xương nên Ward lôi cuốn được rất nhiều khách hàng mà số lớn là các bậc vương-tôn công-tử. Ngoài ra Ward lại có tài vẽ hội-họa nên ngay cả các nhân vật trong Hoàng-gia Anh cũng đến nhờ ông ta vẽ chân-dung. Hoàng-tế Edimbourg, trước khi lấy Nữ-hoàng Elizabeth cũng đã là một trong những bạn chơi bời của Ward. Ward luôn luôn khoe là đã vẽ chân-dung cho Hoàng-tế Edimbourg và cho các hoàng-thân quốc thích khác.

Trong đám bạn bè của Ward, ngoài các nhân vật quan trọng trong chính-quyền, ngoài các nhà quý-tộc, người ta còn thấy có cả Đại-úy Ivanov, Tùy-viên Hải-quân của Tòa Đại-sứ Nga-sô. Khác với các nhà Ngoại-giao Nga khắc khổ, Ivanov là một người rất bảnh trai, lịch sự, ăn xài sang trọng. Quần áo của Ivanov được cắt tại các tiệm may hợp thời trang nhất Luân-đôn. Ivanov lái xe hơi kiểu thể thao và giao du với các chính-khách Anh. Vì là bạn thân

của Ward nên Ivanov được Ward chia sẻ Christine Keeler để cùng chung hưởng.

Trong cuộc gặp gỡ giữa Profumo và Christine Keeler bên bờ hồ tằm ở Clivenden người ta thấy có mặt không những bác sĩ Ward mà cả Đại-úy Ivanov nữa.

Khi Profumo trở thành một người tình của Christine, thì Ivanov đã được một cơ hội bằng vàng để kiểm các tin tức liên-hệ tới các bí mật quân-sự không những của Anh-quốc mà còn của cả Liên-Minh Bắc Đại-Tây-Dương nữa.

Trong khi Profumo và Christine "mùi mẫn" thì nhiều biến chuyển đã xảy ra trong đời sống chính-trị quốc-tế. Vào tháng 10-1962, Hoa-kỳ và Nga-sô tố nhau trong vấn đề đặt hỏa-tiến Nga ở Cuba. Tổng-Thống Kennedy nhất định ăn thua đủ, đòi Nga phải rút hết hỏa tiến về, nếu không ông sẽ ra lệnh cho không quân phá hủy. Trong khi hai ông Kennedy và Krouchtchev đang trả giá gắt gao thì Ivanov đến cầu cứu bác sĩ Ward để xin bác-sĩ can thiệp với các nhân vật trong chính-quyền Anh, dàn xếp cuộc tranh chấp Nga-Mỹ. Ward đã can thiệp tùm lum mà chả ai nghe, nhưng ông ta vẫn khoe khoang là đã làm trung gian giữa Nga và Mỹ.

Những hoạt động của Profumo-Christine Keeler, Ward và Ivanov đã dần dần bị các báo phanh phui. Tờ News of the World, tờ Daily Telegraph và tờ Sunday Telegraph bắt đầu nói bóng gió tới sự giao du thân

mặt giữa Profumo và Christine Keeler. Nhưng không một tờ báo nào dám nói thẳng ra vì họ sợ bị lôi ra toà. Hồi đó chính phủ Bảo-thủ của Thủ-tướng Mac Millan rất nghiêm khắc đối với báo chí.

Vào tháng 3-1953 tại Luân-đôn người ta si sào bàn tán về vụ Profumo và lãnh tụ Lao-động đối lập, George Wilson, nhất quyết khai thác vụ « xi-căng-đan » kể lật đổ chính phủ của đảng Bảo-thủ :

Cùng một lúc, một trong những nhân tình đồng đảo của Christine Keeler là John Edgecombe nài cơn ghen vác súng đến cửa nhà Christine đề định hạ sát nàng. Tuy Edgecombe chỉ bắn có mấy phát súng vào cửa nhưng khi Tòa đưa Edgecombe ra xử thì người ta lại được dịp đề công khai nói tới vụ Profumo.

Lãnh-tụ đảng Lao-động George Wilson ra trước Quốc-hội chất vấn Chính-phủ về vụ Profumo với những lời bóng gió. Vào lúc đó Profumo phạm một lỗi lầm khi ra trước Quốc-hội là tuyên bố rằng ông không hề quen biết Christine Keeler và cho rằng ông đã là nạn nhân của những lời đồn đại ác ý.

Những lời tuyên bố của Profumo có vẻ thành thật đến nỗi cả Quốc-hội lẫn dân chúng, với tinh thần mã thượng (Fair-play) cò truyền, đều tỏ cảm-tình với « nạn nhân » Profumo. Báo Guardian viết : « Ông Profumo đã làm sáng tỏ vấn đề. Ngay cả đến những kẻ thù của ông cũng lấy làm xấu hổ là đã tin vào những

lời đồn đại vu vơ. »

Sau đó Profumo còn lợi dụng sự tin cậy của Quốc-hội và dân chúng để truy tố các báo chí và lấy tiền bồi thường.

Nhưng rồi chính Christine Keeler lại tiết lộ rằng Profumo là một trong đám tình nhân đồng đảo của cô. Cô ta còn tuyên bố là chính Ivanov đã nhiều lần nhờ cô hỏi Profumo về các bí mật quân sự. Vừa ham được có tên tuổi trên mặt báo vừa nhận được tiền, Christine đã kể rõ hết chi tiết về cuộc tình duyên vụng trộm giữa cô với Profumo.

Các sự tiết lộ của Christine với đầy đủ bằng chứng như thư từ của Profumo gửi cho cô đã làm cho dân chúng phản nộ. Sự phản nộ này lên đến cực điểm khi Profumo không chịu nổi sự tố cáo đã phải gửi thư cho Thủ-tướng Mac Millan đề xin từ chức vào ngày 7-6-1963. Trong thư này không những Profumo xin từ chức mà còn thú nhận là đã đánh lừa vợ ông, Quốc-hội, Nội-các và quốc-dân trước đây, khi ông chối tội trước Quốc-hội là không quen biết gì Christine.

Sau đó Thủ-tướng Mac Millan đã phải ra trước Quốc-hội đề đối phó với trận bão tố của đảng Lao-động đối lập. Một năm sau ông Wilson, Lãnh tụ Lao động, được dân chúng nước Anh bầu lên thay thế ông Mac Millan trong chức vụ Thủ tướng...

Thật ra thì dân chúng nước Anh hồi đó đã tỏ ra quá khắc nghiệt với ông Profumo. Vụ gián điệp người ta

gán cho ông hoàn toàn vô căn cứ vì khó có ai tưởng tượng được một cô Christine Keeler đầu óc rộng tuếch, cả ngày chỉ biết son phấn ăn diện, mà có thể đề cập tới các vấn đề hết sức chuyên môn như đầu đạn nguyên tử, hỏa tiễn địa không...

Tuy nhiên người ta vẫn không thể tha thứ được cho Profumo, một người tự hào là thuộc giòng giống quý tộc, một người đã được trao phó trọng trách trong chánh quyền, một người có nhiều triển vọng bước lên ghế Thủ-tướng sau này, mà lại có thể lui tới ở những môi trường điếm. Ngoài ra người ta còn không thể tha thứ cho một Profumo đã dối trá và phản bội vợ là nữ tài-tử điện ảnh Valérie Hobson. Người ta lại càng không thể khoan dung đối với một vị Tổng trưởng, một vị Dân biểu đã xử dụng diễn đàn Quốc-hội thiêng

liêng để chối cãi một sự thật. Vì vậy mà sự nghiệp của Profumo đã tan vỡ khi ông mới 48 tuổi. Trong khi đó Christine lại được các Tòa-soạn trả tiền rất hậu để kể lại cuộc đời mình trên báo chí. Nếu xã hội Anh có một quan niệm chặt hẹp về tự do của người quý tộc thì đối với những giai cấp thấp kém, người ta lại tỏ ra hết sức khoan dung. Độc giả tranh nhau mua những tờ báo nào đăng hình ảnh khỏa thân của Christine Keeler. Trước cảnh tượng một Christine Keeler ngồi trên chiếc xe Rolls Royce lộng lẫy, có tài xế kính cần xuống mở cửa, thì người dân Anh lại xoa tay khoan khoái vì cho đó là một thành công trong xã hội.

Mười năm trôi qua, quan niệm của người dân Anh đã lần lần thay đổi cho nên khi vụ Lambton xảy ra dân chúng không còn phản ứng như xưa nữa.

II. VỤ LAMBTON VÀ MỘT XÃ-HỘI ANH BUÔNG THẢ

Đúng mười năm, sau khi John Profumo ngậm ngùi giã từ đời sống chính trị, thì một vụ tai tiếng mới lại bùng nổ trong chính trường Anh quốc. Lần này « nạn nhân » Lambton không còn cô đơn như Profumo ngày trước. Ông có một người bạn đồng hành để cùng chia sẻ cơn bi cực là Bá-tước Jellicoe. Thoạt tiên thì người ta tưởng vụ Lambton - Jellicoe cũng tương tự như vụ Profumo ngày trước. Nghĩa là cũng có một chính phủ của đảng Bảo-thủ cai trị nước Anh, cũng có một phong-trào báo chí tiết

lộ đời tư của các nhân vật trong chính quyền.

Nhưng hai vụ chỉ giống nhau có vậy mà thôi. Hai nhà quý tộc Lambton và Jellicoe tương đối may mắn hơn Profumo vì vụ « chơi bời » của hai ông được tiết lộ trong một xã-hội Anh đã đổi mới, một xã-hội Anh với phong tục buông thả, với những cô gái mặc mini jupe cùn cùn, với những cậu trai tóc thề xỏa ngang vai.

Từ tước Anthony Lambton năm nay 50 tuổi, ông thuộc vào một gia-

đình đại quý-phái Anh. Gia-đình ông đã từ lục-địa theo chân vua Guillaume « le Conquérant » sang lập nghiệp ở Anh quốc. Một cô gái họ Lambton đã từng lên ngôi Hoàng-hậu nước Pháp trong lịch sử.

Từ năm 1000 trở đi gia-đình Lambton đã cung cấp cho triều-đình Anh quốc những vị tướng lãnh tài ba. Antony Lambton mở mắt chào đời trong vinh hoa phú quý. Với một tập tước trên 9 thế-kỷ, 27.000 mẫu tây ruộng đất phì nhiêu, 3 lâu đài, 240.000 Mỹ-kim (120 triệu đồng VN) lợi tức hàng năm, Lord Lambton chỉ còn mỗi hoạt động là săn bắn. Ông là một cây súng rất cừ khôi. Một ngày ông có thể hạ tới 1000 thú vật.

Đề nối tiếp truyền-thống hiệp-sĩ của gia-đình, Lord Lambton đã thi vào Trường Võ bị Sandhurst. Nhưng vì mắt kém và bị bệnh hen kinh niên nên Sandhurst không thể tiếp nhận được ông. Khi Thế chiến thứ hai bùng nổ, Lambton gia nhập quân đội với tư cách một lính thợ. Nhưng anh lính thợ Từ-tước lại cho vị Đại-tá của mình cái vinh dự là được trở thành bố vợ của anh.

Năm 1945 các cử-tri quận Durham, quê hương của Lambton, trung-thành với gia đình Lambton, đã bầu Lord Anthony Lambton vào Hạ-viện. Đề được làm dân-biểu Hạ-viện, Lambton đã phải từ bỏ tước vị của mình. Nhưng đối với dân chúng ông vẫn luôn luôn là Huân-tước Lambton. Tại Hạ-viện, Lambton tuy từ bỏ

tước vị nhưng luôn luôn có những điều bộ uy nghi của một nhà quý-tộc. Người ta thường nói rằng Lambton ngồi ghế dân-biểu oai vệ như ngồi trên ngai vàng do thần quyền trao cho. Nhưng vị dân biểu uy nghi này lại có những tư tưởng rất tự do. Chính nhờ ông mà chế-độ kiểm-duyet của Anh loại bỏ được hết những tiêu-chuẩn khắt khe từ thời Nữ-hoàng Victoria để lại. Chính nhờ ông mà cuốn tiểu thuyết « Người tình của Lady Chatterly » đã được xuất bản và phổ biến.

Lady Belinda, vợ của Lambton, tuy chỉ là con của một Đại-tá, không thuộc giòng dõi quý phái, nhưng bà không những đẹp mà lại còn sử xự đường hoàng xứng đáng với địa-vị mệnh-phụ của bà. Đề nối dõi tông đường cho giòng họ Lambton, bà đã chịu đẻ sòn sòn 5 cô con gái và chỉ nghỉ đẻ vào năm 1965, khi sinh hạ được cậu Edward.

Nhưng từ mấy thế-kỷ, giòng họ Lambton thường nơm nớp lo sợ một tai họa có thể xảy đến vào bất cứ lúc nào. Các người dân quê vùng Durham truyền tụng rằng John de Lambton, tổ phụ của Anthony, sau một cuộc viễn chinh trở về đã hạ sát được một con rắn lớn. Nhưng trước khi chết con rắn này còn nói được với John de Lambton rằng nếu ông ta không giết một người đầu tiên mà ông ta gặp trên đường trở về lâu đài thì 9 đời họ Lambton sẽ gặp những điều chẳng lành. Nhưng người đầu tiên mà John de Lambton gặp lại chính là Robert

Lambton, cha của John. Vì vậy mà John de Lambton đánh phải đề cho 9 đời nhà mình gặp tai họa.

Vào cuối thế-kỷ thứ 20, không hiểu 9 đời này đã qua chưa, nhưng con rắn kể trên có lẽ đã biến thành con lợn lòng để thức tỉnh vào lúc Anthony Lambton đang tuổi hồi xuân.

Anthony Lambton, Tư tước, Dân biểu Quốc hội, Thứ trưởng Không quân chỉ vì không tự kiểm chế được những ham muốn xác thịt nên dẫn mình vào cuộc sống chơi bời ở xóm Soho, một xóm ăn chơi nổi tiếng ở thành Luân-đôn cỡ kính. Một hôm tới xóm Soho, ông cho tài xế đưa xe về đề lững thững đi bộ trên hè phố ngắm những thiếu nữ Anh của thập niên 1970 phô cặp đùi đẹp chẳng kém đùi Christine Keeler ngày trước. Ông chợt để ý thấy một cửa hàng treo tấm giấy quảng cáo « Con gái, làm nghề trình diễn thời trang, (mannequin) 20 tuổi, đẹp, muốn kết bạn bốn phương ». Lambton bèn ghi số điện-thoại để liên lạc.

Cô gái đẹp tìm bạn bốn phương này là Norma Lévy, tuy đã có chồng, nhưng không làm cho ông Thứ trưởng thất vọng. Không những cô thỏa mãn ông già hồi xuân mà cô còn giới thiệu thêm cô bạn lai Tầu tên là Kim nữa để chung vui. Người ta còn đồn rằng Norma đem đến cả các cô gái da đen để thay đổi cho Lambton đỡ chán. Vì vậy mà người ta đã mệnh danh cho Lambton là ông khách hào hoa « technicolor », ham chuộng đủ mọi màu da.

Nhưng điều mà Lambton không ngờ

là khi ông ta nằm giữa Norma và Kim trong một « thanh lâu » có tên là cao-ốc Marlborough thì Levy, đấng lang quân ma-cô của Norma, lại đứng rình sau tấm gương lớn để chụp hình, tính chuyện làm « sáng-ta ». Các hình chụp ra được Levy đem bán cho báo chí với giá rất cao là 25.000 Mỹ-kim (12 triệu 500 ngàn đồng V.N.)

Nhờ có các hoạt động của Lambton tại Quốc-hội trước kia nên chế độ kiểm-duyet tại Anh quốc ngày nay được giảm thiểu tới mức tối đa. Và cũng vì vậy các báo chí đã thả dạn đăng tải các vụ « chơi bời » của ông. Nhưng tới đây cơ quan phản-gián Anh M.I. 5 đặt câu hỏi : « Ông Thứ trưởng chịu chơi này có tiết lộ bí mật quân sự cho các cô bạn chung vui đủ màu da trong các cuộc hành lạc hay không ? »

Trước kia Anh quốc nổi tiếng đạo đức vì Bà Nữ-hoàng không chồng Elizabeth I, thì nay nước này cũng muốn làm ra vẻ đạo đức dưới thời một vị Thủ-tướng Bảo thủ không vợ, Edward Heath. Vì vậy mà Thủ tướng Heath đã ra lệnh điều tra.

Nhưng các cuộc điều tra của cơ quan cảnh sát Scotland Yard và cơ quan phản gián M.I. 5 đã khám phá thêm một ông già chịu chơi khác là Bá-tước Jellicoe, Lãnh-tự đảng Bảo thủ ở Viện Quý-tộc, phát ngôn nhân của Nội-các kiêm Chương-ấn và bạn thân của Thủ-tướng Edward Heath.

Lord Jellicoe là con Thủy-sư Đô-đốc Jellicoe, người anh hùng chiến thắng cuộc hải-chiến Jutland trong Đệ-

nhất Thế-chiến. Chính Lord Jellicoe cũng từng là một anh hùng của Không lực Hoàng-gia Anh trong thời kỳ Đệ-nhi thế-chiến. Ông đã lái phi cơ tới phá hủy các oanh-tạc-cơ của Đức ở phi trường Heraklion khiến cho quân đội của Thống-chế Đức, Rommel, thiếu vòm-trợ của không quân, đã không chiếm được Alexandrie.

Bá-tước Jellicoe như vậy tượng trưng cho cả Hải-quân lẫn Không-quân Hoàng - gia Anh. Hai binh chủng này, từ trước tới giờ là rường cột của Anh-quốc, nay đột nhiên bị giảm uy tín vì cuộc sống bay bướm của Jellicoe.

Ngoài ra Jellicoe lại còn là một nhân vật thân cận trong Triều-đình Anh. Anh-hoàng George V là cha đỡ đầu của Jellicoe và trong lễ đăng-quang của Anh-hoàng George VI, Jellicoe được vinh dự cầm đuôi áo bào của nhà vua.

Năm nay vừa được 55 tuổi, cũng đang độ hồi xuân, Jellicoe được một « mụ tú » là bà Humphreys, trước kia làm nghề vũ thoát y, đưa tới một « căn nhà đặc biệt » để ông chơi trống bỏi.

Sợ một vụ Profumo thứ hai xảy ra vị Thủ-tướng đạo-đức Edward Heath đã ra trước Quốc-hội trình bày vấn đề và loan báo việc từ chức của hai ông Lambton và Jellicoe. Sau khi ông Heath trình bày xong người ta thấy Quốc-hội đã có một phản ứng bất ngờ là đồng thanh ủng hộ chính-phủ. Chính ông Harold Wilson, người trước đây 10 năm đã

đả kích chính phủ kịch liệt trong vụ Profumo, thì nay lại đứng lên tuyên bố thỏa mãn về lời giải thích của Thủ-tướng. Wilson còn đi xa hơn nữa khi ông ngỏ lời khen ngợi hai ông Lambton và Jellicoe đã tỏ ra là những người có phẩm cách hơn người khi quyết định rời bỏ chính quyền ngay sau khi bị tai tiếng.

Thủ-tướng Edward Heath đã hết sức ngạc nhiên trước phản ứng của Quốc-hội vì ông quên rằng trong vòng 10 năm trời xã-hội Anh đã biến đổi rất nhiều. Hơn nữa vụ Lambton-Jellicoe hoàn toàn khác vụ Profumo.

Trước hết Lambton và Profumo là những nhà quý phái thực sự nên có cách xử sự đúng với truyền thống mã-thượng của người Anh. Ngoài ra vụ Lambton và Jellicoe đã xảy ra trong một hoàn cảnh chính-trị và xã-hội khác hẳn với 10 năm về trước.

Cách đây 10 năm, Anh quốc còn là một hòn đảo, sống một cuộc đời biệt lập chỉ liên kết với Mỹ. Sự liên kết Anh-Mỹ đã khiến cho hai nước chia sẻ với nhau nhiều bí mật quân sự nên nếu Profumo tiết lộ cho Christine biết những điều đó thì vụ chơi bời của Profumo lại trở nên một vụ gián-điệp có hậu quả hết sức trầm trọng. Ngày nay dù Lambton hay Jellicoe có tiết lộ những bí mật quân sự thì hậu quả cũng không quan trọng lắm vì Anh không còn đóng vai trò quan trọng

trong Minh-ước Đại-Tây-Dương như trước nữa.

Về phương-diện xã-hội, phong tục của Anh giờ đây đã buông thả như tại các quốc-gia khác trên lục-địa Âu-châu. Khi người ta chấp nhận cho các cô gái mặc váy ngắn may bằng vải mang màu quốc-kỳ Anh thì người ta cũng có thể chấp nhận được một Tử-tước Lambton có con rề, có cháu ngoại, "nhầy rào" như những người Anh khác. Khi người ta chấp nhận cho công chúa Margaret lấy anh thợ chụp hình thì người ta cũng có thể chấp nhận cho một Bá-tước Jellicoe, 55 tuổi, chơi bời lai rai, miễn là không có hại cho an ninh quốc gia.

oOo

Trong khoảng 10 năm trời, xã-hội Anh đã từ một quan-niệm đạo-lý

khắt khe thời Nữ-hoàng Victoria tiến tới một thái độ cởi mở và tự do. Khi vụ Lambton và Jellicoe được tiết lộ không những Quốc-hội và dân chúng Anh không tỏ ra phẫn nộ mà lại còn cảm phục hai nạn nhân đã biết cách xử sự cao thượng. Thái độ này là một cuộc cách-mạng êm thấm giải phóng giới quý tộc. Người dân Anh không còn đòi hỏi người quý tộc phải khép mình trong những quan niệm khắt khe về phạm sự cũng như trong một nếp sống đạo đức giả nữa. Thật ra thì Tử tước Lambton đã hành động đúng như tổ tiên ông ngày trước. Các vị lãnh chúa thuộc giòng họ Lambton trong quá khứ đã luôn luôn theo đúng truyền thống quý tộc, vừa làm phạm sự thần dân vừa làm tình mà vẫn không phản bội Quân Vương.

TỪ MINH

Công thức mới
Thuốc mới

hemocalcium B12

VI. SUY YẾU. CHẬM LỚN
KÉM ĂN. THIẾU MÁU



hemocalcium B12

Có chất Sorbitol để giúp cho sự hấp thu sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

SHAPP SINGAPORE

bán tại các nhà thuốc tây

Công thức môn
thuốc mới :

HÊMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm nhuận sinh tố B 12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

Lá thư ngoại quốc

● MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Anh Ch.

Phải dẹp cơn lười để bắt đầu bức thư gửi anh, nếu không thì sẽ không bao giờ viết nổi. Thư trước hẹn anh kể chuyện người Việt-Nam bên này cho anh nghe, nhân vừa đi xem cái phim Sa Hâm về. Phim của ông Bùi Xuân Quang, vừa đạo diễn lại vừa thủ một vai đạo sĩ trong phim.

Phim tương đối khá về kỹ thuật tuy đề tài cũ kỹ có rất nhiều mục võ ta, võ tàu ở trong. Câu chuyện một người đàn ông sống với mối thù vợ bị hiếp và bị giết nên đã trả thù bằng cách đi tìm giết lại những người đã nhúng tay ít nhiều vào trong vụ hạ sát vợ. Phim mang một phần triết lý từ miệng nhà sư, do Nguyễn Tiến Lãng đóng. Ông Nguyễn Tiến Lãng thật đã lột được vai nhà sư và nói lên những câu triết lý rất « Thiền », có lẽ vì nó đúng với cái tâm trạng của ông ngày nay.

Vai chính là anh Tâm, một ông Giám-đốc của một hãng tư — vừa đi làm Giám-đốc lại vừa đi đóng phim và đánh võ rất tài tình, kẻ cũng đáng phục. Phim có mấy vai nữ, toàn là các giáo sư với nữ sinh viên thứ dữ cả. Nhiều cảnh đẹp. Ông đạo diễn thực đáng khen ở chỗ đã chịu khó bỏ công đi tìm những nơi nào phù hợp với cảnh trong truyện phim : Những thác nước cao vọt vọt, những cảnh chùa, cảnh biển... Vai nữ chính là một nữ Giáo-sư : Cô Mỹ-Nga.

Nghe như phim này sẽ gửi về chiếu ở Việt-nam, nếu anh rồi cũng nên đi xem cho biết cái tình thần và sự chịu khó của người Việt ở Paris.

Đặc biệt là đề-tài đã chứng tỏ cái tâm trạng của những người Việt-nam ở xa xứ mấy chục năm chưa về. Không phải là cái tình hoài hương mà còn là cái tình thần hoài - cò.

Người ta muốn tìm về một dĩ vãng xa xôi, xa hơn cả thời mấy cụ nhà nho ngồi ăn kẹo đá, thưởng thức hoa lan. Thời nào thời nào thật cũng khó mà nói nhưng tác giả truyện phim hẳn đã bị ảnh hưởng của loại truyện « Tiêu sơn Tráng sĩ », với ít nhiều không khí kiếm hiệp... Đó cũng là một điều đáng tiếc đôi chút.

Sự vất vả trong lúc thực hiện cuốn phim thì hình như là vô biên. Nhất là vấn đề tài chính.

Tôi gặp anh B.X. Quang đề hỏi thêm về chi tiết. Anh Quang bảo rằng từ thuở bé không muốn đi học mà chỉ muốn làm phim. Chỉ vì sợ « Mạ la » nên phải chịu khó học cho đến cái Cử-nhân Khoa-học. « Mạ la » nghĩa là mẹ mắng. Anh Quang người Trung, sang đây từ năm 1956.

Hỏi anh Quang tại sao lại chọn cá đề-tài ấy ? Theo anh Quang thì không thể thực hiện một truyện phim của

người khác mà mình chưa từng sống những cảnh trong truyện, ở Pháp lại không có quyền nói đến chiến tranh Việt Nam. Vì thế đây chỉ là những mẫu hình ảnh của thuở ấu thời ghép lại.

Điểm khó khăn nhất là vấn đề tiền, sau đó mới là sự giao tiếp giữa người chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp. Muốn phải vài người chuyên nghiệp tức là có ngay vấn đề giờ giấc, lương bổng vì họ có chân ở nghiệp-đoàn này nghiệp-đoàn khác.

Có khi làm phim đến 5 giờ sáng rồi ngày mai tất cả mọi người lại còn phải đi làm để sinh sống, nên không ai đủ sức. Bởi vậy mà phải bỏ cái chương trình làm phim vào ban đêm đi.

Nguyện vọng của anh chàng đạo-diễn trẻ tuổi này là muốn trở về Việt-Nam vì ở Pháp thiếu nghệ-sĩ, thiếu bối cảnh và khung cảnh. Không có tham vọng làm được ngay một tác phẩm riêng biệt mà hy vọng sẽ cộng tác với những người ở nước nhà. Qua những sách báo đã xuất bản, anh chàng họ Bùi nhận ra rằng có rất nhiều đề-tài về chiến tranh V.N. mà ở xa không thể nào thấy rõ được.

Trong phim còn có phần âm nhạc của nhạc sĩ Tôn Thất Tiết. Anh Tiết là một nhạc sĩ đã có tên tuổi ở nước Pháp, trong giới âm nhạc. Mỗi năm, Bộ Văn - hóa Pháp cũng như đài Vô tuyến Truyền thanh Truyền

hình Pháp đều có mời anh sáng tác cho họ những bản hòa, tấu dài.

Theo lời anh Tôn Thất Tiết thì khúc nhạc của cuốn phim Sa Hãm chỉ là một tác phẩm mà anh đã viết cho Bộ Văn-hóa Pháp từ hai năm trước, nhan-đề là « Vang bóng thời xưa ». Dự định của anh Tiết và anh Quang là viết một bản nhạc riêng cho cuốn phim nhưng lại gặp trở ngại về tài chính. Nhạc viết ra còn phải mượn một ban nhạc để trình diễn mà, như anh biết ở cái xứ văn minh này động đến nghề-nghiep gì cũng phải trả một trăm thứ tiền. (Một hôm nào chúng ta sẽ đề cập đến vấn đề này).

Công nhận là người Việt lớp trẻ đã biết đoàn kết hơn, biết tìm đến nhau và giúp đỡ nhau hơn. Hy vọng rằng họ sẽ không thay đổi sau này khi trở về già. Lớp người Việt trước còn bị những kỷ niệm của thời đô hộ dồn ép tâm hồn nên họ mới đóng chặt lòng dạ vậy chăng ?

Thôi ngừng cái phần nói chuyện về người Việt này lại vì hẳn từ xưa đến nay đã có nhiều anh em bạn bè đi về, hoặc viết thư về, kể lể với anh rồi.

Bây giờ sang cái mục kể những gì tôi đã được xem trong tuần này. Anh biết không, cái xứ Pháp nó trầm lặng quá, chẳng bao giờ có sóng gió, trừ cái hồi tháng 5 năm 1968. Bây giờ người ta có kinh-nghiem rồi, chính phủ khôn ngoan không ý mạnh như trước. Vì sự trầm lặng ấy mà

người ký-giả ở đây phải luôn luôn khó nhọc tìm kiếm đề-tài để phục vụ cho độc giả và Hội Ký-giả phải tổ chức thường xuyên những bữa tiệc, những buổi đi viếng nơi này nơi khác như thư trước tôi đã nói với anh.

Kỳ này người ta mời chúng tôi đi xem cái lầu Montparnasse, 58 tầng. Mới có 58 tầng thôi mà dư luận Pháp đã xôn xao, họ cho là làm xấu Ba-lê. Có người cứ nhất định muốn Ba-lê phải giữ mãi cái dáng dấp cổ kính lịch sử từ thời Vua này Chúa nọ. Trong khi người mỗi ngày một đông, xe cộ mỗi ngày một nhiều mà nhà cửa chỉ có lẽ được 6, 7 tầng không có quyền xây cao hơn.

Cái «Tour de Montparnasse» này là sự liều lĩnh đầu tiên. Bán cho các nhà thầu để cho họ thuê, chỉ có các hãng buôn giàu mới dám thuê. 52 tầng để làm sự vụ sở của các Công ty thế giới và trong nước, 3 tầng lo về kỹ thuật như là vấn đề điều hòa không khí, vệ sinh lau chùi, sửa chữa thang máy. Có mấy chục cái thang máy trong lầu và ngoài lầu. Vì chung quanh lầu lại còn hai ngôi nhà lớn dành làm nơi buôn bán và nhà ở của tư gia. Mỗi thước vuông giá 6.500 quan tức là sáu bảy trăm nghìn đồng bạc ta. Thật ra thì cái Tháp (Tour) chỉ cao có 210 thước còn thấp hơn là Tháp Eiffel nhiều, nhưng vì là nơi buôn bán, có chỗ ăn chỗ ở, nên mọi người la lối. Hồi người ta xây cái Tháp Eiffel

nghe đâu cũng bị dân chúng phản đối kịch liệt. Thế mà bây giờ Tháp Eiffel trở thành một nơi hốt bạc của nhà nước.

Cuộc viếng thăm này được kết thúc bằng một bữa tiệc trà tại Hotel de Ville do ông tân Thị-trưởng mời, và như anh biết cái phần tiệc trà bao giờ cũng là cái phần ngu ngốc nhất. Nó đặt ra đề cho người ta có dịp mà nói dối, nói nịnh nhau, cố nhiên là có quỹ riêng để trả những chi phí ấy nếu không, chắc chẳng ai dại gì mà đặt ra mời mọc như thế.

Hôm nay có một chuyện đặc biệt kể anh nghe là chuyện chiếc máy bay Tupolev của Nga nổ trên trời, đứt làm hai đoạn 6 nhân viên phi hành đều chết. Không kể số dân chúng bị tai nạn.

Chắc anh đã đọc báo tin ấy rồi, hẳn thế. Nhưng đây là tin riêng của ký giả mà. Anh biết không, từ xưa đến nay tôi vẫn khoái máy bay, từ ngày có loại siêu-thanh bay nhanh gấp mấy lần máy bay thường, tôi thuộc về hạng hoan nghênh nhiệt liệt. Có một hạng không hoan nghênh tí nào cho rằng đến nhanh hay đến chậm vài tiếng đồng hồ có nghĩa lý gì. Chắc tại muốn bay về xứ cho mau nên tôi hoan nghênh chẳng. Vì vậy nên hai ba hôm liền tôi có mặt ở Bourget, nơi triển lãm các thứ máy bay.

Ngày cuối cùng có cuộc trưng bày

các thứ máy bay và các khả năng của máy bay.

Cố nhiên là hai kiểu máy bay Siêu-thanh Concorde và Tupolev phải có mặt. Từ năm 1969 tôi đã được mời đến viếng Sud-Aviation của Pháp và nhìn chiếc máy bay Concorde, ngày nó mới ra chào đời, bay thử lần đầu tiên. Bây giờ nhìn nó bay lượn trên trời thật là vui. Sau Concorde là chiếc Tupolev của Nga. Chiếc máy bay này cũng giống hệt như Concorde và đã bay thường xuyên ở Nga từ hơn một năm nay rồi.

Chiếc Tupolev đang bay bỗng thấy nó nhào thẳng xuống. Tôi nói đùa ban nãy với các bạn đồng nghiệp là "nếu anh chàng phi công này mà lái không đẹp là tôi hạ lệnh cho đi Sibérie liền". Nói chưa được hai phút thì máy bay nổ. Ban đầu tôi tưởng anh chàng phi công cũng muốn múa men như mấy chiếc máy bay nhỏ trước. Sau đó thấy một cục lửa nhỏ rơi ra tiếp đến một khối lớn hơn và tiếp theo đó là một tiếng nổ từ máy bay khói đen tung toé bay lên.

Mặc dầu phát ngôn viên rao cuộc trình diễn vẫn tiếp tục, chúng tôi đã bỏ cuộc trèo lên xe đi đến chỗ cái máy bay ấy rơi, cách 10 cây số, để nhìn kỹ những mảnh sắt vỡ tan. Nhà cửa, xe hơi đang đi ngoài đường đều bị tan nát theo. Dây điện đứt trên trời lung tung. Ở dưới đất thì Cảnh sát, quân nhân, xe Hồng-thập-tự, xe

cứu hỏa và xe ký giả tấp nập không ngừng. Tất cả tạo thành một khung cảnh đặc biệt. Người đi xem, kẻ đi hỏi thăm tin tức gia đình, bà con thân thuộc, cũng chẳng khác gì một ngày đại-hội.

Thật là mỉa mai, đây là kết quả của tiến bộ, của văn minh. Ở xã hội văn minh thì phải chờ đợi những sự-kiện ấy chẳng ?

Lúc ra về, lối nào cũng nghẹt xe, phần thì chiều Chủ nhật người nghỉ cuối tuần trở về, phần thì buổi trình diễn các thứ máy bay có hằng 300 nghìn người đi xem và phần thì tai nạn xảy ra nên có những con đường kẹt hằng mấy chục cây số. Chúng tôi nhờ có chữ «Báo chí» để ở xe và đã khôn ngoan chờ xe Hồng-thập-tự để nhào theo nên về đến Paris sớm hơn cả.

Chỉ tội nghiệp cho những người đang ngồi xem Truyền hình ở nhà bỗng bị mảnh máy bay rơi xuống phải chết hoặc bị thương một cách vô lý.

Nghìn năm một thuở tôi mới được chứng kiến cái cảnh máy bay bị cháy một cách lạ kỳ trước mắt như thế nên phải kể anh nghe cho anh thèm. Nhưng không lẽ chỉ kể có mỗi một chuyện không vui ấy ! Tôi đi xem từ sáng sớm. May mà sự tổ chức rất chu đáo, có quán nước ngay trong sân ký-giả, có đủ cả ghế bàn để ăn uống, phòng vệ sinh trong một chiếc Caravane nên cũng khỏe. Mọi sự đều phải trả tiền nhưng

như vậy cũng còn sướng hơn so với số dân chúng hằng trăm nghìn người đứng ở ngoài. Ai cũng mang thức ăn theo, chỉ có mình tôi là đại, may có hàng bán «xăng-uých» ngay đấy.

Phải công nhận là có nhiều chiếc máy bay nhỏ đã trình diễn những kiểu bay lượn, như bay ngược đưa lưng xuống dưới, hoặc bay lên thẳng như mũi tên cõa lên trời, tắt một máy, tắt hai máy, lộn nhào 4 vòng, 5 vòng. Xem thật là khoái, nhất là có đoàn máy bay Hoa-kỳ múa bằng những làn khói màu, lúc xếp thành mũi tên úc xếp thành quả chám. Đều đặn như một màn vũ. Anh mà được xem chắc anh cũng mê như chết. Có nhiều chiếc máy bay thanh tú và duyên dáng chẳng khác gì những thân hình người đẹp. Nhất là khi nhìn nó uốn lượn trên trời.

Đang viết thư thì có một đồng bào gọi điện-thoại đến hành hạ, bắt hỏi thăm tin tức một ông lớn ở bên nhà. Tôi ở đây cứ bị làm mọi như vậy hoài, tức ghê, người ta biết được số điện-thoại là người ta sai.

Nhưng đề kể nốt chuyện máy bay cho anh nghe, thật ra thì chỉ muốn nói thêm rằng ngày xưa cõ nhân dân đừng có nhà ở gần trại lính, đừng có nhà gần Dinh ông lớn, đừng có nhà gần nghĩa-trang... Bây giờ phải thêm đừng có nhà ở gần sân bay, anh nghe mà rút kinh nghiệm, nếu sau này có mua nhà. Dẫu nhà cách xa sân bay 10 cây số,

vẫn sợ vì đối với máy bay 10 cs có nghĩa lý gì đâu.

Có người cứ dục tôi sao không bỏ nghề làm báo, đeo đuôi làm gì cho vất vả. Kề lăm lúc cũng vất vả thực nhưng nếu không làm báo thì lấy đâu ra những cảm giác lạ kỳ mỗi khi có dịp đi xem nơi này nơi khác.

Thôi nhè ngừng ở đây. Mấy hôm nay tôi làm thợ sơn, vất vả nhất là sơn trần nhà. Sơn nó rơi vào tóc làm trắng từ mảng, phải lấy dầu xăng mới chùi sạch. Thuê thợ người ta đòi đắt mà còn làm cao, đến rồi lại không đến. Tôi ghét, tôi tự làm lấy. Cố nhiên là nó không bằng thợ nhưng trông cũng sạch như ai. Anh có dịp sang mà xem. Độ vài năm nữa thì căn nhà sẽ hoàn toàn, tại tôi làm lâu quá vả, căn có chỗ để viết lách nên không thể cứ lo sơn quét mãi. Hẹn anh thư sau.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Sách An Tiêm

— Tặng vật nguyên tác « Lover's Gift » của Rabindranath Tagore, Đỗ Khánh Hoan dịch, dày trên 70 trang, gồm 22 bài, có di bút và chữ ký của Tagore cùng thủ bút lá thư của ông trả lời về vấn đề tôn giáo, và chân dung nhà thơ lúc về già, trình bày đẹp. Bản đặc biệt.

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

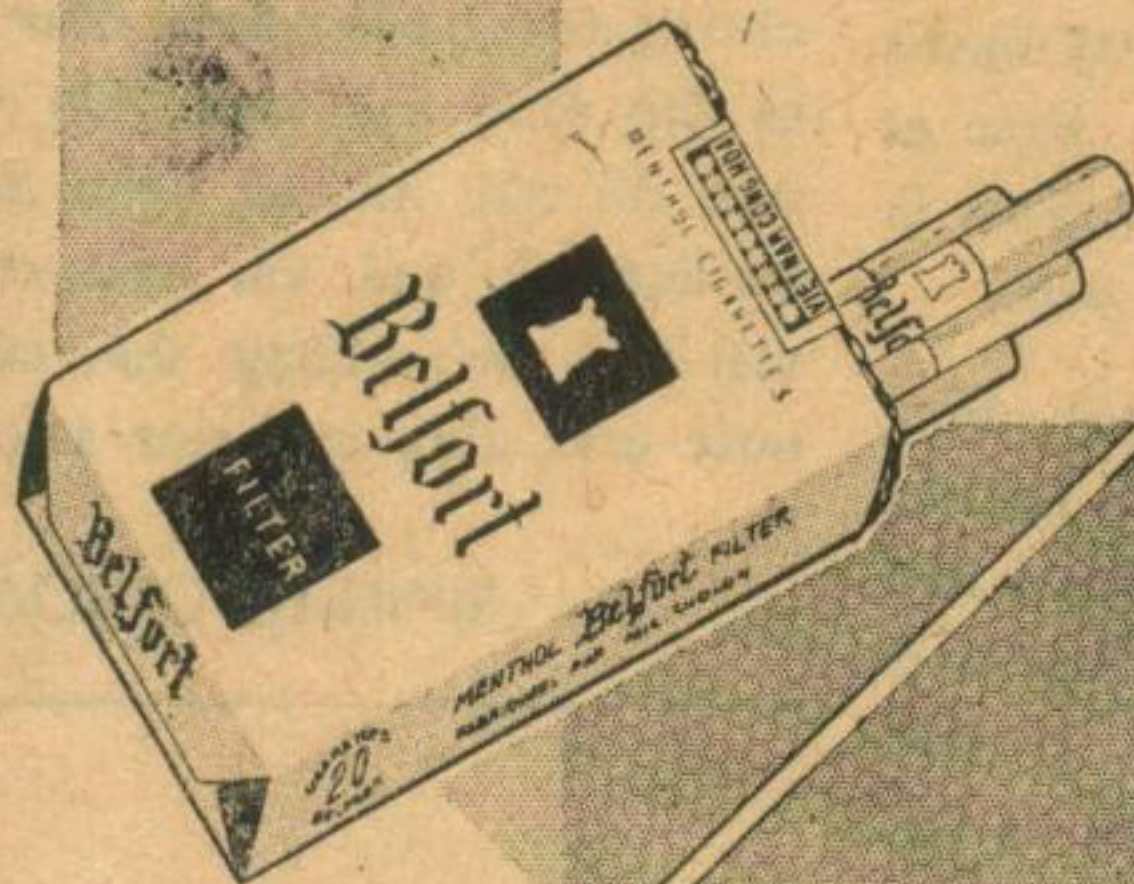
Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

AIP

Belfort ĐỎ

- THUỐC THƠM HƯƠNG VỊ ĐẬM ĐÀ
- BẠC HÀ RẤT MÁT



Belfort XANH

- THUỐC THƠM HƯƠNG VỊ DỊU DÀNG HƠN
- BẠC HÀ RẤT NHẸ



MIC-CHOLON

Nước cạn, hoa lau...

Một đêm gió thổi chờ trời mất
Nước cạn hoa lau chỉ một niềm

TẢN ĐÀ

Xếp dọn mọi thứ đâu vào đó xong, thì đã chín giờ tối. Chỉ còn 2 giờ nữa là đến giờ giới nghiêm, mà mai Tịnh lại phải đi sớm. Có cái gì canh cánh bên lòng Tịnh. Chàng nhớ hình như mình còn quên một cái gì, cái gì quan trọng lắm. Tịnh bần thần đi ra đi vào một lúc, mới nhớ đến chị Trầm. Tịnh chưa đến chào chị, chưa báo cho chị biết từ mai chàng không còn ăn cơm tháng ở đó nữa. Và nhất là, nhất là... chưa đến thực hiện thử cái ý định Tịnh nghĩ từ lâu mà cố quên đi, ý định đã bùng bùng trời dậy mãnh liệt từ lúc chàng nhận được giấy gọi.

Khi Tịnh đến hiệu, thì khách còn đông lắm. Vài bác công chức già, năm ba người lính vừa nhai cơm vừa nói chuyện ồn ào. Chị Trầm bận túi bụi phía sau cái tủ kính đựng các thức ăn. Thấy Tịnh đến, chị vui mừng hỏi :

— Sao em đến chậm vậy ? Chị tưởng em lại ham chơi, quên về.

Tịnh cố bình tĩnh nói :

— Em phải đi chào hết bạn bè, bà con. Mai Tịnh đi.

Chị Trầm ngược vội lên :

— Đi đâu ?

— Em phải trình diện. Không học được nữa.

Chị Trầm không tin ở tai mình, cái tay cầm muống nước mắm để lơ lửng ở thế lưng chừng mắt nhìn Tịnh vừa tra hỏi vừa xót xa. Tịnh nói tiếp cho nó xong đi :

— Em lại chào chị, và sẵn dịp báo cho chị biết mai em không ăn cơm nữa.

Lúc ấy, người lính ngồi ở bàn ngoài gõ thìa vào chén gọi tính tiền. Chị Trầm định giả lơ để nói chuyện với Tịnh, nhưng tiếng gõ mỗi lúc mỗi hối thúc cấp bách hơn. Chị Trầm đành bảo :

— Em lại ngồi chỗ bàn cơm ăn đi. Chờ chị một chút. Chị trở vào liền.

Tịnh đã ăn cơm ở nhà thím Bảo, nên chỉ đến ngồi ở cái bàn con sát quầy hàng lơ đãng nhìn quanh. Chị Trầm từ ngoài vào, đi thẳng đến phía Tịnh, tay dúm sâu mấy tờ giấy bạc bèo nhèo vào túi áo. Chị nói :

— Sao Tịnh không cho chị biết sớm. Các em lần lượt đi hết, quán này chỉ còn mấy ông công chức già trong tòa hành chánh và mấy anh quân cảnh ở bên đồn. Tháng trước có Viễn, có Lý. Bây giờ đến em. Nhưng Tịnh có vào cùng một chỗ với Hà không ?

Tịnh bảo :

— Chắc cũng vào đó chứ đi đâu. Hà nó đi trước, mà lại oai. Bây giờ vào đó, nó thành đàn anh của Tịnh rồi. Mặc sức mà bắt nạt.

Chị Trầm xuýt xoa :

— Em đề tới phút chót mới báo, làm sao chị kịp viết thư và gửi quà cho nó.

Nhà chỉ còn có hai chị em côi cút, từ ngày nó đi, chị không thiết làm ăn gì nữa. Chị còn tiếp tục mở quán là vì sợ nó xin tiền không có mà gửi. Em vào trong đó có gặp Hà...

Một đám đông quân nhân kéo vào quán, nhiều người trong bọn đã say, bước chân nam chân xiêu. Tịnh đọc thấy sự bức bối trong ánh nhìn của chị Trầm, nói trước :

— Thôi đề em ra phía trước coi cộp Tivi một chốc, chờ khách đi hết em trở lại. Chị bận quá em sợ phiền.

Chị Trầm bối rối không biết phải nói gì đề xin lỗi. Thấy Tịnh đứng dậy thật, chị cuống quýt :

— Nhưng em phải trở lại nghe không. Chị muốn nhắn vài chuyện cho Hà.

Tịnh ra phía trước đường đứng nhìn vợ vờn lên trời. Chờ cho khách về hết, chàng mới trở vào quán. Chị Trầm hỏi :

— Tin tức có gì lạ không Tịnh ?

— Tin tức gì ?

— Tin đọc trên truyền hình ấy.

— Tịnh cũng không nghe nữa. Lúc trở ra, thấy họ đã tắt rồi. Khán giả chỉ thích cái lương. Mỗi lần thấy cái ông ăn mặc chỉnh chặc đọc tin hiện lớn trên Tivi, trẻ con nhao nhao phản đối... Miệng đọc thứ gì mặc kệ, cái mặt cứ y như pho tượng.

Trầm cười, chống ché giùm cho người vắng mặt :

— Nghề nghiệp của họ phải thế. Họ chỉ là cái máy. Họ là máy Tivi bằng thịt mà. Trách họ sao được.

Ý tưởng khá ngộ nghĩnh. Tịnh nghĩ đến hình ảnh một cái máy truyền hình có dáng người thật. Nhưng cái khung tivi sẽ nằm ở đâu. Chị Trầm nói :

— Mai em vào đó, nếu gặp...

Tịnh không nghe thấy chị nói gì, mãi chú ý đến tưởng tượng riêng. Chị Trầm nói chưa hết, Tịnh đã cắt lời :

— Chị nghĩ hay thật. Nếu có cái tivi-người, thì khuôn hình nằm chỗ nào ? Trên trán được không ?

Thấy hình ảnh ngộ nghĩnh quá, chị Trầm cũng thích thú cười lớn. Chị quên mất câu nói dở dang. Trầm phụ họa :

— Ừ, phải đấy. Nếu trên trán ai cũng có cái khuôn hình, thì tiện biết

mấy. Ốc nghĩ thứ gì, là hiện ngay thành chữ trên trán, Người khác đọc được liền, khỏi phải mỗi miệng nói hoặc lắng tai nghe.

Tịnh nghĩ xa, vặn lại:

— Lỡ mình nghĩ lung tung?

— Thì hình trên khung nhảy loạn xạ.

Tịnh chợt nghĩ đến ý định của mình, hỏi lại:

— Lỡ mình không muốn cho ai hay biết điều mình nghĩ?

— Không được. Bấy giờ phải thành thực. Ai nấy đều trong suốt. Không còn giấu giếm được gì. Mà muốn giấu cũng được. Chỉ việc lấy tóc phủ khung hình lại.

Tịnh cười, chỉ vào mái tóc lòa xòa của Trầm:

— Thế thì đàn bà lợi quá, không công bằng.

Chàng chợt nghĩ đến một trò chơi thú vị, buột mồm nói ngay:

— Chị buồn ngủ chưa? Chưa phải không. Hay mình chơi trò này đi. Tưởng tượng trên trán chị và trên trán Tịnh đều có khuôn hình cả. Chị đọc ý nghĩ của Tịnh, còn Tịnh đọc ý nghĩ của chị. Ai đọc sai, bị phạt.

Trầm thấy trò chơi lạ lùng, thích chí bằng lòng. Trên khuôn mặt đượm buồn của cô gái ba mươi, từ lâu nhẵn nhụi cam chịu mọi thứ, phảng phất một sức sống mới. Nàng xoay người hẳn lại, đối diện với Tịnh, hai cùi chỏ chống lên bàn. Tịnh nhắc:

— Chị phải vén tóc cao lên chứ:

Trầm cười, hất cả mái tóc ra phía sau vai, hỏi Tịnh:

— Đã đọc rõ chưa?

— Còn mờ. Phải điều chỉnh lại đài mới được. Chị ngồi yên nhìn thẳng nhé.

Trầm gặng ngồi yên, mặt ngược cao lên trần như một pho tượng ranh mãnh.

— Tịnh đọc được chưa?

— Chưa. Thôi cho chị đọc khuôn hình của Tịnh trước.

Trầm cười nhẹ, tìm ý một lúc rồi chậm rãi đọc, như đứa bé mới học diễn văn:

— Được. Tịnh đang nghĩ: Ở... đây... chán... quá... rồi. Đi... là... phải.

Tịnh phản đối:

— Sai. Hoặc chị đọc lầm hoặc cái máy hư. Thôi để Tịnh đọc chị nhé: Mai... lo... dậy... sớm.

Trầm cắt ngang:

— Đoán mò. Dĩ nhiên là chị phải dậy sớm để đi chợ.

— Nhưng Tịnh chưa đọc hết. Còn nữa: Qua rồi một ngày nhọc nhằn. Đi về cho người ta nghỉ.

Trầm lại cướp lời:

— Sai. Hoàn toàn sai. Cái truyền hình của chị tốt, nhưng loa phóng thanh của Tịnh tệ quá. Chữ hiện một đằng, đọc một nẻo.

— Thế chữ hiện cái gì?

— Chị chỉ nghĩ : không bao giờ, vâng, không bao giờ chị quên được đêm nay. Đêm cuối tiên Tịnh lên đường. Cậu em ngoan. Thật ngoan. Chưa bao giờ Hà cho chị những giờ phút thích thú như Tịnh.

Tịnh thấy lòng nao nao, hơi hồi hận vì đã có những ý định không đẹp ban đầu. Cái ý định bày thử một cuộc chơi, đề trắc nghiệm khả năng đối với một người đàn bà. Đề thấy cuộc đời mình vẫn còn có một ý nghĩa. Đề tự an ủi rằng dù không trọn quyền định hết cả đời mình, mình vẫn có thể giữ trọn chủ động trong tầm tay ngắn. Chàng đâm lo âu, sợ mình đã đi quá xa, nên ngồi lặng một lúc, mắt mơ màng nhìn lên trần nhà. Trầm tò mò nhìn vẻ khác thường của Tịnh, lòng tràn hoài nghi. Nàng hỏi:

— Còn Tịnh thì đang nghĩ đến những chuyện xa, thật xa. Chị đọc thấy trên khung hình của Tịnh câu này: Ta buồn...ta nhớ...giả có Thúy Ngọc ở đây.

Tịnh giật mình, nhìn lại kỹ gương mặt Trầm, thấy vẻ phụng phịu giấu đằng sau sự mỉa mai khinh mạn cổ tình. Chàng vội nói :

— À à, cái máy phóng thanh của chị cũng tệ chẳng kém. Đang không lại chen chuyện Ngọc vào đây. Tịnh nói thật, Ngọc chỉ là một người quen, từ thời thơ ấu cho đến lúc đi học.

Trầm nghiêng đầu, vừa cười mỉm vừa hỏi :

— Thật không?

— Thật trăm phần trăm.

— Nhưng khi nào nói đến Ngọc chị vẫn thấy đôi mắt của Tịnh long lanh. Như mấy cái đèn pha xe mười bánh, cực mạnh, bất chấp sương mù hay giông bão phía trước.

— Chị chỉ tưởng tượng.

— Chị có tưởng đâu. Chị chỉ đọc trên khuôn hình của Tịnh mà biết đấy chứ.

— Chị đọc sai.

Trầm hồi hộp, e ngại một lúc, mím môi cố dằn nhưng không được, tò mò hỏi.

— Thế đọc đúng thì thế nào?

Tịnh không chuẩn bị ý tưởng kịp, chần chờ hoãn binh :

— Đúng ư? Tịnh đang nghĩ... đang nghĩ như chị. Nghĩ đến buổi tối đẹp nhất trên đời. Nghĩ đến... nghĩ đến hình ảnh một chị Trầm khác hẳn chị Trầm thường ngày.

Trầm thích thú giục :

— Khác những gì? Sao mà khác?

Giọng Tịnh cố làm ra mơ mộng :

— Một bà chị... một bà chị hiền như các bà chị hiền trong truyện thần tiên. Giọng nói nhẹ, ánh mắt âu yếm, tâm hồn hiền hòa. Tịnh mơ ước có riêng một người chị như vậy, suốt một đời.

Trầm đã biết được điều muốn biết. Nàng muốn ngộp thở vì xúc động. Trước mặt hình dáng Tịnh

nhặt nhòa chỉ còn lơ mờ một cái miệng cười, một mái tóc đen. Nàng không tự chủ được, thú thực hết lòng mình :

— Tịnh làm chị sung sướng. Cả đời chị sống cô cút, không có lấy một niềm hy vọng. Có nhiều lúc chị có cảm giác không thể chịu đựng được nữa, muốn bỏ đi biệt, đi mất, ra sao thì ra, dù...

Tịnh cướp lời và Trầm nghe giọng nói của Tịnh có chiều khác lạ, như cổ dẫn một niềm phần nộ bất chợt :

— Có bao giờ chị mơ ước đi tới một nơi nào đó, một nơi xa lạ, không ai quen biết mình, sống buông thả mặc tình với một người đàn ông đến trước, trong vòng một đêm, một ngày, hay một tuần, rồi bình thản lên xe về nhà, tiếp tục cuộc đời heo hút cũ.

Trầm nghe rõ lắm, nhưng chết lặng không biết trả lời thế nào. Nàng rơi hẫng vào một trạng thái hư đãng, phức tạp chưa bao giờ cảm thấy. Nàng thích thú vì khám phá rằng mình vẫn còn là một cái gì để kẻ khác mong ước, không phải là cái bóng vô nghĩa trước sự thờ ơ lạnh nhạt của khách đời. Nhưng đồng thời nàng thấy tủi nhục đến xót xa. Đó là sự khám phá hạnh phúc đồng thời với nỗi tan vỡ của ảo tưởng. Nàng thì thào :

— Em dám nói thế với chị hở Tịnh ?

Bấy giờ Tịnh mới thực sự sợ hãi,

hồi hận đã có những ý tưởng quái đản phi luân đến như vậy từ đầu, và đã để cho ác quỷ đi vào âm mưu xấu xa trong mấy ngày liền, không cho chàng bỏ cuộc. Tịnh lí nhí :

— Xin lỗi chị. Tịnh quần trí mất rồi. Tịnh thật là một đứa hèn mạt, xấu xa.

Tịnh định tiến về phía Trầm, nhưng nàng giật mình lùi lại, giọng hốt hoảng :

— Thôi, khuya rồi. Tịnh về nghỉ mai còn đi sớm. Chị đã quên hết những lời em nói, dù là lời phải hay lời trái. Em của chị lên đường bình yên nhé.

Tịnh không biết làm gì khác hơn là lặng lẽ chào Trầm, rồi ra khỏi quán.

Lúc bước đến cửa, Tịnh nghe chị Trầm chạy theo nói với :

— Tịnh cho chị nhẫn một chút. Nói giùm với Hà là chị đã nhận được thư. Chị sẽ tìm cách vào trước ngày Hà chọn đơn vị.

oOo

Hai người nói đủ thứ chuyện cho đến khi trời tối. Tịnh muốn cho Trầm thấy cảnh bên cầu đẹp đúng y như mình tưởng tượng. Trầm công nhận trí tưởng tượng của Tịnh chính xác và phong phú. Cảnh đèn trên cầu phản chiếu trên mặt sông đẹp thực. Nhưng sương bắt đầu xuống. Trầm và Tịnh trở lại con đường nhỏ ra cầu, rồi theo quốc lộ đi ngược lên bến xe. Phố xá lặng lẽ êm ả. Trầm thấy lòng xúc động, khe khẽ hát một câu dài. Tịnh lắng nghe, nhưng chịu

không biết nàng hát bài gì, chỉ thấy thấy điệu nhạc thông thả êm ả như tiếng chuông chiều. Đêm đã về. Bóng tối vây phủ hai người. Tiếng guốc và tiếng giầy vang vang trên đường nhựa, đều đặn, thanh bình. Chưa bao giờ Trầm được hưởng một cảm giác thoải mái nhẹ hẫng như vậy. Trầm thú thực :

— Nếu khi chiều không nghe lời Tịnh, thì đã phí một đêm đẹp trong đời.

Tịnh bảo :

— Khi nghe Hà đã đi đơn vị rồi, chị thiếu não như người mất hồn. Trông thảm lắm.

— Làm sao không buồn được. Dem tiền nong quần áo vào cho nó, không ngờ chỉ vào trễ có mấy tiếng đồng hồ. Nếu khi chiều có xe ra, chị đã về rồi. Mà làm sao em ra ngoài được ?

— Tịnh được phép ra phố mua đồ bếp cho đại đội. Vào trong này, em làm phụ bếp mà.

Chị Trầm cười :

— Thế bây giờ ông bếp cho tôi ăn gì đây ?

— Em sẽ đãi chị một bữa cơm ngon không thua cơm quán của chị. Chỗ này khá lắm. Ăn xong, em sẽ đưa chị về đến tận cổng nhà trọ.

— Nói chơi vậy thôi, chứ tối nay Tịnh phải đề chị trả tiền. Hôm trước Tịnh đến chào, lẽ ra chị phải làm tiệc tiễn hành. Chỉ tại Tịnh chờ đến giờ chót mới cho biết. Hôm nay chị xin thay thế một bữa tiệc khác.

Tịnh định từ chối, nhưng nghĩ đến bữa tối hôm trước khi vào lính, chàng ngượng ngùng liếc mắt dò xem thái độ chị Trầm. Chàng thấy chị không có chút hờn giận căm tức nào. Chàng lặng lẽ đi bên Trầm, miệng huýt sáo đề giấu bối rối. Đến cái quán chồ ngã ba, Tịnh hỏi :

— Hay mình vào đây ?

Trầm ngạc nhiên hỏi lại :

— Cái quán này vắng quá. Tịnh sợ buồn không ?

Tịnh cười chỉ về phía có ánh đèn ngũ sắc :

— Dưới kia thì lại ồn ào quá.

Trầm cho câu nói ấy ngầm chứa nhiều điều hứa hẹn, mặt đỏ bừng cúi xuống nhìn bước chân hai người trên sỏi, không nói gì. Tịnh thấy mình đi hơi xa Trầm, cố nhích lại gần hơn. Gió bẽ thời mạnh vào bờ, hất tung tà áo xanh của Trầm lên trời, rồi dấn chặt lên ống quần Tịnh. Trầm định cúi xuống kéo vạt áo lại, thì Tịnh cũng định cúi xuống gỡ vạt áo Trầm ra. Hai người cùng cùng đầu vào nhau. Trầm cười nhỏ, thẹn thùng :

— Chết, Tịnh có đau không ?

— Không chết. Vẫn sống nhăn răng. Nhưng chị có đau không ?

Hai người cùng cười lên sung sướng. Trầm quên hết e thẹn giữ gìn, cười hỉ hả, chạy nhanh xuống bờ cát. Nàng cúi xuống chỉ một con còng nhỏ đang sợ hãi chạy tìm chỗ nấp dưới ánh đèn đường, rồi rít bảo :

— Tịnh, Tịnh, lại đây. Trông con còng tội nghiệp chưa?

Tịnh đến nơi thì con còng đã chui vào hang sâu. Chàng giả vờ hỏi:

— Tịnh có thấy con còng nào đâu?

— Nó vừa chui vào đây rồi.

— Con còng hay con cua?

Trầm bực tức cãi:

— Cua khác còng khác chứ. Con cua to bằng cả bàn tay. Còn con còng nhỏ tí teo mới chạy lằng quằng đây.

Tịnh nói:

— Tịnh thì chỉ thấy có cua mà thôi. Lại không phải cua sống biết bò. Chị có ngửi thấy mùi thơm ngào ngạt trong gió hay không? Đố chị biết mùi gì nào. Cua ram muối đấy. Cua ram muối của Tịnh hấp dẫn ngon lành hơn con còng gió của chị.

Trầm hiểu ý Tịnh, chỉ ngón tay trỏ vào Tịnh trách:

— Đồ ham ăn. Ra biển, gần trời cao biển rộng, mà chỉ nghĩ tới cua ram muối. Phàm phu tục tử.

Rồi cười dòn dã, hai người dắt nhau trở lại quán. Trầm nhường cho Tịnh tự chọn món ăn, rồi suốt buổi tối ngồi ngắm Tịnh ăn ngon lành. Tịnh lâu lâu nhắc:

— Sao chị không ăn chỉ ngồi cười?

— Trầm có ăn đấy chứ.

— Đâu. Ly bia của chị còn nguyên và đĩa thịt gà phía chị còn đầy.

— Chị ăn nhiều mà. Không dám uống hết ly bia, sợ say.

Trầm nâng cốc bia lên uống một ngụm nhỏ cho có, rồi đặt cốc xuống, lấy đĩa gấp một miếng thịt gà bỏ vào chén của Tịnh. Tịnh vội cản:

— Tịnh ăn nhiều rồi. Chị ăn đi chứ.

Rồi gấp miếng thịt bỏ lại chén Trầm. Hai người cứ mời qua mời lại như vậy mãi, ép nhau ăn các thứ ngon, đến nỗi cuối cùng thức ăn trên bàn không còn gì cả. Trầm cũng uống luôn cả hai ly bia đầy. Không quen uống rượu, nàng thấy máu nóng bốc lên mờ cả mắt, trong đầu từng tiếng gõ đều gõ đều như nhịp búa. Ánh đèn từ quán chiếu lên khuôn mặt nàng càng làm tăng thêm vẻ hồng hào. Lần đầu tiên, Tịnh thấy Trầm khá đẹp. Còn Trầm thì đắm đắm nhìn chàng thanh niên khuôn mặt lằng mạn sâu mộng trước mặt, môi mím lên điệu thuốc, khói nhả ra từng ngụm thật khinh bạc tự tin. Lúc bấy giờ có nhiều người vào quán cười nói inh ỏi, lời lẽ tục tĩu. Trầm giả vờ không nghe thấy, còn Tịnh thì khó chịu gọi bồi tính tiền, Trầm giành trả. Tịnh không biết làm sao, chờ Trầm trả xong tiền rồi cùng với Trầm ra khỏi quán. Đêm đã về từ lâu. Trăng nhú lên khỏi mặt nước, làm hồng rực cả một vùng biển lặng. Tịnh thấy cảnh đẹp quá, đề nghị:

— Mình đi dọc theo bờ biển một chút cho đỡ nặng bụng. Chị có gấp về không? Trầm trả lời nhỏ: “Không”, rồi chuyển choáng bước theo Tịnh. Hai người đi cạnh nhau bên bờ

nước, càng ngày càng xa khúc biển náo nhiệt ồn ào. Gió nhẹ mơn man ở gò má, Trầm thấy khoan khoái giờ cả hai tay lên trời, bảo Tịnh :

— Đêm dễ chịu quá. Tịnh hãy đưa tay cao cho buồng phôi mở, hút hết mát dịu của gió. Bắt chước Trầm đây này.

Tịnh nhìn Trầm. Bấy giờ trăng lên cao hơn chiếu vào đôi mắt nàng, phản chiếu ánh long lanh. Trầm cử động đôi tay như lối trẻ con tập thể dục. Tịnh nhìn Trầm một lúc, trả lời :

— Chị phải làm cô giáo mới đúng. Nhưng Tịnh đâu phải là cậu bé mà chị dạy cách thở.

—Chị cứ thấy Tịnh là cậu bé như thường, tức không ?

— Tức chứ. Trước kia còn đi học, thì nhận là bé bỏng cũng được đi. Nhưng bây giờ Tịnh đã chui rồi. Tịnh là Phù Đồng Thiên Vương, ăn bữa tiệc chị đãi xong, vươn vai một cái, thành người lớn liền. Bây giờ Tịnh lại coi Trầm như một cô bé. Như một cô bé nhỏ.

Trầm cười không tin, giọng cười trong như thủy tinh, rạng rỡ dưới trăng.

Nàng nói:

—Bây quá. Đã mất tiêu lại còn mất luôn tước người lớn. Nhưng làm cô bé cũng thú, chứ sao. Làm cô bé...

Trầm vừa nói đến đó, thì chân bước hụt vào một hố cát. Nàng kêu lên, ngã quỵ trên cát ẩm. Tịnh vội cúi xuống nắm cánh tay Trầm

nâng dậy, miệng rớt rít :

— Có sao không cô bé ? Có việc gì không, cô bé của anh ?

Rồi, trong một thoáng, Tịnh muốn thi hành ý định một tháng trước, không chần chờ, Trầm vừa đứng lên ngang tầm tay thì Tịnh đã ôm chầm lấy nàng, hai tay ôm chặt thân thể đang nóng bừng của nàng, Trầm mềm nhũn trong tay Tịnh, hai bàn tay chơi vơi run rẩy một lúc rồi cũng ôm chặt lấy lưng Tịnh. Nàng ngả đầu ra phía sau, mắt nhắm nghiền, miệng thì thảo :

—Tịnh.. Tịnh. Có nhớ đêm hôm ấy... Tịnh đã hỏi chị. Chị muốn sống hết trọn với Tịnh, như cỏ cây, muông thú...

Tịnh cảm thấy thân thể Trầm càng ngày càng nặng. Nàng đã bỏ thông hai chân. Áo Trầm ướt ướt mồ hôi, và theo đà nhẹ nhàng lặng lẽ, Tịnh đưa bàn tay theo Trầm ngã dần xuống lưng cát ẩm. Trầm nhắm mắt, miệng mỉm cười. Tịnh ghen không nói được gì. Chàng đã chủ định ngay từ khi nghe Trầm mời chàng đi ăn, nhưng tình thế biến chuyển đột ngột, đưa chàng vào cái thế thụ động. Vì vậy, Tịnh lặng người, hoang mang không biết phải làm gì, chỉ quì gối bên cạnh Trầm, đầu óc bừng bừng. Trầm mở mắt say đắm ngắm Tịnh,

Nhất là đôi môi ướt vaseline bóng nhẫy dưới trăng. Chàng thấy bị dày vò giữa lòng ham muốn cuộn cuộn và nỗi nhàm chán ghê tởm thật mơ hồ. Chàng cắn môi, cố nhìn trở lại làn da bụng trắng của Trầm để tự đẩy mình vào quyết định. Nhưng chàng vẫn bất quyết. Chàng nôn nả, biết không thể kéo dài mãi tình trạng dằng co này, Trầm mở mắt. Tịnh đọc thấy ở đáy sự trách móc, sự thù hận. Cái ý nghĩ bị Trầm hận thù khiến Tịnh bạo dạn hơn. Và như con thú cùng đường,

Hai người đi bên nhau, nhưng không ai nói với ai lời nào. Mãi tới lúc đến gần nhà trọ của Trầm, Tịnh mới cố nói một cái gì :

— Hòa bình rồi, thế nào Tịnh cũng được trả về. Lúc ấy...

Trầm vội cắt lời, giọng nói vỡ đi vì hốt hoảng :

— Còn đánh nhau mà. Nhất định em không về được đâu.

Nói xong, Trầm đi nhanh vào cổng, như chạy trốn. Tịnh nghe thoang thoảng trong câu nói cuối cùng của Trầm, có cái gì giống như một niềm mong ước mâu thuẫn đến kỳ dị, xót xa.

oOo

Qui-nhơn đêm 18-3-73.

NGUYỄN NGÂN SƠN

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP-Đ.

BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Sách nhận được trước 15-6-1973

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Liệt-tử và Dương-tử, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê, do Lá Bối xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 300 trang gồm 3 phần chính : Phần giới thiệu nhân vật, nguồn gốc tác phẩm, Tư tưởng Liệt-tử, Dương-tử v.v... Phần về Liệt-tử và Phần về Dương-tử. Bản đặc biệt.

— Biên-Hòa sử lược toàn biên Quyền I và Quyền II của Lương Văn Lưu do tác giả xuất bản và gửi tặng. Toàn bộ gồm 5 quyển Quyền I : « Trấn-biên cồ kính » dày 300 trang, Quyền II : « Biên hùng oai dũng » dày 318 trang, do tác-giả biên soạn công phu trong 30 năm, mỗi quyển đều có nhiều hình ảnh và tài liệu quý giá. Giá mỗi quyển 300đ.

— Vấn đề đau khổ của Thiên Phong Bửu Dưỡng, do Đa Minh Thiện Bản xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 320 trang, tác giả « thử tìm hiểu vấn đề đau khổ với các tôn giáo, văn-nghệ, khoa học và triết học ở các nước xưa nay, mong tìm thấy rõ nguyên-nhân đau khổ và phương pháp diệt khổ » gồm 5 chương : Diễn tả, Thực nghiệm, Trừ diệt, Nguyên nhân, Giải pháp. Giá 160đ.

— Ngài ở đâu ? (Lịch sử nhân loại qua Thánh kinh và Lịch sử Giáo-hội) của Thiên Phong Bửu Dưỡng do Đa-Minh Thiện-Bản xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 460 trang

Quyền II gồm 2 phần : Tây phương và Đông phương, mỗi phần có chương các dân tộc và chương tư tưởng thi văn, phần 2 có thêm chương về Việt Nam. Biên soạn công phu. Giá 350đ.

— Phương pháp luận, nguyên tác « Discours de la methode » của René Descartes. Bản Việt-ngữ do L.M. Trần Thái Đĩnh phiên dịch, nhập đề và chú giải, Nam Chi tùng thư xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 222 trang, nhập đề, phiên dịch và chú giải công phu, minh bạch. Giá 400đ

— Nói với tuổi hai mươi của T.T. Nhất Hạnh, do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 166 trang, in lần thứ 7, một cuốn sách được bạn đọc trẻ tìm đọc nhiều nhất từ 1966 đến nay. Giá 220đ.

— Tháng ngày mỗi một tuyển tập 3 tác giả : Vũ Bằng (Nước mắt người tình), Kim Thu (Con mắt đỏ lửa), Từ Tắc (Tiếng hát trong mặt trời buồn) do Sông Kiên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 312 trang. Giá 450đ.

— Một vài cảm nghĩ của Anh Tuấn Nguyễn Tuấn Phát, do Nhà sách Khai Trí xuất bản và gửi tặng. Tác phẩm này các lần trước xuất bản mang tên « Một vài cảm nghĩ của người thầy thuốc », nay mấy tập in gộp cả lại dày trên 480 trang với những cảm nghĩ rất phong phú, chân thành, về mọi địa hạt của tác giả cùng lời Tựa và phê bình, giới thiệu của : Tạ Tỵ, Lê văn Siêu, Đào Đăng Vỹ, Cao Giao, Lãng Nhân, Doãn quốc Sỹ, Phạm Duy, Hà Thượng Nhân, Vũ Bằng v.v.

Thêm một lần đi

Thơ THỤY KHÁI

- ◎ Từ dạo năm Thìn, sau thủy - nạn
Tiếp liền khói lửa ngập quê hương
Con thơ, vợ yếu, đôi tay trắng
Giã biệt đồng quê, nhập phố phường.



Bên mé Hàn-giang, vùng cát bụi
Lần tay chốc đã chín năm trường
Chín năm dầu-dãi bao mưa nắng
Đêm lặng buồn nghe sóng đại-dương
Ly-loạn kéo dài, ly-loạn mãi
Bao giờ mới hết chuyện đau thương ?
Ước mơ mãi vẫn là mơ ước
Đất nước ngày nào hết nhiễu-nhương :
Vẫn cảnh mẹ già chiều tựa cửa
Buồn trông con « túy ngoạ sa trường... »
Vợ hiền bao kẻ ôm con dại
Ngâm khúc « du du hề bỉ thương... »



An-Hải giờ đây xao-xuyến quá,
Trở trêu cảnh ngộ biết đâu lường
Qua cầu bỗng chốc rơi tay vịn
Chơi-với người người hết chỗ nương
Nước mặn, nắng thiêu, vùng cát trắng
Ngàn chim vỗ cánh bay ngàn phương
Trông về đỉnh Ấn mây che lối
Gởi ngược giòng Thu nổi vãn-vương
Thuyền chẳng thuận buồm quay bến cũ,
Đành thêm một chuyến lại lên đường.



Tha-hương từ-giã, tha-hương đến,
Nhìn chiếc mình gầy qua bóng gương,

Quá nửa đời người chưa sự-nghiệp
Hèn gì mái tóc chẳng pha sương,
Ô hay ! Đi để làm chi nhĩ ?
Tập lịch đời còn được mấy trương?
Cơm áo thôi đành cho trọn kiếp,
Ai sang Tần, mặc ai Tiêu-Tương.



Chiều nay giữa bụi miền đô thị
Trông thấy nhân-tâm quá chán chường
Ta gặp bạn bè, thân thuộc cũ
Hầu như lạc giữa bến Tầm-Dương.
Bao giờ đất nước thanh-bình lại
Với mái nhà xưa, với mảnh vườn
Với nước sông Thu, mây đỉnh Ấn,
Về đây sống lại giữa quê hương...

Salgon, 05-73

Bạn cần 1 nghề chuyên môn để tìm việc làm ?

Mời bạn đến trung-tâm giáo dục tráng-niên CẤP TIẾN ghi tên học lớp

KẾ TOÁN - TỐC KÝ NGHIỆP - VỤ NGÂN - HÀNG

mỗi tháng đều có khai giảng lớp mới tại 2 trường

— NGÔ-TÙNG-CHÂU 93 Ngô-tùng-Châu quận 2 Sài gòn

— HÙNG-VƯƠNG : 124 Hùng-Vương quận 5 Chợ lớn

LƯU Ý : Mời các học viên đã ghi tên thực tập tại ngân hàng
liên lạc gặp với văn phòng.

— Các hồ sơ xin học bằng phải nộp đầy đủ

— các sách KẾ TOÁN và NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG mua tại
trường được hưởng giá đặc biệt.

Quản-đốc : G.S. TRẦN-MINH XUÂN

ĐÃ PHÁT HÀNH :

ZEN VÀ DƯỠN-SINH

do Ông THÁI-KHẮC-LỄ biên-soạn

nói về lý-thuyết và cách thực-hành phép ăn uống bí-truyền của các võ-sĩ Nhu-đạo và các vị Thiền-sư Nhật-bản, có công-năng cải-tạo sinh-lực, làm trẻ đẹp người, thêm tuổi thọ, tăng-cường trí nhớ, chữa lành tất cả các bệnh nan-y như đau tim, bón, mất ngủ, di-tĩnh, bạch-đái, áp-huyết cao, ung-thư, ho lao, phong cùi, suyễn, bại, điên cuồng, giang-mai, bị phóng-xạ nguyên-tử v.v...

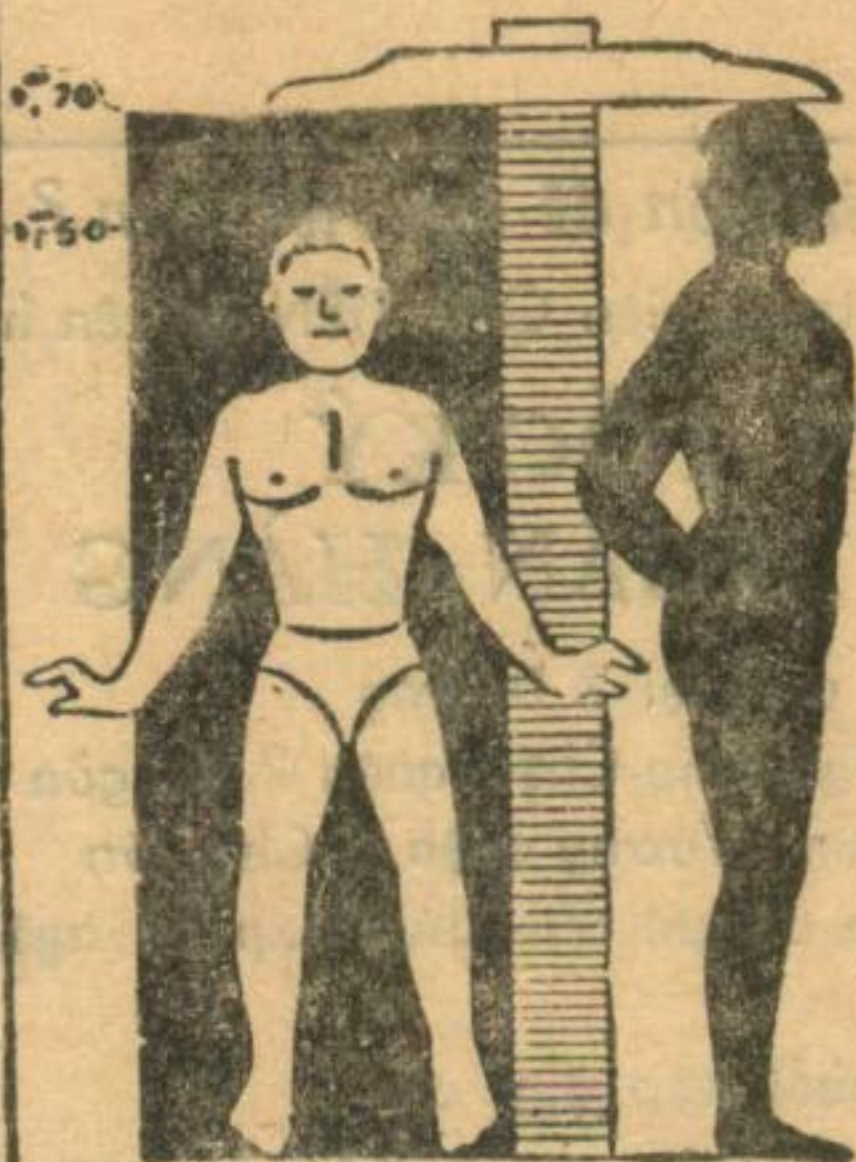
Sách tái bản lần thứ 4 dày 300 trang

Giá bán : 450 đồng
Ông PHẠM-CHÂU
Thư-viện Đại-học HUẾ

Thư từ gửi về :
hoặc Ông TRẦN-VĂN-ĐẠI
541/9, Phan-Thanh-Giản SAIGON III

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



**CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.**

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ!

Đã phát hành :

LỜI THIÊN G

KAHLIL GIBRAN

TRẦN VĂN ĐIỀN dịch

AN TIÊM xuất bản

Một cuốn sách gối đầu giường của tất cả những ai có tâm huyết muốn cứu vãn xã hội ngày nay đang băng hoại trầm trọng dưới sức mạnh tiền tài và bạo lực.

(Sách quý, in toàn bản đẹp. Có bọc sẵn bì nylon, mọi quý độc giả tìm đọc).

ĐỒNG NAI tổng phát hành

Nhà xuất bản Lá Bối

Lô O, 121, Chung cư Minh Mạng Saigon 10

Giám đốc sáng lập : Nhất Hạnh

Những tác phẩm tăng giá trị của tủ sách

- SỬ KÍ CỦA TƯ MÃ GIẢN CHI và Nguyễn Hiến
THIÊN Lê giới thiệu dịch và chú thích
- CHIẾN QUỐC SÁCH GIẢN CHI và Nguyễn Hiến
Lê giới thiệu dịch và chú thích
- TÌNH NGƯỜI Tâm Quán
- GÓP NHẶT CÁT ĐÁ Thiền sư Muju, Đỗ Đình
Đồng dịch
- BÀI HỌC CỦA WILL DURANT, Nguyễn Hiến
LỊCH SỬ Lê dịch
- LIỆT TỬ VÀ NGUYỄN HIẾN LÊ dịch giới
DƯƠNG TỬ thiệu và chú thích
- NÓI VỚI TUỔI NHẤT HẠNH
HAI MƯƠI (tái bản kỳ 7)

Con nai nhỏ trên đoạn đường gian nan

Trời mưa. Từng cơn gió mạnh thổi thốc vào người, nhưng ai nấy đều chạy. Họ chạy bất kể. Nước bùn văng lên tận đầu, tận mặt, họ vẫn chạy. Họ đua nhau chạy không nghỉ. Về khuya, trời càng mưa to và gió càng rét buốt, nhưng không ai thấy lạnh. Họ nhắm mắt chạy thẳng. Thỉnh thoảng, họ chỉ dừng lại để nằm úp sát xuống đất bùn khi nào có tiếng nổ. Dứt tiếng nổ, họ vùng lên chạy lại. Họ chạy, bỏ mặc tài sản. Họ chạy, bỏ quên người thân. Đôi khi dù đã văng mất một phần nào đó trên thân thể, họ vẫn còn chạy. Họ chạy khắp khênh. Họ lê lết. Họ bò càng...

Những xác chết nằm phơi ngổn ngang trong ruộng lúa. Máu họ hòa lẫn với nước mưa chảy lai láng giữa đất bùn. Một ánh sáng hỏa châu vừa lóe lên tiếp với tiếng nổ chát chúa rền tai. Tất cả đều nằm xuống. Thân xác nào không bị ném văng lên cao tất còn hy vọng chạy nữa. Thân xác nào trượt bị, thì thôi, nằm đó, nằm lại đó như những người kia không kêu đòi.

Thanh niên đưa tay chặn đầu cô gái bên cạnh bảo nằm im. Những nhịp tim hồi hộp đập trong lồng ngực tựa những tiếng tí tách của đồng hồ báo cho hai người biết phút tử thần đã qua. Thanh niên dlu cô

gái đứng dậy, nhưng nàng lão đảo, vết thương cách đây vài giờ ra máu nhiều quá. Anh phải bế nàng.

Chạy được một quãng đồng dài, thanh niên có cảm tưởng trời mưa làm cho tiếng súng vui đi nhiều hơn. Anh cũng chợt thấy đôi tay thấm mồ hôi tự cho phép mình nghỉ ngơi. Anh đặt cô gái ngả người nơi đôi vế mình, nhìn nàng. Bùn lầy và bóng đêm khiến họ không rõ mặt nhau, nhưng anh biết nàng đang khóc. Anh hỏi nàng :

— Em mệt lắm không, Nguyệt ?

Cô gái không trả lời, nhưng nàng nắm lấy tay anh xiết mạnh. Thanh niên bồi hồi, anh nghe một niềm hạnh phúc nào đó thật nhẹ nhàng vừa lướt ngang trong cơn khốn khổ. Anh không hỏi nữa. Anh muốn cô gái nhắm mắt lại ngủ yên. Thật bình yên, trong tay anh.

Hình như đề khỏi bị lạc đường, nhiều người đã men theo quốc lộ tìm tránh vùng bất an. Họ thấy đủ loại xe nằm lẫn trên ruộng. Có chiếc nát bẹp. Có chiếc máy vẫn còn nổ, như đợi chờ một người nào đó đến thế kẻ xấu số. Súng đạn vẫn nằm lăm lăm ; thỉnh thoảng vài ánh hỏa châu bật lên để soi sáng nỗi chết của mọi người.

Thanh niên ôm chặt Nguyệt trong

tay. Anh không muốn mảnh đạn nào đến cướp cô gái đi. Anh lo cho nàng hơn cả thân anh. Anh nói :

— Vào trong đó được rồi, anh sẽ tìm cách lo cho Nguyệt về S.G. ngay. Anh không muốn để em ở gần vùng chiến tranh nữa.

Hình như cô gái lơ là không chú ý đến câu nói ấy. Nàng trả lời đờm buồn :

— Em không còn ai thân thuộc nữa cả.

Thanh niên không hiểu. Anh nói :

— Anh có một bà dì trong đó. Bà không có con. Anh sẽ xin bà xem Nguyệt như con.

Cô gái vẫn lặng yên. Thanh niên không hay biết. Anh cứ tiếp tục thao thao bất tuyệt. Anh không thấy lạnh. Anh không nghe mệt. Anh vẽ vờ mọi chuyện xinh đẹp quên mất chiến tranh đang ở trước mặt anh. Súng đạn đang rình rập anh. Nỗi chết đang chờ đợi anh.

Thình lình, thanh niên chợt nghe bàn chân mình có ai vừa níu chụp. Anh hốt hoảng quay lại : hình như có một bóng đen trườn dậy thì thảo muốn nói gì với anh, trên tay bóng đen là một đứa trẻ.

Thanh niên rung mình. Anh hiểu. Anh chợt hiểu. Nhưng anh hất mạnh chân mình ra khỏi sức níu yếu ớt của bàn tay vô vọng. Không dám nói một lời nào, anh xiết Nguyệt chặt vào người vụt chạy.

Thôi, bé thơ, em hãy ngồi lại, hoặc đợi một người nào khác có lương tâm hơn mang em theo, hoặc đợi một trái nỏ vô tư nào khác giữ em lại vĩnh viễn chốn này. Hãy xem như là không gặp anh. Hãy tha thứ cho anh. Anh đang cần sống đời anh. Anh cũng đang cần bảo vệ niềm hạnh phúc cuối cùng nằm trong tay mình. Có lẽ anh đã thật ích kỷ. Nhưng em ơi, hình như trên trần gian này đến những lúc khốn cùng mọi người mới chợt nhận ra mình xấu xa, ích kỷ. Hẳn không còn gì để nghĩ khác hơn ngoài niềm hạnh phúc của hẳn. Anh không thể mang theo em... Tôi không thể mang theo đứa trẻ...

Thanh niên cảm cồ chạy.

oOo

Cơn mưa bắt đầu yếu ớt. Đoàn người đang bỏ xa thành phố đầy tiếng nổ và máu người. Họ không còn lội dưới ruộng lúa, đất bùn. Họ đang tiến lên con dốc trên quốc lộ. Hai bên là rừng, tiếng xào xạc của lá cây chưa làm họ quên được những tiếng nổ kinh hoàng. Tuy nhiên, ai nấy đều tạm thời yên tâm. Họ chạy chậm lại chờ nhau. Tiếng gào khóc, tiếng gọi kêu, hòa lẫn trong gió hú làm những con vật nhỏ ven rừng chạy hốt hoảng.

Thanh niên ngược mắt nhìn lên trời. Bầu trời vẫn còn mù mịt, nhưng anh chắc trời đang rạng sáng. Anh hít mạnh gió rừng vào buồng phổi nghe lòng mình hơn hờ. Anh không dừng lại. Anh ôm cô gái chạy gần đến đỉnh dốc cao, chẳng ngoái lui.

Biết đâu lưới hái của tử thần chẳng đuổi kịp anh, nó chẳng bắt anh, dừng lại, nó không cho anh qua bên kia con dốc.

Cô gái hỏi khe khẽ trong tay anh :

— Minh đến đâu rồi anh ?

— M.C.

— Ngang qua rừng hả anh ?

— Ừ, lát nữa xuống dốc ta sẽ ngừng lại nghỉ giây lát.

Tiếng đạn nổ lung bùng bây giờ nghe như thật xa. Trong trí óc mọi người khu rừng như một ngưỡng cửa thiên đàng. Chỉ có những kẻ vô cùng bất hạnh mới rơi lại khi đã đến ngưỡng cửa thiên đàng.

Thanh niên đỡ cô gái ngồi tựa vào một tảng đá. Trời đã hừng sáng rồi, mặc dù mưa còn thừa thớt. Thanh niên hỏi :

— Em thấy như thế nào ?

— (...)

— Khoẻ chứ ?

— Một con nai kià, anh.

— Hà ?

— Con nai chạy ngang qua đường.

Thanh niên nhìn theo. Con nai nhỏ, thật nhỏ, giống như loài chó chạy lùi vào bụi cây. Anh cười. Nụ cười thật tội nghiệp.

Anh nói với Nguyệt :

— Em thích nai lắm hả ?

— Dạ

— (...)

— Phải gì mình biến thành loài nai chạy nhảy trong rừng.

Thanh niên bật cười thành tiếng. Anh cũng mơ màng theo Nguyệt. Tiếc là trong câu chuyện, trên môi anh không có điều thuốc nào cho hình ảnh hai người thêm phần lãng mạn. Anh xé một cánh lá thành từng mảnh nhỏ ném vào không trung. Họ có cảm tưởng đang đưa nhau bước vào khu rừng tình tự, khu rừng không có bom đạn và chiến tranh.

oOo

Ngày đó, khi thanh niên đến ở trọ căn nhà bên cạnh Nguyệt, nàng đầu mới tóc còn chấm vai. Khuôn mặt trong sáng, tay ôm cặp sách, ngày hai buổi nàng đem đến trong lòng thanh niên một tình cảm thật dịu dàng và thật băng quơ. Nhưng cái tình cảm ấy nó không chịu đứng yên, mà một ngày nó một lớn thêm. Thanh niên bắt đầu thấy khó chịu. A h không còn đủ lòng cao thượng để giữ nàng ở lại trong khu vườn tuổi thơ. Anh muốn khuấy phá nàng. Anh lân la sang làm quen gia đình nàng.

Ông cha Nguyệt là một người nghiêm nghị. Ban đầu, bằng tất cả sự dè dặt, ông chấp nhận anh lui tới với tư cách một người dạy kèm những đứa em Nguyệt. Nhưng dần dà thứ tình yêu trong chàng giống như một loài sâu lông lá đang ngo ngoay bò dần ra trong cung cách, trong cử chỉ của chàng. Ông cha tức khắc nhận ra ngay điều đó

Ông cấm hẳn không cho chàng lui tới nữa.

Thanh niên mất đi một dịp may. Hai năm liền, anh lại càng đau đớn hơn mỗi khi gặp Nguyệt. Anh hỏi, nàng không thèm trả lời. Anh trao thư, nàng không nhận. Nàng là dòng suối tuyệt vọng, anh là con vật khù khờ đi tìm tuyệt vọng.

Đôi lúc thanh niên thấy mình thật khốn nạn khi nghĩ rằng trận chiến vừa xảy ra trong thành phố đã làm hồi sinh lại niềm hy vọng trong anh. Nếu không có cái chết của cả gia đình Nguyệt thì anh không làm gì được ôm nàng trong tay. Và vết thương kia nữa, nếu không có một mảnh đạn nào đó ghim vào, chưa chắc anh đã có dịp để nàng hiểu rõ lòng mình.

Thanh niên lo âu cho vết thương của Nguyệt. Anh không biết mảnh đạn ghim vào có sâu không. Anh bước chậm lại nói :

— Nguyệt à, vào đến nơi anh sẽ đưa em đến bệnh viện ngay. Em chịu khó nằm đó tĩnh dưỡng vài ngày rồi anh tìm phương tiện đưa em đi S.G. mới được. Ở đây không có thành phố nào yên đâu...

Đột nhiên, thanh niên ồm ừ. Đứng trước tình thế hiện tại anh sợ những lời nói bây giờ sẽ làm tăng thêm những thất vọng chua xót về sau. Anh bắt sang câu chuyện khác :

— Bà di anh tốt lắm Nguyệt ạ. Anh chắc chắn thế nào bà cũng lo cho anh được một tấm giấy hoãn dịch.

Tụi mình sẽ sống tự do. Anh sẽ đi làm. Anh sẽ dành dụm thật nhiều tiền. Sống trên đời này phải cần tiền Nguyệt ạ. Khi người ta có thật nhiều tiền, người sẽ đạt được dễ dàng những gì người ta thích. Tụi mình sẽ không cần sống ở S.G. nữa. Thành phố ấy chỉ nên là một thành phố dung thân thật ngắn hạn cho những người muốn lập nghiệp. Nguyệt nhé, tụi mình sẽ mua một căn nhà ở Đ.L.

Ở Đ.L. em biết không...

Thanh niên chưa kịp bước qua một điệp khúc khác thì trời đã sáng. Anh nghe phía trước có tiếng người reo lên :

— Gần đến nơi an toàn rồi bà con ơi !

Mặt trời lấp ló dưới những mái rạ làng quê. Nơi đây, trời tạnh hẳn. Những giọt nước mưa còn lại tụ thành những hạt tròn đậu trên các bờ cỏ. Hy vọng ứ nghẹn trong lồng ngực. Người ta phải nói ra. Người ta phải cười lên.

Thanh niên cảm thấy lòng mình nhẹ tênh. Anh tiếp tục, giọng phấn khởi :

— Ở Đ.L. em biết không, tụi mình sẽ mua một căn nhà thật xinh, căn nhà có vườn, hoa và nhiều cây cối để em trở thành con nai nhỏ. Anh sẽ ngồi hút thuốc nhìn con nai nhỏ để tập viết văn. Tác phẩm đầu tay của anh sẽ viết về em, con nai nhỏ. Con nai nhỏ trên đoạn đường gian nan.

Nguyệt à, anh tin rằng dù sao cũng có lúc chiến tranh phải chấm dứt chứ. Lẽ đâu súng đạn cứ đeo đuổi chúng ta hoài. Lẽ đâu trên quê hương này không còn một mảnh đất nào cho tình yêu trú ngụ. Chúng mình phải được bình yên. Em phải được bình yên để quên đi những đớn đau vừa chịu đựng...

Nguyệt à...

oOo

— Thoát chết rồi, bà con ơi!
Thoát chết rồi...

Không còn tiếng gào thét thất thanh nào sau một lần đạn nổ. Mặt trời lên cao. Xa xa có những chiếc trực thăng tải thương đang chờ đợi. Mọi người hôn hờ dịu nhau. Thanh

niên cúi xuống nói với Nguyệt :

— Em nhìn lên kia, trực thăng sẽ đưa em về bệnh viện đấy, em thấy chưa, Nguyệt ?

Nhưng cô gái không trả lời, mắt nàng khép lại. Môi nàng héo khô. Tay chân nàng cứng lạnh. Vết thương trên bụng đã dịu nàng rời khỏi trần gian vĩnh viễn từ bao giờ.

Thanh niên lay mạnh thân nàng, gào lên nức nở :

— Nguyệt, Nguyệt. Nguyệt ơi...

Qua làn nước mắt nhạt nhoà, anh có cảm tưởng cô gái đã biến thành con nai dịu hiền. Con nai đang vụt khỏi tay anh biến mất vào rừng sâu...

TẦN HOÀ

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE LA
CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh Cholon :	47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cánh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuột : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sađéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xđ-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xđ-số
- 4% mỗi năm : để xđ-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Thời sự thế giới

Trong tháng 6 vừa qua, ba sự-kiện đã được người ta chú ý đến nhất là cuộc hội-đàm Nixon-Pompidou ở Islande, bản Thông-cáo chung Paris về vấn-đề ngưng bắn ở Việt-Nam và cuộc hội-kiến Brejnev-Nixon ở Hoa-thịnh-đốn.

Cuộc hội-đàm thượng-đỉnh Pháp-Mỹ tại Islande

Tổng-Thống Pháp Pompidou thường có những ý kiến rất lạ lùng. Mỗi khi muốn hội kiến với một vị Quốc-trưởng nào ông hay đề nghị những nơi hội-nghị kỳ cục. Lần này ông đề-nghị gặp ông Nixon ở Reykjavick, một thủ-đô của xứ Islande lạnh lẽo ngay gần kề Bắc cực, nơi mà hiện thời mặt trời mọc cả về đêm luôn trong 6 tháng.

Tổng-Thống Nixon được hỏi tại sao ông lại tìm tới một nơi điều hiu hút gió này để hội-kiến với Tổng-Thống Pháp, ông đã nhún vai trả lời: « Ông Pompidou muốn vậy, thì tôi cũng chiều lòng ông ». Chiều lòng Pompidou, Tổng-Thống Hoa-kỳ, bị suy yếu trong nội bộ vì vụ Watergate, chỉ muốn nhằm củng cố địa vị của nước ông tại Âu-Châu.

Giờ đây chiến tranh Việt-Nam đã được giải quyết xong, hay ít nhất cũng được giải quyết về phía Mỹ, Tổng-Thống Nixon muốn trở lại một chính-sách hoạt động ở Âu-Châu hầu lấy lại quyền kiểm soát các nước đàn em bướng bỉnh ở vùng này.

Cuộc gặp gỡ ở Reykjavick do đó là

một cuộc trắc-nghiệm đề Tổng-Thống Nixon thăm dò phản-ứng các lãnh-tụ Âu-Châu. Nếu thành công, ông Nixon sẽ sang Âu-Châu vào mùa thu năm nay để gặp một loạt các nhà lãnh-đạo, đặt căn-bản cho một Hiến-chương Âu-Châu mới.

Nhưng suốt trong 2 ngày họp, ông Nixon đã phải gặp một người đối-thoại bướng bỉnh. Nhận thấy rằng các cuộc xích lại giữa Mỹ-Nga và Mỹ-Trung Cộng đã thay đổi toàn diện nền bang-giao quốc-tế, hay nói đúng hơn, giảm tới mức tối thiểu những đe dọa chiến tranh, ông Pompidou thấy không có lý do gì mà Âu-Châu phải tiếp tục núp bóng Hoa-kỳ. Nhân danh Âu-Châu, Pompidou đã nói mạnh và nói lớn, nhất là ông đang nhòm ngó cái địa vị Chủ-tịch một cộng-đồng Âu-Châu thống-nhất.

Bao nhiêu ý-kiến của Nixon đưa ra đều bị Pompidou bác hết nên sau 2 ngày hội-kiến cả tân Hiến-chương Đại Tây Dương của ông Kissinger lẫn ý định tổ-chức hội-nghị «Siêu thượng đỉnh» của ông Nixon đã tan thành mây khói.

Thông cáo chung tại Paris về vấn-đề Việt-Nam.

Ngày 27-1-1973 khi Hiệp-định ngưng bắn và tái lập hòa-bình tại Việt-nam được ký kết thì chính-phủ Hoa-kỳ đã thở phào nhẹ nhõm. Mỹ đã tạo được hòa-bình trong danh-dự. Mỹ đã thâu hồi được tù binh, còn chuyện giải quyết các vấn-đề chính-trị thì Mỹ để mặc cho hai bên miến

Nam Việt-nam muốn làm sao thì làm.

Năm tháng trôi qua, người ta thấy Hiệp-định không mang lại hòa-bình như người Mỹ mong muốn. Quân đội Bắc Việt tiếp tục xâm nhập vào miền Nam và các vụ vi phạm Hiệp-định Paris mỗi ngày một nhiều. Hơn nữa tại Kampuchea Hòa-kỳ vẫn phải trực tiếp can thiệp quân-sự. Như vậy thì hòa-bình trong danh dự chỉ được tái lập trên giấy tờ, tù binh có thu hồi hết cũng không đáng kể so với mức gia tăng chiến cuộc.

Ông Kissinger lại được phái sang Paris để hội đàm với Lê-đức-Thọ hầu cứu vãn hiệp-ước Paris.

Sau 45 giờ hội-đàm, hai ông Kissinger và Thọ đã đưa ra một bản Thông-cáo chung dung hòa các quan-điểm để cả 4 bên đều có thể ký kết.

Đây là một tài liệu dài chả kém bản thỏa-ước Paris vì Thông-cáo-chung có tới 14 điểm và 2.500 chữ tuyên-bố các phe liên-hệ sẽ hoạt động mạnh hơn để áp dụng thỏa-ước Paris.

Tuy cả 4 phe liên-hệ đều ký vào bản Thông-cáo-chung nhưng văn-kiện này cũng không tạo ra một cơ-quan nào để bảo-đảm việc thực thi thỏa-hiệp cũng như thực thi Thông-cáo. Người ta không thấy Bắc Việt hứa rút quân về Bắc, nhưng ngược lại phe Mặt trận GPMN cũng không thành công trong việc vẽ bản đồ ranh giới tạm chiếm.

Bản Thông-cáo chỉ đề cập tới Lào và Kampuchea trong có mỗi một câu

là : « Điều 20 của thỏa-ước Paris ngày 27-1 phải được triệt để tôn trọng. »

Trong khi đó chiến tranh đã chuyển từ Việt-nam sang Kampuchea. Tại đây, không quân Mỹ vẫn tiếp tục tham chiến. Vì vậy mà tuy bản Thông - cáo - chung được công bố người ta vẫn không hiểu tương lai của nền hòa-bình mới được tái lập sẽ ra sao.

Cuộc Hoa-du của Tổng Bí-thư Brejnev

Từ năm 1972 tới nay dân chúng thế giới đã trở nên quen thuộc với các cuộc công du vĩ đại của các lãnh-tụ trên thế-giới. Sau hai cuộc Hoa-du và Nga-du của ông Nixon, năm nay người ta chú trọng đặc biệt tới chuyến Mỹ du của Tổng Bí - thư Đảng Cộng-sản Nga : Leonid Brejnev.

Tuy không là Quốc-trưởng, tuy không phải là một cuộc viếng thăm chính thức, nhưng ông Brejnev đã được chính-phủ Hoa-kỳ đón tiếp hết sức nồng hậu.

Khi máy bay Illyouchine-62 sơn xanh và trắng đậu ở phi trường Andrews ở Hoa-thịnh-đốn ông Brejnev đã được ông Rogers ra đón tiếp và đưa về dinh Quốc-khách Blair House. Sau hai buổi dạ yến, một tại Tòa Bạch-ốc và một tại Tòa Đại-sứ Nga, hai vị lãnh-tụ Nga-Mỹ đã hội-kiến liên miên và cũng rủ nhau tới tận Tòa Bạch-ốc miền Tây ở San Clemente hội-đàm thêm.

Cuộc viếng thăm của Brejnev, đang ở vào tột đỉnh quyền uy, đã có tác

dụng củng cố một Nixon bị suy yếu sau vụ Watergate. Ông Nixon đã cố gắng khai thác cuộc viếng thăm của ông Brejnev để củng cố địa vị của mình.

Ông Brejnev đã mang theo 50 chuyên viên thuộc các ngành Canh nông, Ngoại thương, Kinh tế v...v... và cả 75 nhà báo Nga để làm phóng sự cuộc Mỹ du của ông.

Trong các cuộc hội đàm này, hai vị lãnh-tu đã đề cập tới vấn-đề Việt-nam. Mỹ hy vọng Nga sẽ gây áp lực để phe Cộng-sản có một thái độ hòa hoãn hơn.

Về vấn-đề Trung-Đông hai bên

tuy không cùng quan điểm nhưng không khí các phiên họp đã cho phép người ta hy vọng rằng hai ông Brejnev và Nixon có thể đi tới một thỏa-hiệp ngầm nào đó.

Nhưng quan hệ nhất là vấn-đề giao-thương Nga-Mỹ. Nga muốn Mỹ mua thêm các sản phẩm Nga để cho nước này có thể củng cố được các cơ-sở sản-xuất. Nga còn muốn Mỹ cho vay tiền để tạo thêm một hạ tầng cơ-sở kỹ-nghệ vững chắc. Vì vậy báo chí đã gọi cuộc du-hành Hoa-kỳ của Brejnev là một « nền ngoại-giao kiếm đô-la. »

TỪ MINH

Nhà xuất bản **SÔNG KIÊN** trân trọng giới thiệu :

* **THÁNG NGÀY MỖI MỆT**

Tuyển tập truyện dài 3 tác giả : Vũ Bằng — Kim Thu — Từ Tắc

* **NHỮNG TRẬN ĐÁNH LỊCH SỬ CỦA HITLER**
đang in lần thứ hai

Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên dịch.

* **HITLER NGƯỜI PHÁT ĐỘNG**
THỂ CHIẾN THỨ HAI

sắp phát hành trong tháng 6-1973.

Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên dịch.

* **HITLER VÀ NHỮNG SỰ MẠNG**
BÍ MẬT CỦA SKORZENY

sẽ phát hành trong tháng 6-1973.

Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên dịch.

* **HITLER VÀ LÒ THIÊU SỐNG DO THÁI**
ẽs phát hành trong tháng 7-1973

Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên dịch.

NGUYỄN NHIỀU — 10 Phạm ngũ Lão — Tổng Phát Hành

AN TIÊM tái bản

MƯA NGUỒN

và

LÁ HOA CỒN

(thơ Bùi Giáng)

có thêm phần MƯA NGUỒN HÒA ÂM

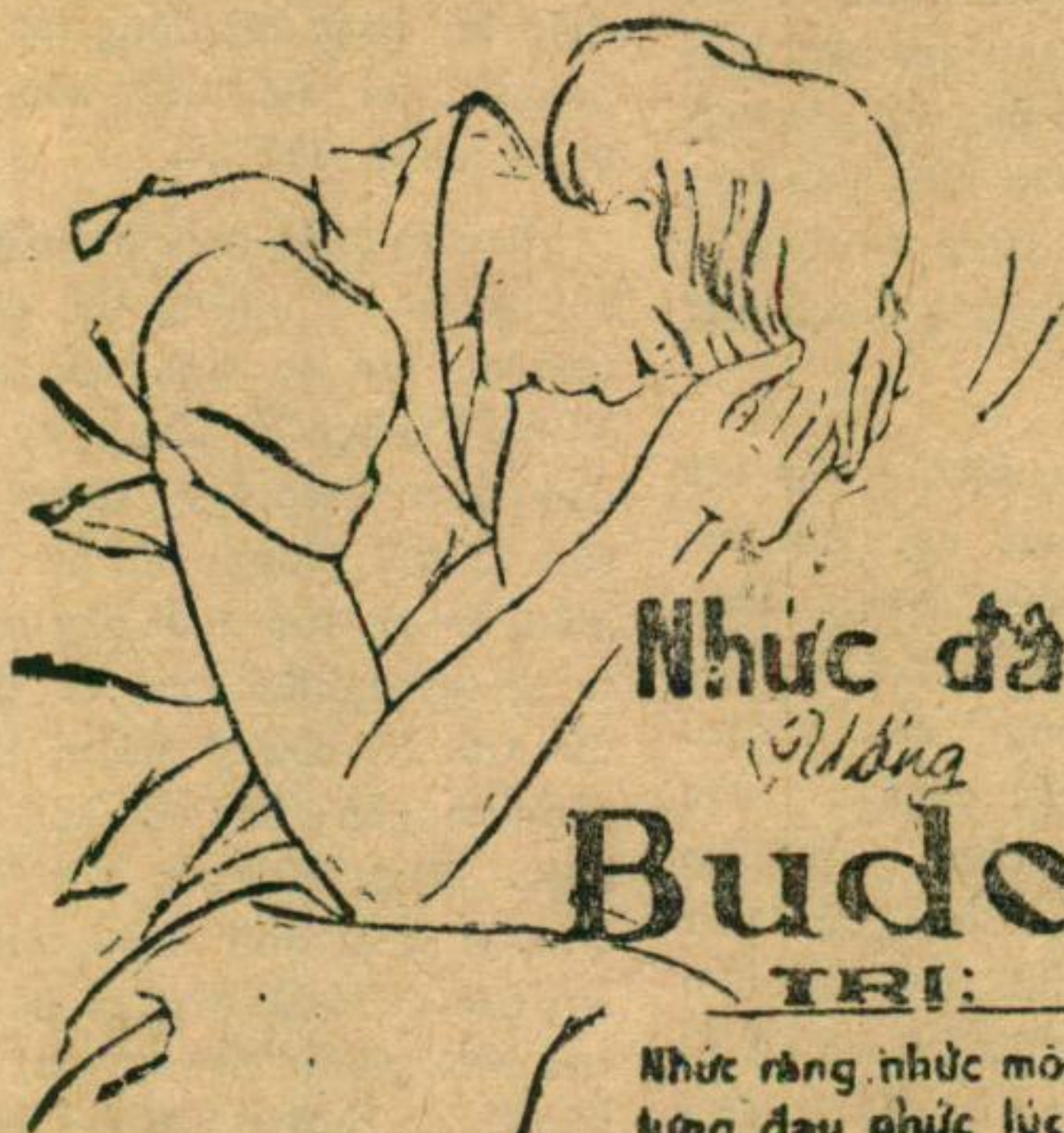
sẽ tái bản

NGÀN HOA RỚT HỘT

MÀU HOA TRÊN NGÀN

sẽ in thi phàm mới

CỔ THÁNG BA



Nhức đầu

Không

Budon

TRI:

Nhức răng nhức môi đau
lưng đau nhức lúc có
Kính Kì



121 / 011 / 1969

THỜI SỰ KHOA HỌC

Người già...

Câu tục ngữ "càng già, càng dẻo, càng dai", hoặc "ông già gân" càng ngày càng trở nên gần sự thật.

Ít ra thì cũng đúng đối với xã hội của nước Mỹ. Trong một cuốn sách viết về "Tình dục học" nổi tiếng của hai tác giả Masters và Johnson họ có cho biết rằng khả năng tình dục của con người có thể tồn tại tới tuổi bát tuần hoặc hơn nữa. Những khía cạnh mới về tâm lý của những người lớn tuổi được nhận thấy rõ ràng trong những Trung-tâm dưỡng-lão, nơi các người già được dịp sống gần gũi với nhau. Giống như những người còn trẻ tuổi, các bậc "bồ lão" này cũng hẹn hò và âu yếm nhau ra rít. Những người đi ngang qua các khu này vẫn thường bắt gặp vài cặp tình già ngồi ôm nhau hôn mùi mẫn trên các băng đá trong công viên, hoặc âu yếm dắt tay nhau dung dăng dung dẻ trên hè phố.

Những cảnh này nhiều phần sẽ bị đám con cháu của họ nhìn với những con mắt thiếu thiện cảm. Nhưng sự thiếu thiện cảm này cũng quả là thiếu thông cảm. Theo các nhà tâm lý học chuyên môn chú trọng về tâm lý lớp người già, thì khi có tuổi người ta tự cảm thấy tách rời khỏi đời sống tâm lý của con cháu và tìm lại sự an ủi ở những người cùng lứa tuổi. Hơn nữa, khả năng tình dục đâu đã chết theo tuổi tác. Nó vẫn còn đó nhưng chỉ bị đè nén đi thôi; khi gặp cơ

hội thuận tiện nó vẫn vươn dậy như thường. Quả thật lại chỉ khi nào đám con cháu trở nên già nua như cha mẹ chúng thì chúng mới thông cảm được với những tình già này.

và trẻ sơ sinh

Trong những ngày đầu tiên của cuộc sống, sau khi cất tiếng khóc chào đời, những trẻ sơ sinh này thật là khó xác định ngay được đứa nào sau này sẽ trở nên thông minh và đứa nào thì thành ngu độn. Ở tuổi đó hoạt động trí não của đứa bé thật hiếm hoi. Đứa bé chỉ biết bú và khóc, ngoài ra không còn một hoạt động nào khác có thể giúp ta phán đoán được khả năng của trí óc đứa bé. Các nhà chuyên môn bèn chop lấy ngay cái động tác bú sữa của đứa bé để thử xác định trí thông minh của nó.

Phương pháp mới mẻ này thật ra bắt nguồn từ những thí nghiệm về tính nết trẻ sơ sinh của nhà tâm-lý-học Reuben E. Kron từ hơn 10 năm nay. Theo ông, động tác núc sữa là một trong những khả năng hiếm hoi ở lứa tuổi này mà người ta có thể nghiên cứu về tính hạnh đứa trẻ. Nó còn có giá trị hơn là các phản-xạ gân hay những phản-xạ khác. Động tác núc sữa được ghi lại trên giấy như kiểu tâm-điện-đồ hay não-điện-đồ, gồm có số nhịp núc sữa mỗi phút, cường độ của sức núc và số lượng sữa mà đứa trẻ đã bú được. Số thống-kê thu lượm được cho thấy các đứa bé bình thường đều có nhịp núc sữa đều

đạn. Ở những đứa trẻ mà sau này có những sự chậm phát triển về trí não thường có những nhịp nức sữa chậm và không đều chứng tỏ những taurơng tồn trong hệ thần-kinh.

Tuy người ta chưa biết chắc chắn giá trị của phương-pháp này, nhưng dù sao nó cũng là một phương-pháp giản dị giúp chúng ta xét đoán một đứa bé mới ra đời.

Tố cáo

Nhà bác-học James Watson, một nhà di truyền học danh tiếng, cha đẻ của phân tử DNA đã đưa ra một lời tố cáo đáng sợ về một chương-trình thí-nghiệm của những nhà bác-học Anh.

Đó là những cuộc thí nghiệm mà lần đầu tiên khi được nói tới, cách đây trên 10 năm đã bị Giáo-hội Công-giáo cũng như các nhà đạo đức trên thế giới chống đối mãnh liệt. Đó là việc nuôi các bào thai trong những ống thí nghiệm (1). Qua những bước khó khăn đầu tiên, khoa học cho thấy là nó thừa khả năng để nuôi một bào thai cho tới lớn mà không cần tới bà

mẹ. Những kẻ có ý kiến này quan niệm rằng bào thai nuôi trong ống nghiệm sẽ an toàn hơn vì người ta có thể kiểm soát sự tăng trưởng của nó một cách dễ dàng. Những bào thai bình tật, yếu đuối do đó sẽ bị giết chết ngay từ trong trứng nước. Tiến xa hơn một bước nữa, việc nuôi bào thai trong ống nghiệm sẽ lựa chọn những giống tốt lấy từ các bậc «siêu nhân» để sản xuất hàng loạt những đứa bé phi-thường. Nhân loại lúc đó sẽ đồng nhất hoàn toàn là một giống người siêu-việt.

Lời tố-cáo của nhà bác-học Watson xem ra không phải là một chuyện khoa-học giả tưởng. Các nhà bác-học Anh đang nỗ lực xúc tiến nó và một khi một thí nghiệm thành công thật khó mà ngăn chặn nó bành trướng thành một phong trào sản xuất hàng loạt được. Người ta có vẻ như đang đùa với một trái bom có thể giết chết mình.

TỬ DIỆP

(1) L.T.S. «Nuôi thai trong ống» của Võ Quang Yến : Bách Khoa số 101 (15-3-1961)

MUA SÁCH THEO ĐƯỜNG BU'U ĐIỆN

Các bạn bất cứ ở địa chỉ nào, trong và ngoài nước, cần mua một hay nhiều cuốn sách, chúng tôi sẽ gửi sách đến tận tay bạn, chắc chắn, nhanh chóng, giá nhẹ.

Đủ loại sách cần thiết cho bạn, được hướng dẫn lựa sách, có tập thư mục ghi đầy đủ mọi thứ sách.

Xin liên lạc gửi thư về tham khảo (kèm 20 đồng tem) :

BAN THƯ PHẨM TÂN HÀM THỤ

23, Nguyễn Văn Giai, Đakao, Saigon 1 — Điện thoại : 95.753

TIN MỪNG

Được hồng thiếp báo tin Ông Bà ĐOÀN THÊM, 107 Cư xá Cách Mạng, Gia Định sẽ làm lễ thành hôn cho Thử Nam là Cậu **ĐOÀN KIẾN HOÀNG** cùng Cô **VŨ BÍCH HẠNH**

và hôn lễ sẽ cử hành tại Nguyễn-Đường Regina Mundi, Couvent des Oiseaux, ngày 15-7-1973.

Xin trân trọng mừng Ông Bà Đoàn Thêm và chúc chú rể cô dâu trăm năm hạnh phúc.

Ông Bà LÊ NGỘ CHÂU

TIN MỪNG

Được thiếp báo tin :

Nhà văn BÙI KIM ĐÌNH cùng Cô NGUYỄN NGỌC ĐÌNH sẽ làm lễ thành hôn ngày 1-7-1973 tại Saigon.

Xin chân thành chúc chú rể và cô dâu trăm năm hạnh phúc.

LÊ NGỘ CHÂU, VÕ PHIẾN, NGUYỄN HUY NHÂN và các văn hữu cộng tác với Bách Khoa.

TIN VUI

Được hồng thiếp báo tin ngày 19-6-1973 (nhằm 19-5 Âm lịch Quý Sửu) vừa qua chị :

BÙI-THỊ MÙI

đẹp duyên cùng anh :

LÂM-SÁU

Hôn lễ cử hành tại Sài Gòn

Thân tình chúc ANH-CHỊ ngàn năm tin yêu hạnh phúc.

Ban Giáo-sư Trường T.H.T.H Nguyễn-Trung-Trực (Rạch-giá)
SỬ — LIÊN — HUỆ — BÌNH — THÁI — HUÔN.

Cuốn sách đánh dấu sự khởi đầu thời đại mới. Cuốn sách nông cốt cần đọc để hiểu nền triết học mới :

PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Nguyên tác của DESCARTES

TRẦN THÁI ĐÌNH dịch, nhập đề và chú giải đầy đủ

Đã có bán tại các hiệu sách trên toàn quốc

Sách mới

— Thi ca và Giai thoại miền Ấn-Trà của Phạm Trung Việt do Cẩm Thành thư xã xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm thứ 6 của tác giả dày 200 trang gồm 2 phần: Thi ca và giai thoại cách mạng của các nhân vật Quảng Ngãi, Giá 300đ.

— Tôi đọc thơ Phan Chu Trinh, Hồ Biểu Chánh, Đái Đức Tuấn, Đinh Hùng, Đông Hồ, Huỳnh Thiên Kim, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Sa, Thanh Tâm Tuyền, Thế Viên của Phạm Việt Tuyền do Phong trào Văn Hóa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 416 trang gồm những bài báo hoặc bài nói chuyện của tác giả tại Trung tâm Văn bút V.N. Phụ lục: "50 năm văn học thế giới" và "Người cầm bút tại VNCH từ 1954 tới 1972". Giá 500đ.

— Chúng ta qua cách viết Tùy bút của Võ Phiến do Giao Điểm xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày trên 230 trang gồm trên 30 bài tùy bút văn nghệ chia làm 3 phần. Giá 360đ.

— Hoan ca (Songs of Joy) của Phạm Duy, do tác giả tự xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 60 trang gồm 10 bài Bình ca, 4 bài Nữ ca, và 2 bài Đồng dao, Nhạc và Lời của Phạm Duy, bản dịch ra Anh ngữ của Nguyễn Ngọc Bích. Bìa của Đinh Tiến Luyện, trình bày đẹp. Bản đặc biệt.

— Kinh Dịch toàn bộ của Ngô Tất Tố do nhà sách Khai Trí xuất bản và gửi tặng. Bộ sách rất quý được in lại trọn vẹn dày 766 trang khổ 16×24 gồm phần đầu: Tựa của Trình Di, Đồ thuyết của Chu Hy, Thứ tự 8 quẻ, 8 quái, 60 quẻ... của Phục Hi, của

Văn Vương vv... Phần Chu dịch Thượng kinh: 30 quẻ. Phần Chu dịch Hạ kinh: 34 quẻ. Giá 1500đ.

— Năm năm dòng sông thơ tập thơ thứ 2 của Trần Huyền Ân, do Đồng Dao xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 96 trang gồm 30 bài thơ mới nhất của tác giả, trình bày trang nhã, bìa và phụ bản do Nguyễn Trung và Lê Vĩnh Ngọc. Bản đặc biệt: Giang Xuân Thủy Tiếp.

— Những cánh chim bay tập thơ của Phan Viên Hoài do Hướng Dương xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 80 trang gồm 26 bài thơ, trình bày trang nhã.

— Trên mười tám tuổi tập thơ của Nguyễn Yên Nam do Mây Đình Cao xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 16 trang gồm 17 bài thơ.

— Tập thơ giai phẩm văn hóa xã hội, Chủ đề: "Nhận thức trong văn chương" dày 44 trang, do Việt Chung Tử, 112 Nguyễn Huệ, Vĩnh Long, chủ trương, gồm những bài của Nguyễn Tử Quang, Xuân Lão, Mặc Khải, Mỹ Linh, Hàn Phủ vv... Giá 60đ.

— Gốc cây, cục đá, và ngôi sao của Sơn Nam do Vốn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 96 trang «bàn về thói chơi kiếng» với một cách viết rất vui và lôi cuốn người đọc. Bình Nguyên Lộc đề tựa, có phụ lục 16 trang Từ Điển Việt Nam do Vũ Bằng chủ biên. Giá 150đ.

— Dòng Cờ Nguyệt tuyến tập thi văn của Đông Hồ do Ban Truy điệu cổ Thi sĩ Đông Hồ 1973 sưu tập, Xuất bản Bốn Phương ấn hành và gửi tặng. Sách này 126 trang gồm 45 bài thơ, bài báo, tạp luận, hồi ký vv... Bản đặc biệt.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Đau cho ba bà

Chính phủ Bồ-đào-nha đưa ra tòa một lượt ba bà Maria : tức Maria Isabel Barreno, Maria Teresa Horta, và Maria Velho da Costa. Cả ba cùng là nữ sĩ, cùng viết chung một tác phẩm, *Novas Cartas Portuguesas*. Về giá trị nghệ thuật, có người cho là tuyệt phẩm của văn chương hiện đại nước Bồ. Về nội dung, đó là một bức tả oán về thân phận nữ lưu dưới chế độ độc tài. Về nhân cách tác giả, ba bà Maria cùng có gia đình, con cái sum vầy, cùng được dư luận mô tả như những bà mẹ khả kính.

Vậy tại sao ba bà Maria phải ra tòa ? — Nhà nước bảo : Viết sách khiêu dâm !

Đồn này còn đau hơn cái đồn của chính quyền Nga-sô : là gán cho những nhà văn chống đối căn bệnh thần kinh.

Thưa ông, ông được tích sự gì ?

Raymond Aron, tác giả cuốn *L'opium des Intellectuels*, vừa cho xuất bản một tác phẩm về nước Mỹ : cuốn *République Impériale*.

Nhà báo tìm đến hỏi ông : « Ông viết về lịch sử, về triết lý, về chính trị, về xã hội học, về kinh tế học. Chuyện gì ông cũng không chừa. Ông nhận xét về ông như thế nào ? Cái ông Raymond Aron ấy, theo ông thì có được việc gì chăng ? »

Vị học giả lão thành đáp đại khái :

— Cũng có được tí việc. Giới trí

thức ngày nay tiêm nhiễm lý thuyết mác-xít đến 80%. Nhờ có tôi mà những kẻ chưa mác-xít-hóa có thể bảo : « Ít ra trên đời cũng có một nhà trí thức không ai dám cho là ngốc, một nhà trí thức hiểu về Mác chắc chắn là nhiều hơn phần đông những kẻ mác-xít, mà vẫn không theo Mác. »

Một bản mục-lục cho báo Việt-nam

Trung-tâm học-liệu của bộ Giáo-dục nước ta có in một cuốn « *Mục lục phân tích Nam phong tạp chí* ». Sau đó, không có một tạp chí nào khác được phân tích, không có một tổ chức văn hóa nào khác của chính phủ hay tư nhân tiếp tục in mục lục các tạp chí.

Tạp chí, riêng ở nước ta, là gốc của nền văn chương hiện đại. Ông Huỳnh văn Tông đã nêu ra vai trò đặc biệt quan trọng của tạp chí trong việc nghiên cứu về văn học hiện đại ở ta. Nhưng ông Huỳnh, đề soạn luận án tiến sĩ về báo chí Việt Nam, đã bới tìm tài liệu ở các thư viện bên Pháp. Còn nhà văn Sơn Nam, gặp được bộ sưu tập « *Lục tỉnh Tân văn* » ở nhà cụ Vương Hồng Sển, liền mừng khúm, đem trích đăng bộn bề trong cuốn « *Thiên địa hội và cuộc Minh tân*. »

Tóm lại, báo chí nước ta, tuy chỉ có trăm năm lịch sử, đã thất lạc rất nhiều, mà chưa có ai dự định làm một thứ mục lục phân tích cho đầy đủ đề người sau được nhờ.

Bên Pháp vừa rồi có hai tư nhân

tự nguyện làm một việc lớn lao : là soạn mục lục phê bình và phân tích tất cả tạp chí và nhật báo văn nghệ của thế kỷ XIX và XX.

Một người, André Vasseur, vẫn ham sưu tập báo chí, đã góp được trên 700 bộ tạp chí đầy đủ. Một người nữa, Jean Michel Place, là nhà xuất bản chỉ mới vừa 27 tuổi !

Độc quyền

Ở xứ ta, gần đây phong trào cho thuê sách phát triển rộng rãi, làm cho một số nhà xuất bản và nhà văn nghệ lấy làm sốt ruột : Thuê sách cũng như thuê báo, đều là «phổ biến văn hóa» cả, nhưng là cách phổ biến làm thiệt thời giới văn hóa mà làm lợi cho một giới trung gian.

Dẫu sao, giới làm văn hóa ở xứ ta cũng chỉ sốt ruột vậy thôi, chứ không làm gì hơn. Trong khi ấy thì ở bên Pháp sách chỉ cho mượn (chứ không cần cho thuê) các văn sĩ cũng đòi phải trả tiền cho họ mới được. Họ bảo rằng có cái quyền đòi như thế.

— Quyền gì ?

— Độc quyền (droit de lecture). Đó là một quyền lợi mới toanh, con nhà văn hành nghề vào thời buổi này rất nên tìm hiểu.

Tác quyền (droit d'auteur) là chuyện ai cũng biết : viết ra sách, bán cho nhà xuất bản để lấy tiền, nhưng đừng tưởng vậy là xong nhé. Sách in ra, kẻ nào mua về để đọc thì không nói làm gì, chứ mua về cho hàng

trăm hàng nghìn người đọc thì phải đếm đầu độc giả để trả tiền thêm cho người viết chứ.

Giới cầm bút ở Pháp đã nêu vấn đề ấy ra khi nghĩ đến chuyện cho mượn sách ở các thư viện công cộng. «Hiệp hội các nhà văn» (Société des gens de lettres) đã gửi văn thư chính thức cho Bộ-trưởng Văn-hóa nước Pháp, yêu cầu chính phủ (Chủ các thư viện) phải trả món «độc quyền» cho người cầm bút.

Kề ra các nhà văn Pháp hành động như thế cũng không phải là giới nhà văn tiên phong trong cuộc tranh đấu mới mẻ này. Các văn sĩ Tây-Đức và Thụy-điển nghe đâu đã được nhà nước tính toán cho tí chút «độc quyền».

Nhưng ở Pháp vấn đề vừa được văn giới nêu ra thì liền bị giới quản thủ thư viện «chê» ngay ? Bên Đức, bên Anh v.v..., dân chúng đọc sách nhiều, còn ở Pháp dân hãy còn xa sách, vì vậy nếu chính phủ có tiền của dồi dào hãy lo lập thêm thư viện cho nhiều, chứ vội gì trả «độc quyền» ?

Cứ cái điệu này thì văn giới Việt nam còn lâu mới nêu được chuyện «độc quyền» mà khỏi ngượng miệng.

TRẦN THÉN

Giaj phẩm Li phe

Từ lâu tôi vẫn thích xem những tờ báo hình ảnh như Post, Life, Paris Match. Ảnh người nhà tôi mỗi lần ra nhà sách Xuân-Thu về đưa cho

tôi báo, kèm theo một câu : « Tuần này chưa có báo Li-phe (Life) ». Đó là tờ báo tôi thích nhất trong ba tờ kể trên.

Lần lượt tờ Post tự đình bản sau mấy chục năm có mặt vì không cạnh tranh nổi với xi-nê, vô tuyến truyền hình và thiếu khách hàng, quảng cáo. Rồi tới lượt tờ Life cũng đình bản vì lỗ quá nhiều. Chỉ còn tờ Paris Match còn sống nhưng đòi khuôn khổ làm tôi mất cảm tình và giá cũng cao quá nên tôi không đọc nữa.

Vừa rồi ý chừng thêm nghề báo quá, bộ biên tập báo Life cho xuất bản một số Life đặc biệt, «giai phẩm» lấy tên là «The Spirit of Israël», nhân ngày Do-thái kỷ niệm 25 năm lập quốc. Giai phẩm Life vẫn giữ khuôn khổ cũ, dày 92 trang, với trên 140 hình mẫu, chưa kể bài vở. Sau gần 5 tháng đình bản, tạp chí Life vẫn dễ dàng tập hợp đủ các cộng sự viên cũ để thực hiện giai phẩm về Do-thái. Giai phẩm này đặc biệt không đăng quảng cáo, mặt: đầu báo Mỹ biết sự quan trọng của quảng cáo hơn ai hết vì chính thiếu quảng cáo mà tuần báo Post đã phải vĩnh biệt độc giả. Giai phẩm Life bán với giá 1,50 Mỹ-kim, gần 1.000 \$ Việt Nam, nhưng bộ biên tập vẫn hy vọng được sự ủng hộ của độc giả và hy vọng từ nay thỉnh thoảng lại lại rai ra một «giai phẩm» chơi...

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Hoan ca

Nhạc sĩ Phạm Duy có đạo bị bệnh chân phải nằm bẹp một chỗ... Hiếu động như anh mà bị khóa chân như vậy tưởng là phải bi quan lắm. Ai ngờ lúc lành bệnh, sút đi 4 ký, anh lại hoàn thành một tập nhạc rất lạc quan lấy tên là «Hoan ca».

Theo Phạm Duy thì người ta làm nhạc buồn, nhạc khổ nhiều quá rồi, đã đến lúc phải có những bản nhạc vui tươi thổi một luồng sinh khí mới vào tâm hồn mọi người trong giai đoạn này, nhất là tâm hồn các người trẻ, các em nhỏ của tuổi thơ tuổi ngọc... Do đó mà tập «Hoan ca» đã ra đời và do chính Phạm Duy coi sóc việc xuất bản, in toàn tập bằng phương pháp offset, với tranh bìa nhiều màu thật đẹp của Đinh Tiến Luyện. Hoan ca gồm 10 bài «Bình ca» mang những tên như : Bình ca, Sống sót trở về, Đường như là hòa bình, Xin tình yêu giáng sinh, Xuân hiền, Ru mẹ v.v... mà nét nhạc thật thích hợp với các bạn trẻ nên đã được hưởng ứng nồng nhiệt ngay từ trên nửa năm nay, mỗi khi một bài được sáng tác xong và phổ biến trên đài truyền thanh hoặc truyền hình. 4 bài «Nữ ca» là Tuổi mộng mơ, Tuổi ngọc, Tuổi hồng, Tuổi thần tiên, cũng rất được các em ưa thích và thuộc liền. Đặc biệt là Phạm Duy phổ nhạc vào các bài Đồng dao cổ truyền, trở về nguồn với các bài : «Chú bé bắt được con công, đem về hiến ông, ông cho con gà v.v...» hay «Ông trăng xuống chơi cây cau, thì cau

cho mo..., học trò cho bút,... ông bút cho chùa v.v... ».

Phạm Duy dự định, nếu thuận tiện, anh sẽ cùng ban nhạc gia đình trở lại với nếp sống du ca, đi hát những bản hoan ca trên đây tại các trường học ở thủ đô và các tỉnh trên toàn quốc. Đầu bạc trắng, mặt gầy đi, nhưng mắt sáng lên khi anh nói tới viễn tượng của những chuyến đi reo rắc niềm vui hồn nhiên và tươi trẻ này.

Những sách dịch của Léon Uris

Hơn 10 năm về trước đây, ông Nguyễn Hiến Lê, trong một loạt bài viết về quốc gia Israel (1) có nhắc đến vụ Exodus mà ông cho là «chính phủ Anh thua 302 trẻ em Do-thái» và giới thiệu cuốn sách «Exodus» của Léon Uris, một tác phẩm đã làm chấn động dư luận thế giới và bán chạy nhất thời đó (Bách-Khoa số 123 ngày 15-2-1962). Cuốn Exodus ngày nay mới có bản dịch ra Việt ngữ mang tên là : « Về miền đất hứa » (Exodus) và một buổi tiếp tân đã được nhà xuất bản Thanh Bình tổ chức vào chiều ngày 16-6-73 tại Saigon để giới thiệu cuốn sách cùng một số các anh em cầm bút. Cuốn sách in đẹp, dày đến 776 trang, do Thế Uyên dịch xong từ tháng 5-1970, giá bán 1.100 đồng. Theo dịch giả cho biết thì thoát đầu nhà Lá Bối nhận xuất bản ; sau vì cuốn sách quá dày và nhà Lá Bối lúc đó kẹt tiền không in ngay được, do đó bản thảo lại được trao

cho thầy Thanh Văn. Giám đốc Trường Thanh niên Phụng sự Xã hội, vì Thầy ngỏ ý đặc biệt muốn xuất bản cuốn truyện này. Rồi bất ngờ Thầy Thanh Văn tử nạn xe hơi, anh Thế Uyên đã tưởng là bản thảo bị mất hẳn và anh không hy vọng gì ngòai dịch lại được cuốn sách dày như vậy. Tình cờ anh lại tìm thấy một bản ở nhà in mà Thầy Thanh Văn trước đây định nhờ sắp chữ. Bởi vậy mới có cuốn sách ra mắt độc giả ngày nay. Và tập bản thảo cũng điều linh chẳng kém các nhân vật trên chiếc tàu Exodus.

Hai dịch phẩm khác của Léon Uris cũng sẽ ra mắt bạn đọc trong năm nay. Đó là *Armageddon* (2) và *Q.B. 7* (2). «Armageddon» là địa danh nơi xảy ra trận chiến cuối cùng giữa Thiện và Ác trong Tân Ước kinh, nhưng Armageddon đây là Bá-ling năm 1945, sau ngày đồng minh thắng trận và năm 1948 khi khởi đầu chiến tranh lạnh giữa 2 khối với những ngày đen tối của cầu không vận không lồ. Giữa bối cảnh lịch sử đó, giữa sự đối đầu của Mỹ và Nga, của 2 thế giới tư bản và Cộng sản trong trận chiến Armageddon của thời đại mới, tình yêu huyền nhiệm đã xóa bỏ được hận thù trong lòng 1 sĩ quan Mỹ và 1 sĩ quan Nga

(1) «Một bi kịch trên ngàn năm chưa dứt» của Nguyễn Hiến Lê BK từ số 121 đến 124 (tháng 1, 2, 3-1962)

(2) Bản dịch của Vũ Minh Thiệu, do Tự Đăng xuất bản.

đã ôm ấp mỗi người một mỗi thù hận sâu xa.

« Q.B.7 » là phòng xử số 7 của « Queen's Bench », Pháp đình của Luân-đôn, trong đó đã diễn một vụ án sôi nổi. Adam Kelno, một y-sĩ Ba-lan, bị đày ở trại giam Jadwiga và sau chiến tranh, cư trú ở Anh. Ông thấy trong một cuốn thuyết của nhà văn Abe Cady có tả một bác sĩ ở trại giam Jadwiga đã thực hiện nhiều cuộc giải phẫu, tàn sát người Do thái, như có vẽ ám chỉ đến ông. Ông bèn kiện Abe Cady và vụ xử án sôi động đã diễn ra tại « Q. B. 7 ».

Những cuốn tiểu thuyết trên đây đều là những sách đã bán rất chạy trên thế giới. Chúng ta rất mong những dịch phẩm đó chóng được ra mắt bạn đọc.

Không phải là tự tuyện

Chị Doãn Dân có yêu cầu Bách Khoa phổ biến bản sao một lá thư mà chị đã gửi cho ông Chủ nhiệm Giai phẩm Văn đề thanh minh về một điểm, trong số giai phẩm Văn tưởng niệm nhà văn Doãn Dân, mà chị sợ có thể gây ngộ nhận. Trong thư chị cho biết được anh Viên Linh tặng cho số báo Văn tưởng niệm nói trên, chị rất xúc động. Chị cảm ơn ông Chủ nhiệm Văn cùng các văn hữu và đặc biệt anh Châu Hải Kỳ đã phê bình 2 tác phẩm của anh Doãn Dân : *Chỗ của Huệ* và *Tiếng gọi thầm*. Nhưng để tránh ngộ nhận, chị xin mình xác rằng : « *Chỗ của Huệ* do chồng tôi sáng tác, một phần được quan sát ở ngoài đời và hoàn toàn

do sự tưởng tượng thêm của tác giả chứ không phải truyện « tự thuật »

Sau cùng chị ân hận là có nhiều nhà văn quen biết anh Doãn Dân rất nhiều (như : Nhật Tiến, Nguyễn Đình Toàn, Vũ Hạnh, Võ Phiến, Trần Hoài Thư, Lữ Quỳnh, Nguyễn Kim Phụng, Trần Huyền Ân, Phan Việt Thủy v.v...) mà tiếc rằng chưa có dịp viết về Doãn Dân.

THU THỦY

Năm năm dòng sông thơ

Đêm 9 tháng 5-1973 tại Tuy Hòa nhà thơ Trần Huyền Ân đã cho phát hành tập thơ thứ hai của anh : *Tập Năm năm dòng sông thơ*. Đó là một tập thơ kết tụ những sáng tác liên tục của anh từ năm 67 đến năm 72. Tập thơ đầu tiên, tập *Thuyền giấy*, do tạp chí Bách Khoa ấn hành vào giữa năm 67. Từ năm 67, anh đều đặn đăng thơ trên nhiều tạp chí, dòng thơ anh vẫn đều hòa và hồn nhiên chảy. *Tập Năm năm dòng sông thơ* biểu lộ rõ ràng hơn hồn thơ của anh từ trước tới nay. Tác phẩm này do nhà xuất bản Đồng Dao ấn hành, dày hơn 100 trang, trên 30 bài thơ. Sách in hai bìa, trình bày đẹp, in hoàn toàn trên giấy tốt, phụ bản của Lê Vĩnh Ngọc. Đêm giới thiệu tập thơ trên có đông đủ những văn hữu và thân hữu tại Tuy Hòa : Nhã Nam, Khánh Linh, Nguyễn Công Hoan, Trần Thịnh, Mang Viên Long, Phạm Ngọc Lư, Lê Công Minh, Đàm Khánh Hạ, Phạm Cao Hoàng, Phan Long Cồn ...

HOÀNG NHÃ ghi

Sách mới

— **Tiếng hát sông Hương** của Ung Bình Thúc Gia Thị do Tôn nữ Hỷ Khương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 80 trang gồm 2 phần; Phần I: Tiểu sử tác giả (của Phù giang Phan Thế Roanh) Phần II: Những câu hát mái nhì và hò khoan giã gạo, Sách trình bày đẹp, có hình của cổ Thi sĩ đất Thần kinh, ấn hành nhân dịp lễ Háy nhật năm thứ 11 (19-2-72). của Cụ. Bản đặc biệt.

— **Con chó hào hùng**, truyện của Vũ Hạnh và Lương Ngọc, do Lạc Việt xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 216 trang, in đẹp. Bản đặc biệt. Giá 250đ.

— **Người hùng**, những truyện ngắn giữa thời tao loạn của Lê Hương do Xuất bản Quỳnh Lâm ấn hành và tác giả gửi tặng Sách dày 252 trang gồm 23 truyện. Giá 300đ.

— **Tôi và em**, truyện dài của Hoàng Ngọc Tuấn do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách này 210 trang bìa của Đình Cường; Giá 300đ.

— **Tình nghệ sĩ**, nguyên tác: «Love of seven dolls» của Paul Gallico. Bản dịch của Hoàng Ưng, Nhị Khê xuất bản

và gửi tặng. Sách dày 153 trang, bìa của Nguyễn Quỳnh — Bản đặc biệt.

— **Cô gái bắt kuất tập truyện ngắn**, nguyên tác của Somerset-Maugham, Võ Đình Cường chọn và dịch, Minh Đức xuất bản dịch giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 280 trang gồm 6 truyện ngắn. Giá 440đ.

— **Về miền đất hứa (Exodus)**, nguyên tác của Léon Uris, bản dịch của Thế Uyên, do Thanh Bình xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Tác phẩm danh tiếng của tác giả, đã được phiên dịch dày 776 trang, trình bày đẹp. Bản đặc biệt. Giá 1100đ.

— **Giáo dục tính phái của Võ Quang Yến** do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 134 trang, gồm 4 chương: Tổ chức thai nghén, Tính chất di truyền, Phương pháp sanh đẻ, Điều hòa sanh sản với rất nhiều hình vẽ đẹp và rõ ràng cùng 20 chú thích quan trọng. Giá 240đ.

— **Tịnh Khâu**, tập thơ của Nguyễn Đức Sơn do An Tiêm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 70 trang, in đẹp gồm mấy chục bài thơ rất đặc biệt của tác giả. Bản đặc biệt. Giá 400đ.

PHÂN ƯU

Được tin Bà **NGUYỄN XUÂN KHƯƠNG** đã từ trần tại Ba-lê, và linh cữu được đưa về an táng tại Saigon ngày 3-7-73.

Xin trân trọng chia buồn cùng Ông Nguyễn Xuân Khương và tang quyến. Xin cầu nguyện hương hồn người quá cố sớm tiêu điều miền cực lạc.

NGUYỄN THÁI BÌNH, LÊ NGỘ CHÂU, NGUYỄN THỊ TUYẾT

MỤC LỤC THEO BỘ MÔN CỦA BÁCH KHOA

Từ số 385 (E,F) đến số 394 (O), từ tháng 1 đến tháng 7 năm 1973 (*)

Sự sắp xếp theo bộ môn dưới đây chỉ có tính cách hướng dẫn, giúp bạn đọc dễ tra cứu, bởi vậy nếu có những sai lầm trong sự phân loại, cũng mong bạn đọc lượng thứ cho.

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
BIÊN KHẢO-NGHỊ LUẬN			
<u>CHÍNH TRỊ</u>			
— Bài học xứ Lào	Phạm Việt Châu	391	09
— nt —	— nt —	392	15
— Diễn biến một năm qua	Trần Đại	385-86	19
— Thảm trạng da đỏ	Dohamide	393	23
— 1972, một năm đảo lộn chính trị	Từ Minh	385-86	09
— Quý Sửu, một nền hòa bình bất ổn	— nt —	387	09
— Hội nghị quốc tế Ba-lê	— nt —	389	09
— Nước Úc, triều đại G. Whitlam	— nt —	392	09
— Quốc gia Do thái 25 năm qua.	— nt —	393	20
— Từ Profumo tới Lord Lambton	— nt —	394	39
<u>DÂN TỘC HỌC</u>			
— Thân Phận người sơ khai	Dohamide	387	47
— Giọng Huế	Võ Phiền	389	51
— Người Huế	— nt —	390	17
<u>GIÁO DỤC</u>			
— Đàm thoại về Du học và Giáo dục	Nguyễn Xuân Nhựt	389	23
— Một nền giáo dục thích nghi	— nt —	— nt —	25
— Vấn đề giáo dục phụ huynh	Đoàn Nhật Tấn	393	39
<u>KHOA HỌC Y HỌC</u>			
— Nobel khoa học 1972	Võ Quang Yến	385-86	37
— Học tập sinh đẻ	— nt —	389	15
— Thuốc trị bá chứng : Prostaglandine	— nt —	392	23
— Danh từ y học Đông Tây...	Trần Văn Tích	388	33

(*) Bách Khoa số 385-386 (15-1-73)
(E, F) (01-2-73)

Bách Khoa số 387 (G) (15-2-73)

Bách Khoa số 388 (H) (15-3-73)

Bách Khoa số 389 (I) (01-4-73)

Bách Khoa số 390 (K) (15-4-73)

Bách Khoa số 391 (L) (15-5-73)

Bách Khoa số 392 (M) (01-6-73)

Bách Khoa số 393 (N) (15-6-73)

Bách Khoa số 394 (O) (01-7-73)

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
— Chăm thuật trên đất Pháp	Trần Văn Tích	390	23
— Đông, Tây y đối với kinh và sữa	— nt —	391	29
— Khủng hoảng giáo dục y khoa tại Pháp.	— nt —	394	25
<u>NGHỆ THUẬT</u>			
— Điện ảnh V.N. 1972	Đỗ Tiến Đức	385-86	55
— Bình ca và bình mới rượu cũ	Bách Khoa	— nt —	133
— Tà Ty và họa phái Lập-thể	— nt —	392	79
— Bức tranh VN cao giá nhất 72	Thu Thủy	385-86	132
<u>PHONG TỤC</u>			
— Chơi câu đối	Toan Ánh	387	37
<u>SỬ, ĐỊA</u>			
— Mấy tài liệu về Nguyễn Hữu Độ	Nguyễn Văn Xuân	393	33
— Giai thoại một thời : Cô đầu với Phan Khôi	— nt —	385-86	107
— nt : Cái oai của Tả quân	— nt —	387	73
<u>TIỂU SỬ, DANH NHÂN</u>			
— Harry S. Truman	Từ Minh	387	63
— Lyndon B. Johnson	— nt —	388	47
— Pearl Buck	— nt —	390	49
— Pablo Picasso	— nt —	391	39
<u>TÔN GIÁO</u>			
— Cuộc đời Đức Phật	Lê Xuân Khoa	391	15
— — nt —	— nt —	392	35
— Phật giáo kết tập kinh điển	— nt —	393	45
— — nt —	— nt —	394	19
— Sống với ý-thức-hệ	Trần Ngọc Ninh	394	09
<u>VĂN HỌC, VĂN HÓA</u>			
— Giải tuyên dương sự nghiệp (P.V)	Giân-Chi	387	13
— nt —	Võ Phiến	388	19
— nt —	Nguyễn Cao Đàm	— nt —	— nt —
— nt —	Vũ Hoàng Chương	389	75

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
— Văn học thời Duy Tân — nt —	Nguyễn Thiếu Dũng — nt —	389 390	33 31
— Tình hình chữ nghĩa 72	Nguyễn Mộng Giác	385-86	23
— Người cầm bút, đời sống và sáng tác	Vũ Hạnh	— nt —	87
— Kêu tên cho đúng	Nguyễn Văn Hầu	388	23
— Một bài thơ Tết và tâm sự Nguyễn Du	Đỗ Trọng Huề	385-86	43
— Kỷ nguyên tiêu thụ và nghề viết văn — nt —	Nguyễn Hiến Lê — nt —	— nt — — nt —	31 23
— Hư Chu (1923 — 1973)	— nt —	392	73
— Khóc Hư Chu (thơ)	Vũ Hoàng Chương	— nt —	77
— Tưởng niệm Phan Phụng Thạch	Bách-Khoa	389	72
— « Kim túy tình từ » thoại gần nguyên bản truyện Kiều ?	Ngê Bá Lí	391	84
— Thư viện Hội-dồng Giám-mục VN.	Phan Mai	385-86	128
— Nguyễn-Trãi, Huyền Thạc và Sắc Không	Trần Ngọc Ninh	390	09
— Sách báo trẻ em 72	Minh Quân	385-86	63
— Năm mới viếng nhà thờ Nhất Linh	Nguyễn Văn Xuân	389	39
— Nhân 1 kỷ niệm của Hoàng Đạo	— nt —	390	39
— Trả lời Ô. Vũ Tiến Phúc về cuốn CPNDATK	— nt —	391	47
— nt —	— nt —	392	43
— Ngụ ngôn	Đoàn Nhật Tấn	391	23
— nt —	— nt —	392	29
<u>LINH TINH</u>			
— Bộ đời miền Nam 90 tuổi	Bình Nguyên Lộc	388	39
— Đầu năm nói chuyện tương số	Lê Thanh Thái	385-86	71
— nt —	— nt —	387	19

VĂN NGHỆ

ĐÀM THOẠI — PHÒNG VẤN

- BK phỏng vấn về giải tuyên dương « sự nghiệp » các ông Giản Chi (BK 387) Võ Phiến, Nguyễn Cao Đàm (BK 388). Về « Văn đề Du học và Giáo dục P.v Ô. Nguyễn Xuân Nhựt (BK 389). Về Picasso và hội họa Lập-thể P.v. Họa sĩ Tạ Tỵ (BK 392).

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tập chí	Trang
<u>LÁ THƯ NƯỚC NGOÀI</u>			
— Lá thư Vạn tượng	Minh Đức Hoài Trinh	388	57
— nt —	— nt —	390	59
— Lá thư Cam bốt	— nt —	391	73
— Lá thư Ba lê	— nt —	392	53
— nt —	— nt —	393	53
— nt —	— nt —	394	49
<u>TÙY BÚT, HỒI KÝ</u>			
— Ô. Diệm, Ô. Nhu và Bà Nhu	Huỳnh văn Lang	385-86	99
— nt —	— nt —	387	55
— Tết quí Sửu ở tỉnh	Trần Lê	388	63
— Ngày Tết nói chuyện ăn	Võ Phiến	385-86	49
— Từ chuyện áo quần ngày Xuân	— nt —	387	31
— Từng khối bên nhau	— nt —	388	15
— Giọng Huế	— nt —	389	51
— Người Huế	— nt —	390	17
<u>TRUYỆN NGẮN</u>			
— Tiếng đàn thầm	Nguyễn Mộng Giác (Nguyễn Ngân Sơn)	385-86	111
— Vách đá cheo leo	— nt —	391	55
— Nước cạn, hoa lau	— nt —	394	55
— Trát đòi nhân chứng	Võ Hồng	389	55
— Gửi thư	Đặng Trần Huân	385-86	119
— Già từ em vĩnh biệt	Du-li	389	63
— Trong lòng son	— nt —	392	56
— Hẹn mỗi tuần	Hoàng Ngọc Tuấn	393	59
— Bánh mì và nghệ thuật	Lê Miên Tường	391	63
<u>THƠ</u>			
— Trong cơn khổ nạn	Mạc ly Châu	385-86	84
— Tin xuân	Vũ Hoàng Chương	385-86	81
— Đau thanh bậc chị	— nt —	391	86
— Khóc Hư Chu	— nt —	392	77
— 3 bài thơ xướng họa ; đầu xuân	Đông Hồ, Mộng Tuyết		
Bính Ngọ và đầu Xuân Quí Sửu	Vũ Hoàng Chương	389	73
— Cảm ân người vợ khổ	Vũ Hữu Định	385-86	83
— Đêm nguyện cầu	Trần Ngọc Kim	391	54
— Thêm một lần đi	Thụy Khái	394	66
— Tiễn đưa. Đêm mưa hành quân	Bùi Khiết	392	64

ĐỀ MỤC SẮP THEO BỘ MÔN	TÁC GIẢ	Số tạp chí	Trang
— Khi trở lại trường	Du Tử Lê	387	84
— Khi em về	Võ văn Lê	388	70
— Gặp lại Vũ Hữu Định	Tường Linh	391	52
— Những dây hành lang buồn bã	Mang Viên Long	394	67
— Khi trở về Hội an	Hoàng Lộc	390	66
— Bầu xuân	Lê Nghị	388	70
— Mùa trăng, chim biển, hoa quì	Đạm Như	391	53
— Mỗi mùa xuân đi qua	Đinh Hoàng Sa	388	71
— Đại lân	Nguyễn Bắc Sơn	390	67
— Chén rượu chiều 30	Huỳnh Kim Sơn	392	65
— Đường thorn chân đất	Đông Trình	393	72
— Nắng hạ tình phai — Bài thơ làm khi say rượu — Bàng bạc tình quê	Phan Phụng Thạch	389	73
— Hong chút tình xưa	Đỗ Chu Thăng	389	71
— Tình mộng	Tạ Ty	385-86	82

SINH HOẠT

— Sa-kê hày mít nài?	Phạm Ngọc Ẩn	391	85
— Ngê Bá Lí muốn cầm bút trở lại	Bách Khoa	385-86	130
— Một tạp chí trẻ em Việt ở nước ngoài	— nt —	387	87
— Một bức thư đầu năm	Nguyễn Ngu Í	387	77
— Chúc Tết đồng bào miền Bắc	Huỳnh văn Lang	387	86
— Lễ phát giải thưởng Bút Việt 72	Thế Nhân	387	85
— Tuần lễ văn hóa ở Cổ đô	Hoàng Thao	392	67
— Thời sự thể giới (BK.385-86, 388, 389, 390, 391, 392, 943)	Từ Minh		
— Thời sự khoa học : (BK 388, 392, 394)	Tử Diệp		
— Thời sự văn nghệ (BK 385-86, 387, 391, 392, 394)	Tràng Thiên		
— Thời sự văn nghệ (BK 385-86, 389, 390, 392, 394)	Thu Thủy		